

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

NGÔ THỊ THẢO

VẬN DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC
TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC
MÔN KHOA HỌC LỚP 4

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2452020282

NINH BÌNH, (2024)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

NGÔ THỊ THẢO

VẬN DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC
TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC
MÔN KHOA HỌC LỚP 4

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2452020282

Người hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mỹ

NINH BÌNH, (2024)

LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn và kính trọng sâu sắc tới ThS. Nguyễn Thị Mỹ - Giảng viên Trường PTHSP Trảng An– người đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận này. Cô đã mở ra cho em những kiến thức, những vấn đề khoa học thiết thực và bổ ích. Đồng thời tạo điều kiện và định hướng cho em học tập và nghiên cứu những vấn đề về phương pháp dạy học.

Em cũng xin thể hiện sự kính trọng và lòng biết ơn đến quý thầy cô giáo tại trường Đại học Hoa Lư, các thầy cô giáo trong khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non, Ban Giám hiệu, quý thầy cô giáo và các em học sinh Trường Tiểu học Ninh Giang (Ninh Bình) đã tạo điều kiện giúp đỡ em thực hiện và hoàn thành khóa luận này.

Trong quá trình nghiên cứu, không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Kính mong được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày.....tháng.....năm 2024

Sinh viên

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng mình. Những kết quả và số liệu trong khóa luận chưa được công bố dưới bất kì hình thức nào. Tôi xin chịu trách nhiệm về sự cam đoan này.

Ninh Bình, ngày.....tháng....năm 2024

Sinh viên

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ninh Bình, ngày.....tháng....năm 2024

Người hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Mỹ

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

KTDH	Kĩ thuật dạy học
GDPT	Giáo dục phổ thông
SGK	Sách giáo khoa
SBT	Sách bài tập
GV	Giáo viên
HS	Học sinh

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Ba bình diện của phương pháp dạy học.....	7
Hình 1.2. Mô hình khăn trải bàn.....	10
Hình 1.3. Mô hình phiếu học tập KWLH	12
Hình 2.1. Mô hình kĩ thuật khăn trải bàn truyền thống	46
Hình 2.2. Mô hình kĩ thuật khăn trải bàn xoay	48
Hình 2.3. Mô hình kĩ thuật khăn trải bàn xoay với giấy note	48

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Khái niệm về “Kỹ thuật dạy học tích cực”.....	30
Bảng 1.2. Sự cần thiết của việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4.....	32
Bảng 1.3. Kỹ thuật dạy học tích cực mà giáo viên thường sử dụng trong dạy học Khoa học lớp 4.....	33
Bảng 1.4. Thái độ của HS khi được học bài Khoa học có vận dụng các KTDH tích cực.....	35
Bảng 1.5. Những khó khăn khi vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4.....	36
Bảng 2.1. Các bài dạy có vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực	56
Bảng 3.1. Kết quả kiểm tra năng lực đặc thù của học sinh ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.....	70
Bảng 3.2. Kết quả kiểm tra năng lực chung của HS ở lớp thực nghiệm.....	72
Bảng 3.3. Kết quả kiểm tra năng lực chung của HS ở lớp đối chứng	73
Bảng 3.4. Kết quả kiểm tra phẩm chất của HS tại lớp thực nghiệm.....	75
Bảng 3.5. Kết quả kiểm tra phẩm chất của HS tại lớp đối chứng.....	76
Bảng 3.6. Kết quả đánh giá mức độ hứng thú học tập của HS trước và sau khi thực nghiệm.....	78

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1.1. Khái niệm về “Kỹ thuật dạy học tích cực”	31
Biểu đồ 1.2. Sự cần thiết của việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4.....	32
Biểu đồ 1.3. Kỹ thuật dạy học tích cực mà giáo viên thường sử dụng trong dạy học Khoa học lớp 4.....	34
Biểu đồ 1.4. Thái độ của HS khi được học bài Khoa học có vận dụng các KTDH tích cực.	35
Biểu đồ 1.5. Những khó khăn khi vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4.....	37
Biểu đồ 3.1. Kết quả kiểm tra năng lực đặc thù của học sinh ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.....	71
Biểu đồ 3.2. Kết quả kiểm tra năng lực chung của HS ở lớp thực nghiệm.....	73
Biểu đồ 3.3. Kết quả kiểm tra năng lực chung của HS ở lớp đối chứng	74
Biểu đồ 3.4. Kết quả kiểm tra phẩm chất của HS tại lớp thực nghiệm ..	76
Biểu đồ 3.5. Kết quả kiểm tra phẩm chất của HS tại lớp đối chứng	77
Biểu đồ 3.6. Kết quả đánh giá mức độ hứng thú học tập của HS trước và sau khi thực nghiệm	79
Biểu đồ 3.7. Đánh giá tính tích cực nhận học tập của HS	80

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
LỜI CAM ĐOAN	ii
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC	iii
BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC HÌNH.....	v
DANH MỤC BẢNG.....	vi
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	vii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn	6
Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN.....	7
1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	7
1.1.1. Một số vấn đề lý luận về kĩ thuật dạy học	7
1.1.1.1. Khái niệm về quan điểm dạy học, phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học	7
1.1.1.2. Đặc điểm chung của kĩ thuật dạy học	8
1.1.1.3. Phân loại kĩ thuật dạy học.....	8
1.1.2. Một số kĩ thuật dạy học tích cực.....	9
1.1.2.1. Kĩ thuật khăn trải bàn	9
1.1.2.2. Kĩ thuật KWLH	11
1.1.2.3. Kĩ thuật dạy học theo Trạm	14
1.2. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN KHOA HỌC LỚP 4	18
1.2.1. Đặc điểm môn học	18
1.2.2. Quan điểm xây dựng chương trình	18
1.2.2.1. Dạy học tích hợp.....	18
1.2.2.2. Dạy học theo chủ đề	19
1.2.2.3. Tích cực hóa hoạt động của học sinh.....	19
1.2.3. Mục tiêu chương trình	19

1.2.4. Nội dung chương trình	20
1.2.5. Thời lượng chương trình	26
1.3. ĐẶC ĐIỂM TÂM SINH LÝ TRẺ EM LỨA TUỔI TIỂU HỌC....	26
1.3.1. Nhận thức cảm tính.....	26
1.3.2. Nhận thức lý tính.....	27
1.4. CƠ SỞ THỰC TIỄN.....	29
1.4.1. Khái quát về quá trình điều tra	29
1.4.1.1. Mục đích điều tra	29
1.4.1.2. Đối tượng điều tra.....	29
1.4.1.3. Nội dung điều tra	30
1.4.1.4. Phương pháp điều tra	30
1.4.2. Kết quả điều tra.....	30
1.4.2.1. Nhận thức của giáo viên về kĩ thuật dạy học tích cực và sự cần thiết.....	30
1.4.2.2. Thực trạng sử dụng một số kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4	33
1.4.2.3. Thái độ của học sinh khi giáo viên sử dụng kĩ thuật dạy học tích cực trong các tiết học Khoa học lớp 4	35
1.4.2.4. Khó khăn của giáo viên khi sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực	36
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	38
Chương 2 <u>VẬN DỤNG</u> MỘT SỐ KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC LỚP 4.....	39
2.1. NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG MỘT SỐ KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC Ở TIỂU HỌC	39
2.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học	39
2.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức.....	39
2.1.3. Nguyên tắc đảm bảo phát huy tính tích cực của học sinh.....	40
2.2. VẬN DỤNG MỘT SỐ KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC LỚP 4.....	40
2.2.1. Kĩ thuật KWLH.....	40
2.2.2. Kĩ thuật Khăn trải bàn	45
2.2.2.1. Kĩ thuật Khăn trải bàn truyền thống (nguyên thể).....	45

2.2.2.2. Kỹ thuật Khăn trải bàn biến thể	47
2.2.3. Kỹ thuật dạy học theo Trạm	50
2.3. XÂY DỰNG MỘT SỐ KẾ HOẠCH BÀI HỌC CÓ VẬN DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC	56
2.3.1. Lựa chọn các bài Khoa học lớp 4.....	56
2.3.2. Kế hoạch bài dạy có vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực	57
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	68
Chương 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM	69
3.1. MỤC ĐÍCH THỰC NGHIỆM.....	69
3.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC NGHIỆM.....	69
3.2.1. Đối tượng.....	69
3.2.2. Phạm vi.....	69
3.3. NỘI DUNG THỰC NGHIỆM	69
3.3.1. Lựa chọn các bài thực nghiệm	69
3.3.2. Công tác chuẩn bị.....	69
3.4. TIẾN HÀNH THỰC NGHIỆM.....	70
3.5. KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM	70
3.5.1. Đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu cần đạt ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng	70
3.5.1.1. Năng lực đặc thù	70
3.5.1.2. Năng lực chung	72
3.5.1.3 Phẩm chất.....	75
3.5.2. Đánh giá mức độ hứng thú học tập của học sinh	78
3.5.3. Đánh giá tính tích cực nhận thức của học sinh	80
3.6. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN.....	81
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	82
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	83
1. Kết luận	83
2. Kiến nghị	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO	85
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thế kỉ XXI là thế kỉ mà khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ. Cùng với các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư nối tiếp nhau ra đời, kinh tế tri thức phát triển mạnh đem lại cơ hội phát triển vượt bậc, đồng thời cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển và chậm phát triển. Để bảo đảm phát triển bền vững, nhiều quốc gia đã không ngừng đổi mới giáo dục để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trang bị cho các thế hệ tương lai nền tảng văn hoá vững chắc và năng lực thích ứng cao trước mọi biến động của thiên nhiên và xã hội. Đổi mới giáo dục đã trở thành nhu cầu cấp thiết và xu thế mang tính toàn cầu [1]. Trong đó, đổi mới về phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh có vai trò rất quan trọng. Bên cạnh các phương pháp dạy học thì các kĩ thuật dạy học cũng rất đa dạng: kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật ổ bi, kĩ thuật bể cá, kĩ thuật XYZ, kĩ thuật 365, kĩ thuật sơ đồ KWL, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật trạm góc...v.v. Do kĩ thuật dạy học có vai trò to lớn trong quá trình dạy học, nó là phương tiện hỗ trợ giáo viên tổ chức các hoạt động học tập, khơi gợi, tạo hứng thú cho học sinh. Đồng thời, kĩ thuật dạy học cũng tạo điều kiện cho học sinh được trải nghiệm, được tham gia, được hợp tác với các bạn trong lớp để giải quyết nhiệm vụ học tập.

Thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội và quyết định của Thủ Tướng Chính phủ như nghị quyết số 29/NQ-TW ban hành ngày 4 tháng 11 năm 2013, nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014, quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 đều xác định mục tiêu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông là góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học [3],[4],[6]. Chương trình giáo dục phổ thông mới được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp học sinh phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, trở thành người học tích cực, tự tin, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh các tri thức và kĩ năng nền tảng; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hoá.

Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, môn Khoa học được dạy ở lớp 4, lớp 5 và là môn học bắt buộc ở cấp Tiểu học. Môn học góp phần hình thành, phát triển ở học sinh năm phẩm chất cơ bản là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm. Mặt khác, môn khoa học còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung cho học sinh như năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, thông qua môn học học sinh được hình thành và phát triển năng lực khoa học tự nhiên, giúp các em có những hiểu biết ban đầu về thế giới tự nhiên, bước đầu có kĩ năng tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh và khả năng vận dụng kiến thức để giải thích các sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên, giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống, bảo vệ tài nguyên và bảo vệ môi trường xung quanh [2]. Trên cơ sở này đòi hỏi hoạt động tổ chức, hướng dẫn của giáo viên phải hướng tới hình thành và rèn luyện kĩ năng của học sinh.

Để thực hiện được mục tiêu chương trình thì các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường cần áp dụng các phương pháp, kĩ thuật tích cực hóa hoạt động của học sinh, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển. Một trong những vấn đề được đặt ra là phải vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực này một cách hợp lí, phù hợp vào từng bài học, từng môn học.

Từ những lý do nêu trên, chúng tôi đã lựa chọn đề tài ***“Vận dụng một số kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Vấn đề tổ chức hoạt động dạy học chú trọng việc phát huy tính tích cực, tự lực, sáng tạo cho học sinh đã được đề cập rất sớm ở các nước phương Đông, phương Tây và ở Việt Nam hiện nay nó không còn là vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn dạy học. Nghị quyết số 29 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI năm 2013 về đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam. Nghị Quyết 88/2014/QH13 của Quốc Hội về việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa.

Đặc biệt là việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018 và chương trình Giáo dục phổ thông môn Khoa học.

Nhiều nhà khoa học giáo dục đã nghiên cứu về vấn đề này dưới các góc độ và bình diện khác nhau. Vấn đề dạy và học tích cực được đề cập với nhiều góc độ như: “dạy học lấy người học làm trung tâm”, “dạy học tập trung vào người học”, “dạy học tích cực”, “phương pháp dạy học tích cực”, “kỹ thuật dạy học tích cực”... Để đáp ứng yêu cầu, định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo đặt ra là đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, các nhà giáo dục đã nghiên cứu, tìm tòi, lựa chọn và phối hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học để đạt hiệu quả cao nhất cho từng bài học.

Nhiều công trình nghiên cứu về kỹ thuật dạy học tích cực để phát huy phẩm chất, năng lực của học sinh đáp ứng yêu cầu của chương trình Giáo dục phổ thông 2018 như: Nguyễn Ngọc Bảo – “phát triển tính tích cực, tự lực của học sinh trong quá trình dạy học”, Đỗ Hương Trà và một số tác giả - “Dạy và học tích cực” (Dự án Việt - Bỉ) đã đưa ra một số KTDH tích cực, chỉ rõ được bản chất, cách thức thực hiện, những yêu cầu sử dụng các KTDH tích cực [7].

Tài liệu “Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học” của tác giả Nguyễn Lăng Bình (2021) đã chỉ rõ được khái niệm, đặc điểm, quy trình, ưu nhược điểm khi dạy học của một số các kỹ thuật dạy học tích cực như: kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật sơ đồ tư duy,... một cách rõ ràng và cụ thể [6].

Tài liệu “Bồi dưỡng sử dụng phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh Tiểu học – Môn TNXH (Mô –đun 2.4)” của tác giả Nguyễn Tuyết Nga, Phan Thanh Hà, Nguyễn Ngọc Yến (2020) đã chỉ ra được cách thức sử dụng các phương pháp dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực cho HS. Tuy nhiên tài liệu chưa đề cập đến các KTDH. [12]

Tài liệu “Vận dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực ở trường tiểu học” của tác giả Nguyễn Thanh Nga (2022) đã đưa ra được quy trình tổ chức, những lưu ý khi tổ chức và xây dựng một số ví dụ có vận dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học các môn học ở trường Tiểu học một cách rõ ràng, cụ thể. [13]

Tài liệu “Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội” của tác giả Nguyễn Thị Thân (chủ biên) cũng đề cập đến các phương pháp như quan sát, hỏi đáp, thực hành,... Nhưng lại không đề cập đến các KTDH. [15]

Tài liệu “Bồi dưỡng thường xuyên MODULE TH 16 – Một số kỹ thuật dạy học tích cực ở Tiểu học” của tác giả Lưu Thu Thủy (2018) đã đưa ra được khái niệm, mối quan hệ giữa KTDH và PPDH, cũng chỉ rõ được mục đích, tác dụng, các bước tiến hành, yêu cầu sư phạm khi sử dụng của một số KTDH như: Khăn trải bàn, sơ đồ tư duy, KWL,...[16]

Tài liệu “Hướng dẫn dạy học môn Khoa học theo chương trình GDPT mới” của Mai Sỹ Tuấn cũng đã chỉ ra định hướng chung khi sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học nhưng chưa đề cập đến phương pháp, kỹ thuật cụ thể. [17]

Ngoài ra, cũng có một số nghiên cứu về việc áp dụng các KTDH tích cực vào trong dạy học như:

Khóa luận tốt nghiệp Đại học của Nguyễn Thu Hương (2017) nghiên cứu về “Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 5 ở Tiểu học” đã đề xuất được một số quy trình vận dụng của một số KTDH tích cực như kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật tia chớp, kỹ thuật XYZ, kỹ thuật lược đồ xương cá và vận dụng để thiết kế một số bài học cụ thể của môn Khoa học lớp 5. Nghiên cứu đã cho thấy được sự phù hợp khi vận dụng các KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 5 [11].

Khóa luận tốt nghiệp Đại học của Nguyễn Thị Bích Ngà (2014) nghiên cứu về “Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 ở Tiểu học” đã phân loại, nêu được cách thức sử dụng và thiết kế được các hoạt động vận dụng một số KTDH tích cực như kỹ thuật KWL, kỹ thuật sơ đồ tư duy trong dạy học Tự nhiên và Xã hội lớp 3 [14].

Kết quả nghiên cứu của các tác giả đã giúp cho người đọc hiểu rõ hơn về lịch sử hình thành và phát triển cũng như các bước và quy tắc khi tổ chức một giờ dạy học có vận dụng các KTDH tích cực. Công trình nghiên cứu của các tác giả đã chứng minh được sự phù hợp khi vận dụng các KTDH là khả thi và mang lại hiệu quả cao trong dạy học các chủ đề theo hướng phát triển năng lực cho học sinh.

Tuy nhiên, đề tài vận dụng một số KTDH tích cực vào trong dạy học môn Khoa học và đặc biệt là môn Khoa học lớp 4 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thì chưa có tác giả nào nghiên cứu. Trên cơ sở kế thừa những định hướng, thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước, đề tài tập trung nghiên cứu

vận dụng một số KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4 góp phần thực hiện mục tiêu chương trình GDPT mới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Vận dụng một số kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Khoa học lớp 4.

3.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật KWLH và kĩ thuật dạy học theo Trạm.

- Điều tra, đánh giá thực trạng của việc vận dụng kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật KWLH và kĩ thuật dạy học theo Trạm trong dạy học môn Khoa học ở một số trường Tiểu học trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình.

- Xây dựng các nguyên tắc vận dụng một số KTDH tích cực trong môn Khoa học.

- Vận dụng một số KTDH tích cực trong dạy học môn khoa học lớp 4.

- Xây dựng một số kế hoạch bài học có vận dụng KTDH tích cực trong dạy học môn khoa học lớp 4.

- Thực nghiệm sư phạm ở trường Tiểu học để đưa ra kết luận và đánh giá tính đúng đắn của đề tài.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Vận dụng một số KTDH tích cực trong dạy học Khoa học lớp 4.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Giới hạn nội dung nghiên cứu:

- + Kĩ thuật dạy học tích cực: kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật KWLH, kĩ thuật dạy học theo Trạm.

- + Nội dung kiến thức Khoa học lớp 4 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống:

1. Chủ đề “Chất”

2. Chủ đề “Con người và sức khỏe”

- Phạm vi điều tra: GV của một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Phạm vi thực nghiệm: Trường Tiểu học Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

- Đọc và nghiên cứu tài liệu để phân tích, tổng hợp, so sánh các nội dung liên quan đến một số kỹ thuật dạy học tích cực.

- Nghiên cứu chương trình, SGK, SBT để xác định nội dung cấu trúc logic của các kiến thức mà HS cần nắm vững trong môn Khoa học 4.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Phương pháp điều tra*: Tiến hành khảo sát, thăm dò ý kiến của GV dạy Tiểu học bằng các hình thức: điều tra bằng phiếu hỏi, phỏng vấn trực tiếp để tìm hiểu thực trạng sử dụng các KTDH trong môn Khoa học lớp 4.

- *Phương pháp thực nghiệm sư phạm*: Tiến hành thực nghiệm sư phạm ở Trường Tiểu học nhằm kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của các KTDH tích cực đã vận dụng.

- *Phương pháp quan sát*: Tiến hành dự giờ, quan sát quá trình tổ chức hoạt động dạy và học môn khoa học lớp 4 khi vận dụng các KTDH tích cực nhằm đánh giá, mức độ hứng thú và tiếp thu kiến thức của học sinh.

- *Phương pháp đàm thoại*: Gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với GV và HS nhằm tìm hiểu, thu thập các thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

5.3. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng thống kê toán học để phân tích kết quả thực nghiệm sư phạm từ đó khẳng định tính hiệu quả của việc áp dụng đề tài.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Cung cấp hệ thống cơ sở lý luận về việc vận dụng một số KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4.

- Khái quát được thực trạng của dạy học môn Khoa học ở lớp 4 nói chung và việc vận dụng một số KTDH tích cực vào môn Khoa học lớp 4 nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Xây dựng được một số kế hoạch bài học có sử dụng các kỹ thuật dạy học như: Khăn trải bàn, KWLH, Trạng.

- Vận dụng một số kỹ thuật dạy học vào dạy học môn Khoa học lớp 4, góp phần đổi mới quá trình dạy học nói chung và môn Khoa học lớp 4 nói riêng.

- Là nguồn tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học và các giáo viên giảng dạy môn Khoa học ở trường Tiểu học.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1.1. Một số vấn đề lý luận về kỹ thuật dạy học

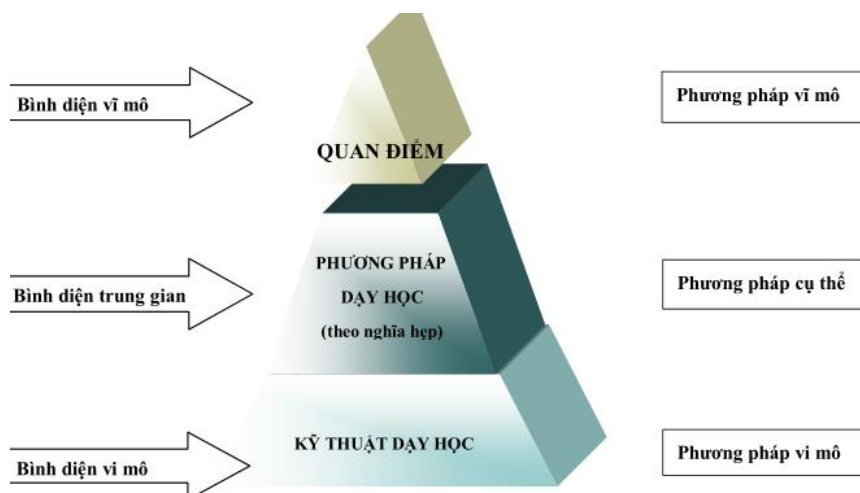
1.1.1.1. Khái niệm về quan điểm dạy học, phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học

Quan điểm dạy học là những định hướng mang tính chiến lược, cương lĩnh, là mô hình lý thuyết của phương pháp dạy học cụ thể [6, tr.32]. Chẳng hạn: dạy học hướng vào người học, dạy học phát huy tính tích cực của học sinh, dạy học phát triển năng lực.

Phương pháp dạy học là những cách thức, con đường dẫn đến mục tiêu của bài học [6, tr.32]. Chẳng hạn: Phương pháp dạy học trực quan, phương pháp dạy học theo dự án, phương pháp dạy học giải quyết vấn đề,...

Kỹ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống/hoạt động nhằm thực hiện giải quyết một nhiệm vụ/nội dung cụ thể của bài học [6, tr.32]. Chẳng hạn: kỹ thuật dạy học 321, kỹ thuật dạy học mảnh ghép, kỹ thuật dạy học khăn trải bàn, kỹ thuật dạy học KWLH, kỹ thuật dạy học theo Trạm,...

Mối quan hệ giữa quan điểm dạy học, phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học có thể được thể hiện ở sơ đồ sau:



Hình 1.1. Ba bình diện của phương pháp dạy học

Trong 3 bình diện của PPDH thì KTDH là bình diện nhỏ nhất. Các KTDH chưa phải là các PPDH độc lập mà là những thành phần của PPDH.

Ví dụ: Trong phương pháp thảo luận nhóm có các KTDH như kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh,...

1.1.1.2. Đặc điểm chung của kĩ thuật dạy học

Một số KTDH sẽ có ưu thế và thuận lợi để hình thành và phát triển một loại năng lực nào đó. Chẳng hạn, dạy học giải quyết vấn đề phù hợp với năng lực giải quyết vấn đề toán học, dạy học (bằng) mô hình hoá toán học sẽ phù hợp với năng lực mô hình hoá toán học, dạy học toán qua tranh luận khoa học phù hợp với năng lực giao tiếp toán học,... Do đó, GV cần có sự lựa chọn KTDH phù hợp trong giờ dạy để nhắm đến một hoặc một vài năng lực cụ thể. Bên cạnh đó, GV cần linh hoạt vận dụng KTDH tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng KTDH truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn.

1.1.1.3. Phân loại kĩ thuật dạy học

Dựa vào nội dung và cách thức sử dụng các KTDH tích cực trong dạy học có thể chia các KTDH tích cực thành 2 nhóm sau:

a. Các kĩ thuật tổ chức hoạt động nhóm

- Kĩ thuật “Động não”
- Kĩ thuật “Thảo luận viết”
- Kĩ thuật “XYZ”
- Kĩ thuật “Bể cá”
- Kĩ thuật “Mảnh ghép”
- Kĩ thuật “Khăn trải bàn”
- Kĩ thuật “Phòng tranh”
- Kĩ thuật “Sơ đồ tư duy”
- Kĩ thuật “Ồ bi”
- Kĩ thuật “Tia chớp”

b. Các kĩ thuật tổ chức hoạt động cá nhân

- Kĩ thuật “5W1H”
- Kĩ thuật “KWLH”

1.1.2. Một số kĩ thuật dạy học tích cực

Trong dạy học môn Khoa học lớp 4 cần sử dụng phương pháp, KTDH tích cực khác nhau. Tuy nhiên, chúng tôi chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu 3 KTDH tích cực dưới đây.

1.1.2.1. Kĩ thuật Khăn trải bàn

a. Khái niệm

Kĩ thuật Khăn trải bàn là kĩ thuật tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm [6, tr.43].

b. Mục tiêu

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực của học sinh.
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân học sinh.
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa học sinh với học sinh [6, tr.43].

c. Tác dụng đối với HS và GV

*** Đối với HS**

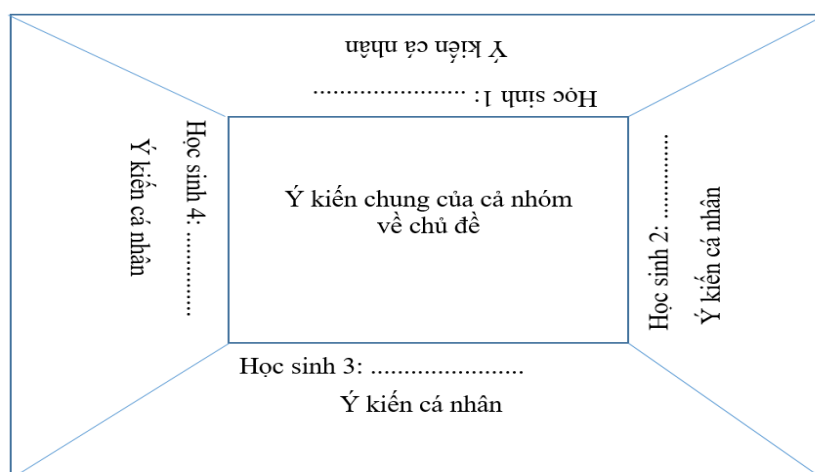
- HS được tiếp cận với nhiều giải pháp và chiến lược khác nhau.
- Rèn kĩ năng suy nghĩ, quyết định và giải quyết vấn đề.
- Đạt được mục tiêu học tập cá nhân cũng như hợp tác.
- Phối hợp làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm nhỏ tạo cơ hội cho học sinh học tập có sự phân hóa.
- Nâng cao mối quan hệ giữa học sinh; tăng cường hợp tác, giao tiếp, học cách chia sẻ kinh nghiệm và tôn trọng lẫn nhau.
- Nâng cao hiệu quả học tập [6, tr.43].

*** Đối với GV**

- Giúp GV quản lí được ý thức và kết quả làm việc của mỗi cá nhân HS, tránh tình trạng trong nhóm chỉ có một số HS làm việc, còn các HS khác thì không.

d. Cách tiến hành

- Chia HS thành các nhóm và phát cho mỗi nhóm một tờ giấy (A0, A3 hoặc A2).
- Trên giấy chia thành các phần, gồm phần chính giữa và các phần xung quanh. Phần xung quanh được chia theo số thành viên của nhóm. Ví dụ nhóm 4 người thì chia thành 4 phần.



Hình 1.2. Mô hình khăn trải bàn

- Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, tập trung suy nghĩ trả lời câu hỏi/nhiệm vụ theo cách nghĩ, cách hiểu riêng rồi viết vào phần giấy của mình trên tờ giấy lớn.

- Trên cơ sở ý kiến của mỗi cá nhân, HS thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến và viết vào phần chính giữa của tờ giấy [6, tr.43].

e. Ưu, nhược điểm

* Ưu điểm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực.
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của từng cá nhân HS.
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS và HS.
- Đem lại bầu không khí học tập thoải mái, HS tin tưởng, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập.

* Nhược điểm:

- Mất thời gian để chuẩn bị giấy cho mỗi lần sử dụng.
- Mất khá nhiều thời gian trong quá trình tổ chức hoạt động nếu GV quản lí không tốt.

f. Lưu ý

- Câu hỏi thảo luận là câu hỏi mở.
- Trong trường hợp nhóm có số HS đông, không đủ chỗ để viết trên khăn trải bàn thì GV có thể phát cho mỗi HS một mảnh giấy nhỏ để các em ghi ý kiến cá nhân, sau đó ghim hoặc dán vào phần xung quanh của khăn trải bàn.

- Trong quá trình thảo luận thống nhất ý kiến, ghim hoặc dán những ý kiến thống nhất vào giữa khăn trải bàn. Những ý kiến trùng nhau có thể ghim, dán chồng lên nhau.

- Những ý kiến không thống nhất, cá nhân có quyền bảo lưu và được giữ lại ở phần xung quanh của khăn trải bàn [6, tr.44].

Tóm lại: Kỹ thuật Khăn trải bàn là một kỹ thuật dạy học đơn giản, dễ thực hiện, có thể sử dụng trong tất cả các bài học, môn học, cấp học cũng giống như dạy học theo nhóm. Việc học theo nhóm nếu tổ chức không tốt có thể dẫn đến tình trạng chỉ có các thành viên tích cực làm việc, các thành viên khác thụ động, ỷ lại, trông chờ như một người ngoài cuộc hoặc như một quan sát viên, dẫn đến hiệu quả học tập không cao. Kỹ thuật khăn trải bàn đòi hỏi tất cả các thành viên phải làm việc cá nhân, suy nghĩ viết ra ý kiến của mình trước khi thảo luận nhóm như vậy tất cả các thành viên trong nhóm đều có cơ hội chia sẻ ý kiến, kinh nghiệm của mình, tự đánh giá và điều chỉnh nhận thức của mình một cách tích cực, vì vậy hiệu quả học tập được nâng cao.

1.1.2.2. Kỹ thuật KWLH

a. Khái niệm

KWL là một kỹ thuật dạy học do Donna Ogle giới thiệu năm 1986. Trong đó, “K” (Known) – Những điều đã biết; “W” (Want to know) – Những điều muốn biết; “L” (Learned) – Những điều đã học được [6, tr.55, 13].

Xuất phát từ sơ đồ KWL, Ogle bổ sung thêm cột “H” (How can we learn more) – Có thể học thêm như thế nào?, ở cuối bảng với mục đích khuyến khích HS định hướng tìm hiểu/nghiên cứu thêm sau bài học. Khi đã hoàn tất nội dung ở cột L, HS có thể tìm hiểu thêm về điều muốn biết nhưng chưa có trong nội dung bài học. Các em sẽ nêu biện pháp để tìm kiếm thông tin và ghi vào cột H [6, tr.57].

b. Mục tiêu

- GV biết được vốn kiến thức, kinh nghiệm đã có và nhu cầu của HS về bài học mới.

- GV điều chỉnh cách dạy cho phù hợp với nhận thức của HS.
- HS xác định được động cơ/nhiệm vụ học tập.
- HS tự giám sát quá trình học của mình.
- HS tự đánh giá kết quả học của mình.

- GV đánh giá được kết quả của bài học thông qua kết quả tự đánh giá của HS.
- Tạo cơ hội cho HS diễn tả ý tưởng của mình vượt ra khỏi khuôn khổ bài học [6, tr.55, 13].

c. Tác dụng đối với HS

- HS hứng thú, tập trung vào nội dung bài học, xác định được nhiệm vụ học tập, nhu cầu, mong muốn được trang bị thêm hiểu biết, kiến thức, kỹ năng qua bài học.

- HS phân tích, đánh giá những kiến thức mới được hình thành và tự thấy được sự tiến bộ của mình sau bài học [6, tr.56, 13].

d. Cách tiến hành

- Sau khi giới thiệu bài học, mục tiêu cần đạt của bài học, GV phát phiếu học tập KWLH.

Học sinh điền thông tin vào phiếu như sau:

Tên bài học:

Tên học sinh:

Lớp:

Trường:

K (Những điều đã biết)	W (Những điều muốn biết)	L (Những điều đã học được sau bài học)	H (Có thể học thêm như thế nào?)
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-

Hình 1.3. Mô hình phiếu học tập KWLH

- Yêu cầu HS suy nghĩ và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến chủ đề/nội dung bài học. GV và HS cùng ghi vào cột K. Hoạt động này kết thúc khi HS đã nêu ra tất cả những điều đã biết. GV lưu ý cần có các câu hỏi để HS động não ví dụ: Ngoài những điều đã biết này, bạn nào có thể bổ sung thêm?...

- Sau khi kết thúc cột K, GV hỏi “ Ngoài những điều đã biết, các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề này?”. HS trả lời, cả GV và HS đều ghi vào cột W. Trong thực tế, đôi khi HS sẽ trả lời “Không biết” vì các em chưa xác định được

và khi gặp tình huống như vậy GV có thể gợi ý: “Em nghĩ mình sẽ biết thêm được gì sau khi học xong chủ đề này?”

- Cuối giờ học, GV yêu cầu HS điền những gì mình học được trong giờ học vào cột L và chia sẻ thảo luận.

- GV khuyến khích HS tìm hiểu/nghiên cứu thêm về những điều các em muốn biết thêm, cách các em sẽ tiếp tục tìm hiểu vào cột H. GV có thể gợi ý: “Em muốn biết thêm điều gì trong bài? Em sẽ làm cách nào để tìm hiểu thêm?” [6, tr.56].

e. Ưu, nhược điểm

** Ưu điểm*

- Những điều HS cần học có liên quan trực tiếp đến nhu cầu về kiến thức tạo nên hứng thú học tập cho em.

- Hình thành khả năng tự định hướng học tập cho HS.

- GV và HS tự đánh giá kết quả học tập, định hướng cho các hoạt động tiếp theo.

** Nhược điểm*

- Các sơ đồ cần phải được lưu trữ cẩn thận sau khi hoàn thành hai bước K và W, vì bước L có thể sẽ phải mất một thời gian dài mới có thể tiếp tục thực hiện.

f. Lưu ý

- GV nên chuẩn bị câu hỏi để giúp HS động não.

- Khuyến khích HS giải thích về những điều các em nêu ra.

- Nên đặt câu hỏi tiếp nối và gợi mở.

- GV chuẩn bị sẵn một số câu hỏi mong muốn HS tập trung vào những ý tưởng để bổ sung vào cột W.

- Khuyến khích HS ghi vào cột L những điều các em thấy thích.

Tóm lại: Kỹ thuật KWLH có thể sử dụng trong các nội dung, chủ đề, bài học, môn học ở các cấp học, với các mức độ và nội dung khác nhau. Sơ đồ KWLH giúp HS xác định nhiệm vụ, động cơ, ý thức, tự giác học tập, biết đánh giá nhìn lại quá trình học tập của mình và tự điều chỉnh cách học. Ví dụ: Sau bài học, HS thấy khó khăn trong việc điền kết quả thu được vào cột L có nghĩa là chưa thực sự hiểu bài. Nguyên nhân có thể là chưa thực sự tập trung hoặc chưa tích cực tham gia các hoạt động học. HS cần tự điều chỉnh hoặc cần nghiên cứu lại tài liệu hay đề giáo viên hỗ trợ để bổ sung kiến thức chưa hiểu, chưa rõ.

Để đảm bảo hiệu quả của kỹ thuật này GV nên cho HS nhận xét chéo kết quả của nhau (cá nhân hoặc nhóm). Sau đó, GV đưa ra ý kiến của mình về kết quả học của HS. Như vậy, HS sẽ nắm vững kiến thức một cách chắc chắn, bền vững. Kết quả học tập sẽ được nâng cao khi cả người học và người dạy đều nhìn lại quá trình thông qua kết quả học tập ngay sau mỗi nội dung, bài học mà không phải chờ đợi đến giờ kiểm tra HS mới có thể thấy được kết quả học tập của mình, GV mới đánh giá được kết quả học tập của HS và cách dạy của mình.

1.1.2.3. Kỹ thuật dạy học theo Trạm

a. Khái niệm

Dạy học theo Trạm (Learning station) là cách dạy học tập trung vào khả năng làm việc độc lập của đội nhóm. Lớp học được chia thành nhiều trạm, sắp xếp ở các vị trí khác nhau trong lớp, mỗi trạm sẽ có một nhiệm vụ cụ thể, độc lập các trạm khác. HS sau khi thực hiện xong nhiệm vụ ở mỗi trạm, sẽ luân phiên di chuyển đến các trạm tiếp theo để thực hiện nhiệm vụ khác. Khi hoàn thành nhiệm vụ sớm có thể đến các trạm chờ. Cứ như thế cho đến khi thực hiện xong nhiệm vụ ở tất cả các trạm thì sẽ lên thuyết trình, báo cáo [18].

b. Phân loại

Có rất nhiều cách phân loại các trạm học tập như: phân loại theo vị trí, phân loại theo mức độ yêu cầu nhiệm vụ, phân loại theo phương tiện dạy học, phân loại theo vai trò của các trạm, phân loại theo hình thức làm việc.

*** Phân loại theo vị trí các trạm**

- Trạm đệm là trạm đóng vai trò hỗ trợ làm việc cho một trạm chính. Trạm đệm thường được sắp xếp ngay bên cạnh trạm chính. Mỗi HS có thể thực hiện nhiệm vụ ở trạm đệm trước, sau đó thực hiện nhiệm vụ ở trạm chính.

- Trạm giám sát – dịch vụ: Đây là trạm ở vị trí trung tâm của vòng tròn học tập nhằm cung cấp thông tin, giải đáp vấn đề cho các trạm khác, cung cấp đáp án cho các trạm để so sánh kết quả sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở các trạm.

*** Phân loại theo mức độ yêu cầu nhiệm vụ**

- Trạm tự chọn: Đây là trạm mà ở đó HS có thể tự do lựa chọn nhiệm vụ theo các trình độ, hình thức học cá nhân hay theo nhóm. Trạm tự chọn có nội dung mở rộng, nội dung vui để tạo hứng thú, thu hút sự tập trung của học sinh. Trạm này HS có thể thực hiện hoặc bỏ qua.

- Trạm bắt buộc: Đây là trạm có các nội dung kiến thức, bắt buộc, trọng tâm của bài học. Trạm bắt buộc sẽ cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết của bài học cho HS.

* Phân loại các trạm theo phương tiện dạy học

- Trạm có sử dụng máy tính: Loại trạm này sử dụng máy tính hiện đại để hỗ trợ quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập, xem tranh, ảnh, video, tạo các thí nghiệm ảo,...

- Trạm thí nghiệm truyền thống: Đó là các trạm có sử dụng thí nghiệm thật, thực tế, thử nghiệm, kiểm chứng các giả thuyết.

* Phân loại theo vai trò của các trạm

- Trạm luyện tập: Đây là trạm có các nhiệm vụ dạng các bài tập trắc nghiệm hoặc câu hỏi lựa chọn đòi hỏi người học vận dụng kiến thức đã được học để trả lời, không cần tư duy, suy luận quá nhiều.

- Trạm xây dựng kiến thức mới: Đây là trạm học tập khá khó khi xây dựng vì hình thức dạy học theo trạm không hỗ trợ quá nhiều cho việc dạy HS những kiến thức mới.

* Phân loại theo hình thức làm việc

- Trạm làm việc cá nhân: Với trạm học tập này, HS thực hiện nhiệm vụ học tập một cách độc lập, chủ động không phụ thuộc và ảnh hưởng bởi những bạn khác.

- Trạm làm việc nhóm: Đây là trạm khá phổ biến khi thực hiện dạy học theo trạm, tuy nhiên để đảm bảo chất lượng dạy học và giúp GV dễ quản lý, kiểm soát lớp hơn thì các nhóm thường không quá đông, dao động từ 4 – 6 bạn một nhóm [18].

c. Tác dụng

- Trong quá trình HS luân phiên đến các trạm khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập, GV có thể quan sát, đánh giá kỹ năng của HS tại một trong các trạm để dễ quản lý hơn nhiều so với việc cố gắng đánh giá toàn bộ lớp học cùng một lúc.

- Khi tham gia hình thức học theo Trạm sẽ giúp HS thay đổi trạng thái từ thụ động tiếp nhận kiến thức sang chủ động hơn, hứng thú với bài học hơn.

- Phát triển cho HS phát triển các kỹ năng mềm: làm việc nhóm, giao tiếp, kỹ năng tư duy, kỹ năng đánh giá bản thân,... [18].

d. Ưu, nhược điểm

* Ưu điểm

- Tạo ra môi trường cho HS được chủ động, tích cực tham gia hoạt động học tập, tham gia giải quyết các nhiệm vụ học tập.
- Nâng cao khả năng tự đánh giá bản thân và đội nhóm thông qua các hoạt động tự kiểm tra, đánh giá kết quả của cá nhân và của nhóm mình.
- Là cơ hội tuyệt vời để học sinh nâng cao kỹ năng làm việc theo nhóm, phát triển các kỹ năng tranh luận, các phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực thực nghiệm.
- Giúp GV đánh giá, phân loại được trình độ của từng HS, qua đó bồi dưỡng HS giỏi và rèn luyện HS yếu.
- Kích thích sự hứng thú học tập, tìm hiểu của HS thông qua các nhiệm vụ học tập tích cực đặc biệt là những nhiệm vụ thiết kế, chế tạo, sáng tạo và thực hiện các thí nghiệm đơn giản.
- Khắc phục được khó khăn thiếu thốn về trang thiết bị nếu cho HS tiến hành thực hiện hoạt động cùng lúc [18].

* Nhược điểm

- GV cần nhiều thời gian chuẩn bị nội dung hơn và đồ dùng, nguyên vật liệu dạy học cũng cần cầu kỳ, công phu hơn. Ví dụ như GV cần chuẩn bị sẵn các bảng biểu của từng trạm, các hộp để đựng các gói câu hỏi, các bảng đáp án và các “phiếu thông hành” để khi học sinh đã hoàn thành từng trạm thì nhanh chóng tiến đến các trạm tiếp theo.
- Thời gian thực hiện dạy theo hình thức này sẽ dài hơn thời gian khi dạy dưới hình thức truyền thống.
- Hình thức học theo Trạm sẽ gặp nhiều khó khăn nếu lớp học có sĩ số quá đông, điều này sẽ gây hạn chế rất lớn trong quá trình học. Vì hình thức học theo Trạm đòi hỏi học sinh phải di chuyển liên tục [18].

e. Cách tiến hành

- Bước 1: Chọn nội dung hệ thống trạm học tập

Việc đầu tiên để dạy học theo Trạm học tập là giáo viên cần chọn được nội dung hay chủ đề của bài học. Từ chủ đề chính của hệ thống Trạm học tập, cần xây dựng lên nội dung chi tiết của từng Trạm học tập sao cho các kiến thức Trạm độc lập với nhau.

- Bước 2: Chuẩn bị bài học theo Trạm

Sau khi có nội dung từng hoạt động của từng Trạm học tập rồi, GV cần căn cứ vào đó chuẩn bị các dụng cụ, thiết bị, phương tiện học tập cho từng trạm phù hợp.

- Bước 3: Tổ chức dạy học theo Trạm

GV tiến hành hướng dẫn HS về nội dung và cách thức hoạt động của từng trạm. Chia HS thành các nhóm nhỏ và tiến hành thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ mỗi trạm và kết luận sau buổi học

Mỗi nhóm cử đại diện lên báo cáo về nhiệm vụ ở mỗi trạm và nhận xét hoạt động nhóm.

GV nhận xét hoạt động làm việc của từng nhóm, bổ sung kiến thức, giải đáp thắc mắc và tổng kết lại nội dung bài học [18].

f. Các nguyên tắc để xây dựng nội dung trạm học tập

- Các nhiệm vụ học tập phải mang tính độc lập để HS có thể bắt đầu từ bất kỳ nhiệm vụ nào.

- Với các Trạm có thí nghiệm, các nguyên vật liệu phải đơn giản, dễ thao tác, phù hợp với lứa tuổi của HS.

- Kiểm soát thời gian thực hiện nhiệm vụ ở mỗi trạm (không quá 15 phút mỗi trạm).

- Cần có cả các trạm có nhiệm vụ bắt buộc và các trạm có nhiệm vụ tự chọn với nhiều độ khó phân cấp khác nhau để cá biệt hoá năng lực của HS.

- Sau buổi học GV nên cung cấp đáp án hoặc giải thích lại kết quả của các nhiệm vụ học tập để HS tự kiểm tra và đánh giá kết quả bản thân.

- Giáo viên cần xây dựng và thống nhất với HS nội quy làm việc tại các trạm trước buổi học [18].

g. Lưu ý

- Cách chuyển trạm:

+ Đối với lớp học rộng và số lượng HS ít: cách chuyển trạm hợp lý nhất là HS di chuyển còn thiết bị, dụng cụ học tập thì để cố định tại các trạm.

+ Đối với phòng học có diện tích nhỏ và số lượng HS đông: cách chuyển trạm tốt nhất là thiết bị, dụng cụ học tập di chuyển còn HS thì đứng yên.

- Đảm bảo hiệu quả của tiết học:

+ Số trạm trong 1 tiết học không quá nhiều (tối đa 7 trạm).

+ GV cần đầu tư thời gian nhiều hơn để chuẩn bị giáo án và giáo cụ.

- + Phân chia đội nhóm hợp lý, để các bạn hợp tác làm việc hiệu quả.
- + Số trạm trong một đơn vị kiến thức không quá 7.
- + Tùy từng bài học số lượng thành viên mỗi nhóm không quá 10 người [18].

Tóm lại: Kỹ thuật dạy học theo Trạm có thể sử dụng trong các nội dung, chủ đề, bài học, môn học ở các cấp học, với các mức độ và nội dung khác nhau. Kỹ thuật này không chỉ thay đổi cách tiếp cận kiến thức của HS mà còn tạo cơ hội cho các em được vận dụng những kinh nghiệm vốn có của bản thân để giải quyết các nhiệm vụ tại các trạm học tập.

1.2. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN KHOA HỌC LỚP 4

1.2.1. Đặc điểm môn học

Trên cơ sở kế thừa và phát triển môn Tự nhiên và Xã hội (ở các lớp 1,2,3), môn Khoa học (ở các lớp 4,5) được xây dựng trên nền tảng cơ bản, ban đầu của khoa học tự nhiên và các lĩnh vực nghiên cứu về giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường. Môn học đóng vai trò quan trọng trong việc giúp HS học tập Khoa học tự nhiên ở cấp trung học cơ sở và các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học ở cấp trung học phổ thông.

Môn học chú trọng khơi dậy trí tò mò khoa học, bước đầu tạo cho HS cơ hội tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, học cách giữ gìn sức khỏe và ứng xử phù hợp với môi trường sống xung quanh [2, tr.3].

Vì vậy, khi vận dụng một số KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4, người GV cần chú ý đến đặc điểm của môn học để lựa chọn các KTDH tích cực phù hợp.

1.2.2. Quan điểm xây dựng chương trình

Chương trình môn Khoa học quán triệt các quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục được nêu trong Chương trình tổng thể. Đồng thời, xuất phát từ đặc thù của môn học, những quan điểm sau được nhấn mạnh trong xây dựng chương trình.

1.2.2.1. Dạy học tích hợp

Chương trình môn Khoa học được xây dựng dựa trên quan điểm dạy học tích hợp nhằm bước đầu hình thành cho HS phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu

thế giới tự nhiên, nhận thức cơ bản, ban đầu về môi trường tự nhiên, về con người, sức khỏe và an toàn, khả năng vận dụng kiến thức khoa học và thực tiễn. Môn học cũng chú trọng đến việc tích hợp giáo dục giá trị và kỹ năng sống ở mức độ đơn giản, phù hợp [2, tr.3].

1.2.2.2. *Dạy học theo chủ đề*

Nội dung giáo dục trong chương trình môn Khoa học được tổ chức theo các chủ đề khác nhau như chất, năng lượng, thực vật và động vật, nấm và vi khuẩn, con người và sức khỏe, sinh vật và môi trường. Những chủ đề này được phát triển từ lớp 4 đến lớp 5 và được áp dụng tùy theo từng chủ đề, giáo dục giá trị và kỹ năng sống, giáo dục sức khỏe, công nghệ, giáo dục môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh giảm nhẹ rủi ro thiên tai,... ở mức độ đơn giản và phù hợp [2, tr.3].

1.2.2.3. *Tích cực hóa hoạt động của học sinh*

Trong Chương trình môn Khoa học, HS được khuyến khích và tham gia tích cực vào quá trình học tập. Thông qua các hoạt động như tìm hiểu, khám phá, quan sát, thí nghiệm, thực hành và làm việc nhóm, HS sẽ phát triển và nâng cao năng lực khoa học tự nhiên của mình [2, tr.3].

Chương trình môn Khoa học được thiết kế theo các quan điểm dạy học tích hợp, theo chủ đề và tích cực hóa hoạt động của HS, nhằm phát triển toàn diện năng lực khoa học tự nhiên. Chương trình không chỉ cung cấp kiến thức cơ bản mà còn tích hợp giáo dục năng lực, phẩm chất. Chính vì vậy, khi vận dụng một số KTDH tích cực thì người GV cần chú ý đến những quan điểm của chương trình để lựa chọn các KTDH tích cực sao cho phù hợp.

1.2.3. Mục tiêu chương trình

Trên cơ sở kế thừa và phát triển môn Tự nhiên và Xã hội (ở các lớp 1,2,3), môn Khoa học (ở các lớp 4,5) được xây dựng dựa trên nền tảng cơ bản, ban đầu của khoa học tự nhiên và các lĩnh vực nghiên cứu về giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường.

Môn học góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất và năng lực như sau:

- Các phẩm chất bao gồm: tình yêu con người, thiên nhiên; trí tưởng tượng khoa học, hứng thú tìm hiểu thế giới xung tự nhiên; ý thức bảo vệ sức khỏe của

bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống [2, tr.4].

- Các năng lực bao gồm có năng lực chung và năng lực khoa học tự nhiên. Các năng lực chung bao gồm: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Các năng lực khoa học tự nhiên bao gồm: nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học [2, tr.4].

Để đạt được mục tiêu, GV cần tổ chức các tiết dạy bám sát vào mục tiêu chương trình và vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực một cách linh hoạt, phù hợp.

1.2.4. Nội dung chương trình

Chương trình môn học gồm 6 chủ đề: Chất, Năng lượng, Thực vật và động vật, Nấm và vi khuẩn, Con người và sức khỏe, Sinh vật và môi trường [2, tr.7].

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CHẤT	
Nước - Tính chất, vai trò của nước, vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên	- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện ra một số tính chất và sự chuyển thể của nước - Nêu được một số tính chất của nước (không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định, chảy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía, thấm qua một số vật và hòa tan một số chất) - Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản. - Vẽ sơ đồ và sử dụng được các thuật ngữ: Bay hơi, ngưng tụ, đông đặc, nóng chảy để mô tả sự chuyển thể của nước. - Vẽ được sơ đồ và ghi chú được “Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên”. - Nêu được và liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về: nguyên nhân gây ra ô nhiễm nguồn nước; sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước.
- Ô nhiễm và bảo vệ môi trường nước	

- Làm sạch nước; nguồn nước sinh hoạt	- Trình bày được một số cách làm sạch nước; liên hệ thực tế về cách làm sạch nước ở gia đình và địa phương. - Thực hiện được và vận động những người xung quanh cùng bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm.
Không khí - Tính chất, thành phần, vai trò; sự chuyển động của không khí - Ô nhiễm và bảo vệ môi trường không khí	- Kể được tên thành phần chính của không khí: nito (nitrogen), oxi (oxygen), khí cacbonic (carbon dioxide). - Quan sát và (hoặc) làm thí nghiệm để: + Nhận biết được sự có mặt của không khí. + Xác định được một số tính chất của không khí. + Nhận biết được trong không khí có hơi nước, bụi,... + Giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy. + Nhận biết được không khí chuyển động gây ra gió và nguyên nhân làm không khí chuyển động (khối không khí nóng bốc lên cao, khối không khí lạnh tới thay thế). - Nhận xét, so sánh được mức độ mạnh của gió qua quan sát thực tên hoặc tranh ảnh, video clip; nêu và thực hiện được một số việc cần làm để phòng tránh bão. - Trình bày được vai trò và ứng dụng tính chất của không khí đối với sự sống. - Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí; sự cần thiết phải bảo vệ bầu không khí trong lành. - Thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ bầu không khí trong lành và vận động những người xung quanh cùng thực hiện
NĂNG LƯỢNG	
Ánh sáng - Nguồn sáng; sự truyền ánh sáng - Vật cho ánh sáng truyền qua và vật cản ánh sáng	- Nêu được ví dụ về các vật phát sáng và các vật được chiếu sáng. - Nêu được cách làm và thực hiện được thí nghiệm tìm hiểu về sự truyền thẳng của ánh sáng; về vật cho ánh sáng truyền qua và vật cản ánh sáng.

- Vai trò, ứng dụng của ánh sáng trong đời sống - Ánh sáng và bảo vệ mắt	- Vận dụng được kiến thức về tính chất cho ánh sáng truyền qua hay không cho ánh sáng truyền qua của các vật để giải thích được một số hiện tượng tự nhiên và ứng dụng thực tế. -Thực hiện được thí nghiệm để tìm hiểu nguyên nhân có bóng của vật và sự thay đổi của bóng khi vị trí của vật hoặc của nguồn sáng thay đổi. - Vận dụng được trong thực tế, ở mức độ đơn giản kiến thức về bóng của vật. - Nêu được vai trò của ánh sáng đối với sự sống; liên hệ được với thực tế. - Biết tránh ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt; không đọc, viết dưới ánh sáng quá yếu thực hiện được tư thế ngồi học, khoảng cách đọc, viết phù hợp để bảo vệ mắt tránh bị cận thị.
Âm thanh - Âm thanh; nguồn âm; sự lan truyền âm thanh - Vai trò, ứng dụng của âm thanh trong đời sống - Chống ô nhiễm tiếng ồn	- Lấy được ví dụ thực tế hoặc làm thí nghiệm để minh họa các vật phát ra âm thanh đều rung động. - Nếu được dẫn chứng về âm thanh có thể truyền qua chất khí, chất lỏng, chất rắn. - So sánh được độ to của âm thanh khi lại gần hoặc ra xa nguồn âm. - Trình bày được ích lợi của âm thanh trong cuộc sống. - Thu thập, so sánh và trình bày được ở mức độ đơn giản thông tin về một số nhạc cụ thường gặp (một số bộ phận chính, cách làm phát ra âm thanh). - Trình bày được tác hại của tiếng ồn và một số biện pháp chống ô nhiễm tiếng ồn. - Thực hiện các quy định giữ trật tự nơi công cộng biết cách phòng chống ô nhiễm tiếng ồn trong cuộc sống .
Nhiệt - Nhiệt độ; sự truyền nhiệt	- Trình bày được vật nóng hơn thì có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn thì có nhiệt độ thấp hơn.

- Các vật dẫn nhiệt tốt và dẫn nhiệt kém; ứng dụng trong đời sống	- Vận dụng được kiến thức nhiệt truyền từ vật nóng hơn sang vật lạnh hơn để giải thích, đưa ra cách làm vật nóng lên hay lạnh đi trong tình huống đơn giản. - Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ cơ thể, nhiệt độ không khí. - Đề xuất được cách làm thí nghiệm để tìm hiểu tính dẫn nhiệt của vật (dẫn nhiệt tốt hay dẫn nhiệt kém). - Vận dụng được kiến thức về vật dẫn nhiệt tốt hoặc kém để giải thích một số hiện tượng tự nhiên; để giải quyết một số vấn đề đơn giản trong cuộc sống.
THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	
<i>Nhu cầu sống của thực vật và động vật</i> - Nhu cầu ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ, chất khoáng đối với thực vật - Nhu cầu ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ, thức ăn đối với động vật	- Nhận biết được các yếu tố cần cho sự sống và phát triển của thực vật (ánh sáng, không khí, nước, chất khoáng và nhiệt độ) thông qua thí nghiệm hoặc quan sát tranh ảnh, video clip. - Trình bày được thực vật có khả năng tự tổng hợp chất dinh dưỡng cần cho sự sống. - Vẽ được sơ đồ đơn giản (hoặc điền vào sơ đồ cho trước) về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật với môi trường. - Đưa ra được dẫn chứng cho thấy động vật cần ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ và thức ăn để sống và phát triển. - Trình bày được động vật không tự tổng hợp được các chất dinh dưỡng, phải sử dụng các chất dinh dưỡng của thực vật và động vật khác để sống và phát triển. - Vẽ được sơ đồ đơn giản (hoặc điền vào sơ đồ cho trước) về sự trao đổi khí, nước, thức ăn của động vật với môi trường.
<i>Ứng dụng thực tiễn về nhu cầu sống của thực</i>	- Vận dụng được kiến thức về nhu cầu sống của thực vật và động vật để đề xuất việc làm cụ thể trong chăm sóc

<i>vật, động vật trong chăm sóc cây</i>	cây trồng và vật nuôi, giải thích được tại sao cần phải làm công việc đó. - Thực hiện được việc làm phù hợp để chăm sóc cây trồng (ví dụ: tưới nước, bón phân,..) và (hoặc) vật nuôi ở nhà.
NẤM, VI KHUẨN	
<i>Nấm</i>	Nhận ra được nấm có hình dạng, kích thước, màu sắc và nơi sống rất khác nhau qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video.
<i>Nấm có lợi</i> - Nấm ăn - Nấm sử dụng trong chế biến thực phẩm	- Nêu được tên và một số đặc điểm (hình dạng, màu sắc) của nấm được dùng làm thức ăn qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video. - Có ý thức không ăn nấm lạ để phòng tránh ngộ độc. - Vẽ được sơ đồ (hoặc sử dụng sơ đồ đã cho) và ghi chú được tên các bộ phận của nấm. - Khám phá được ích lợi của một số nấm men trong chế biến thực phẩm (ví dụ làm bánh mì,...) thông qua thí nghiệm thực hành hoặc quan sát tranh ảnh, video.
<i>Nấm có hại</i>	- Nhận biết được tác hại của một số nấm mốc gây hỏng thực phẩm thông qua thí nghiệm hoặc quan sát tranh ảnh, video. - Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân gây hỏng thực phẩm, nêu được một số cách bảo quản thực phẩm (làm lạnh, sấy khô, ướp muối,...)
CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE	
<i>Dinh dưỡng ở người</i> - Các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng đối với cơ thể	- Kể được tên các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn và nêu được vai trò của chúng đối với cơ thể. - Nêu được ví dụ về các thức ăn khác nhau cung cấp cho cơ thể các chất dinh dưỡng và năng lượng ở mức độ khác nhau.

- Chế độ ăn uống cân bằng - An toàn thực phẩm	- Trình bày được sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn, ăn nhiều rau, hoa quả và uống đủ nước mỗi ngày. - Nêu được ở mức độ đơn giản về chế độ ăn uống cân bằng. - Nhận xét được bữa ăn có cân bằng, lành mạnh không dựa vào sơ đồ tháp dinh dưỡng của trẻ em và đối chiếu với thực tế bữa ăn trong ngày ở nhà hoặc ở trường - Nêu được tóm tắt thế nào là thực phẩm an toàn và lí do cần phải sử dụng thực phẩm an toàn. - Nhận biết được một số dấu hiệu nhận biết thực phẩm an toàn thông qua vật thật hoặc tranh ảnh, video clip.
Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng	- Nêu được tên, dấu hiệu chính và nguyên nhân của một số bệnh do thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng. - Thực hiện được một số việc làm để phòng, tránh một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng và vận động mọi người trong gia đình cùng thực hiện.
An toàn trong cuộc sống: Phòng tránh đuối nước	- Nêu được những việc nên và không nên làm để phòng tránh đuối nước. - Thực hành luyện tập kĩ năng phân tích và phán đoán tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước và thuyết phục, vận động các bạn tránh xa những nguy cơ đó. - Cam kết thực hiện các nguyên tắc an toàn khi bơi hoặc tập bơi.
SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG	
Chuỗi thức ăn	- Trình bày được mối liên hệ giữa các sinh vật trong tự nhiên thông qua thức ăn. - Nêu được ví dụ về chuỗi thức ăn. - Sử dụng được sơ đồ đơn giản để mô tả sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác trong tự nhiên.
Vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn	- Trình bày được vai trò quan trọng của thực vật đối với việc cung cấp thức ăn cho con người và động vật.

	- Thực hiện được một số việc làm giữ cân bằng chuỗi thức ăn trong tự nhiên và vận động gia đình cùng thực hiện.
--	---

1.2.5. Thời lượng chương trình

Thời lượng chương trình là 70 tiết/năm học, dạy trong 35 tuần. Ước lượng tỷ lệ % số tiết dành cho mỗi chủ đề ở lớp 4 như sau: Chất 18%; Năng lượng 18%; Thực vật và động vật 13%; Nấm, vi khuẩn 10%; Con người và sức khỏe 21%; Sinh vật và môi trường 10%; Đánh giá định kì 10%.

Qua đây, có thể thấy chương trình phân chia thời gian hợp lí, đảm bảo HS tiếp cận kiến thức một cách toàn diện, có hệ thống. Tỷ lệ thời gian dành cho các chủ đề phản ánh sự cân bằng và trọng tâm phù hợp, với sự chú trọng đặc biệt đến chủ đề sức khỏe (21%) và các chủ đề cơ bản như chất và năng lượng là 18%.

1.3. ĐẶC ĐIỂM TÂM SINH LÝ TRẺ EM LỨA TUỔI TIỂU HỌC

Có sự khác biệt lớn trong quá trình phát triển nhận thức của HS tiểu học.

Nhận thức là một trong ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người (nhận thức, tình cảm và hành động). Nó là tiền đề của hai mặt kia và đồng thời có quan hệ chặt chẽ với chúng cũng như với các hiện tượng tâm lý khác. Hoạt động nhận thức là hoạt động mà trong kết quả của nó, con người được các tri thức (hiểu biết) về thế giới xung quanh, về chính bản thân mình để tỏ thái độ và tiến hành các hoạt động khác một cách có hiệu quả. Hoạt động nhận thức bao gồm nhiều quá trình phản ánh hiện thực khách quan ở những mức độ khác nhau (cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng...) và mang lại những sản phẩm khác nhau về hiện thực khách quan (hình ảnh, biểu tượng, khái niệm). Có thể chia toàn bộ hoạt động nhận thức thành hai giai đoạn lớn: nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính.

1.3.1. Nhận thức cảm tính

Tri giác là quá trình nhận thức phản ánh một cách trọn vẹn các thuộc tính bên ngoài của sự vật, hiện tượng khi chúng đang trực tiếp tác động vào giác quan của ta [9, tr.118].

Tri giác của HS tiểu học phát triển trong quá trình học tập. HS ở độ tuổi cuối tiểu học các em đã có thể tìm ra các dấu hiệu đặc trưng của đối tượng, biết phân biệt

sắc thái của các chi tiết để đi đến phân tích, tổng hợp và tìm ra mối liên hệ giữa chúng. Tri giác ở đây đã mang mục đích và có phương hướng rõ ràng.

Về mặt tri giác ở tuổi này trẻ có thể kể tên, mô tả, tổng hợp, lý giải logic sự việc, hiện tượng. Ở trẻ bắt đầu xuất hiện khả năng sử dụng các thao tác trí tuệ cộng trừ nhân chia, thao tác bảo toàn, phân loại xếp hạng, trẻ đã có khả năng nhớ ý nghĩa, nội dung chính của tài liệu.

Vì vậy, trong dạy học môn Khoa học để hình thành được nhận thức ban đầu về đối tượng, GV cần tổ chức, phối hợp các hoạt động ó vận dụng các KTDH tích cực để HS được trực tiếp làm, có vậy HS mới hiểu được bản chất của sự vật.

1.3.2. Nhận thức lý tính

a. Tư duy

Tư duy là một quá trình nhận thức phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ và quan hệ bên trong có tính quy luật của sự vật và hiện tượng trong hiện thực khách quan mà trước đó ta chưa biết [9, tr.118].

Là quá trình nhận thức lý tính điển hình, tư duy có những đặc điểm sau:

- Tính “Có vấn đề của tư duy”: Tư duy chỉ nảy sinh khi một tình huống có vấn đề xuất hiện và cá nhân có khả năng giải quyết nó (nhận thức được vấn đề có nhu cầu và có tri thức giải quyết). Tình huống có vấn đề là tình huống chứa đựng một mục đích mới, một vấn đề mới, hoặc một cách thức giải quyết mới mà những phương tiện, phương pháp hoạt động cũ không còn đủ sức để giải quyết, mặc dù vẫn cần thiết.

- Tính trừu tượng và khái quát của tư duy: Tư duy phản ánh cái chung, bản chất cho nhiều sự vật, hiện tượng trên cơ sở trừu xuất khỏi chúng những cái cụ thể, cá biệt.

- Tính gián tiếp của tư duy: Tư duy phát hiện ra bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng nhờ sử dụng công cụ, phương tiện (đồng hồ, nhiệt kế, máy móc...) và các kết quả nhận thức (quy tắc, công thức, quy luật ...) mà loài người đã sáng chế ra, tìm ra cũng như sử dụng kinh nghiệm của chính mình.

- Tư duy liên hệ chặt chẽ với ngôn ngữ: Tư duy có được tính trừu tượng, khái quát và gián tiếp vì nó dùng ngôn ngữ làm phương tiện (từ việc nhận thức vấn đề cho đến quá trình huy động và nhào nặn vốn liếng tâm lý cũng như việc cố định lại kết quả) [9, tr.123].

- Tư duy có quan hệ mật thiết với nhận thức cảm tính: Để tạo ra sản phẩm của mình, tư duy phải dựa trên những tài liệu cảm tính, trên kinh nghiệm, trên cơ sở trực quan sinh động – những cái thuộc về nhận thức cảm tính.

Bởi vậy, để phát triển tư duy cho học sinh, GV cần tạo nhiều cơ hội cho HS được tham gia học tập, trải nghiệm dưới nhiều hình thức học khác nhau. Từ đó giúp HS chiếm lĩnh kiến thức một cách nhanh chóng và đồng thời phát triển phẩm chất, năng lực. Vì thế, trong các hoạt động dạy học GV nên vận dụng các KTDH tích cực.

b. Tưởng tượng

Tưởng tượng là một quá trình nhận thức phản ánh những cái chưa từng có trong kinh nghiệm của cá nhân bằng cách xây dựng những hình ảnh mới trên những biểu tượng đã có [9, tr.127].

Nếu chi tiết tưởng tượng của trẻ ở những lớp đầu tiểu học còn nghèo nàn và tản mạn, về sau, những hình ảnh chi tiết đó trở nên trọn vẹn hơn bởi số lượng chi tiết nhiều hơn và sự sắp xếp chúng cũng chặt chẽ hơn, có lí hơn.

Khoa học là một môn học chứa đựng rất nhiều các kiến thức khoa học liên quan đến thực tiễn, các chi tiết, hình ảnh mà HS cần phải tưởng tượng, chính vì vậy việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực là cần thiết. Những hình ảnh, chi tiết có tác động đến cảm xúc, chúng đặt ra những câu hỏi mà trẻ sẽ thấy thú vị và thích thú.

c. Trí nhớ

Trí nhớ là quá trình tâm lý phản ánh những kinh nghiệm đã có của cá nhân dưới hình thức biểu tượng bằng cách ghi nhớ, giữ gìn và làm xuất hiện lại những điều mà con người đã trải qua [9, tr.131].

Do hoạt động của hệ thống tín hiệu thứ nhất chiếm ưu thế nên ở học sinh tiểu học, trí nhớ trực quan – hình tượng được phát triển hơn trí nhớ từ ngữ logic. Các em ghi nhớ, giữ gìn và nhớ lại các tài liệu trực quan tốt hơn tài liệu bằng lời. Khi ghi nhớ tài liệu bằng lời thì việc nhớ và tái hiện các từ gắn với các sự vật cụ thể tốt hơn các từ có nội dung trừu tượng. Các em dễ ghi nhớ và nhớ lại rất tốt những gì được trực tiếp tác động lên nó hơn là những gì chỉ được giảng giải.

Để HS ghi nhớ tốt hơn, trong dạy học Khoa học GV nên giúp các em khái quát lại kiến thức một cách đơn giản, dễ nhớ. Thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy học có vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực HS sẽ

được thực hành, trải nghiệm, tìm hiểu các kiến thức quan trọng cần ghi nhớ từ đó các em sẽ ghi nhớ một cách chính xác và lâu hơn.

d. Chú ý

Chú ý là sự tập trung của ý thức vào một hay một nhóm sự vật, hiện tượng, để định hướng hoạt động, bảo đảm điều kiện thần kinh – tâm lý cần thiết cho hoạt động tiến hành có hiệu quả [9, tr.137].

Chú ý không chủ định được phát triển mạnh và chiếm ưu thế ở HS tiểu học. Tất cả những gì mới mẻ, bất ngờ, rực rỡ khác thường đều dễ dàng cuốn hút sự chú ý của trẻ mà không cần bất kì một sự nỗ lực nào của ý chí. Sự chú ý không chủ định của trẻ càng trở nên đặc biệt tập trung và bền vững khi tài liệu học tập có tính trực quan, sinh động hoặc khơi gợi ở trẻ những rung cảm tích cực. Ngược lại, trẻ tiểu học không thể tập trung chú ý vào những gì không rõ ràng, không hiểu, hoặc quá quen thuộc, buồn chán.

HS tiểu học sẽ tập trung chú ý hơn khi thực hiện những hành động bên ngoài hơn là hành động trí óc, khi phải thực hiện các bài tập hơi khó hoặc có nhiều cách giải, hoặc là khi tiến hành những hoạt động sáng tạo.

Bởi vậy, để duy trì được sự chú ý của HS, GV nên lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật cụ thể, phù hợp với từng dạng bài giúp HS duy trì sự chú ý từ đó tích cực tham gia giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ mà GV giao phó.

1.4. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1.4.1. Khái quát về quá trình điều tra

1.4.1.1. Mục đích điều tra

Nhằm tìm hiểu nhận thức của GV về KTDH tích cực, mức độ quan tâm và thực trạng thiết kế, tổ chức các hoạt động học tập trong dạy học có sử dụng các KTDH tích cực nói chung và trong dạy học môn Khoa học lớp 4 theo Chương trình GDPT 2018 nói riêng, chúng tôi tiến hành điều tra và trên cơ sở đó xác lập cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các nguyên tắc, quy trình thiết kế và những lưu ý khi thiết kế hoặc tổ chức một số KTDH tích cực trong dạy học.

1.4.1.2. Đối tượng điều tra

Để tìm hiểu nhận thức của GV về KTDH tích cực, mức độ quan tâm và thực trạng thiết kế, tổ chức các hoạt động học tập trong dạy học có sử dụng các KTDH tích cực nói chung và trong dạy học môn Khoa học lớp 4 theo Chương

trình GDPT 2018 nói riêng, chúng tôi tiến hành điều tra, tìm hiểu thông qua các thầy cô giáo đang công tác tại một số trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

1.4.1.3. Nội dung điều tra

Với phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi tiến hành khảo sát và điều tra các GV Tiểu học một số vấn đề cơ bản sau:

- Nhận thức của GV về KTDH tích cực.
- Thực trạng vận dụng KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4.

1.4.1.4. Phương pháp điều tra

Những phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình điều tra khảo sát được chúng tôi sử dụng là:

- *Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi*: Chúng tôi xây dựng phiếu khảo sát dành cho GV (phụ lục 1) với các câu hỏi trắc nghiệm có các đáp án có sẵn về KTDH tích cực và thực trạng thiết kế, tổ chức các hoạt động học tập có vận dụng các KTDH tích cực.

- *Phương pháp thống kê toán học*: Chúng tôi đã thu thập, xử lý và phân tích các số liệu điều tra.

1.4.2. Kết quả điều tra

Chúng tôi dựa trên kết quả từ 41 phiếu hợp lệ, tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá và kết quả thu được như sau:

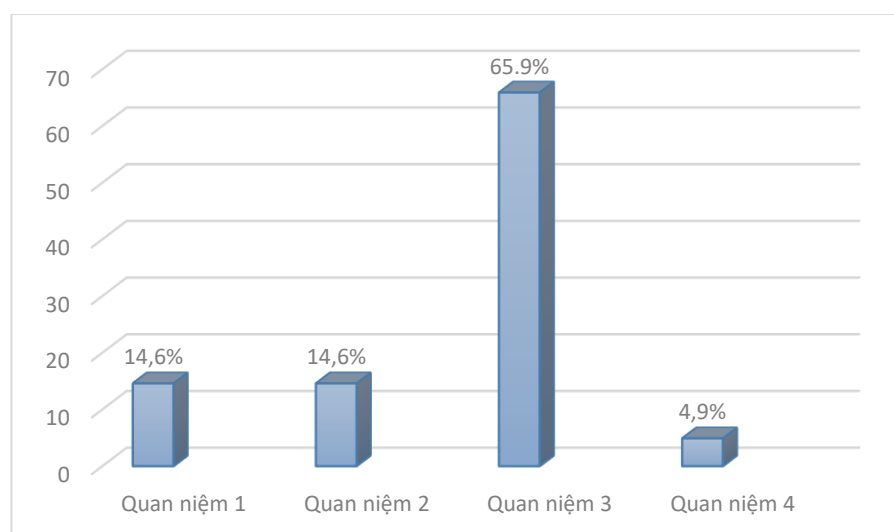
1.4.2.1. Nhận thức của giáo viên về kĩ thuật dạy học tích cực và sự cần thiết của việc vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học Khoa học lớp 4

Để tìm hiểu nhận thức của GV Tiểu học về KTDH tích cực, chúng tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Theo Quý thầy (cô), kĩ thuật dạy học tích cực (KTDH) là gì?” – Câu 2 (Phụ lục 1). Kết quả thu được như sau:

Bảng 1.1. Khái niệm về “Kĩ thuật dạy học tích cực”

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ %
1	KTDH tích cực là những động tác, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống	6	14,6%

	hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học.		
2	KTDH tích cực là biện pháp, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học.	6	14,6%
3	KTDH là những kĩ thuật dạy học có ý nghĩa đặc biệt trong việc phát huy sự tham gia tích cực của HS vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, sự sáng tạo và sự cộng tác làm việc của HS.	27	65,9%
4	KTDH tích cực là những hoạt động của giáo viên và học sinh trong quá trình học.	2	4,9%



Biểu đồ 1.1. Khái niệm về “Kĩ thuật dạy học tích cực”

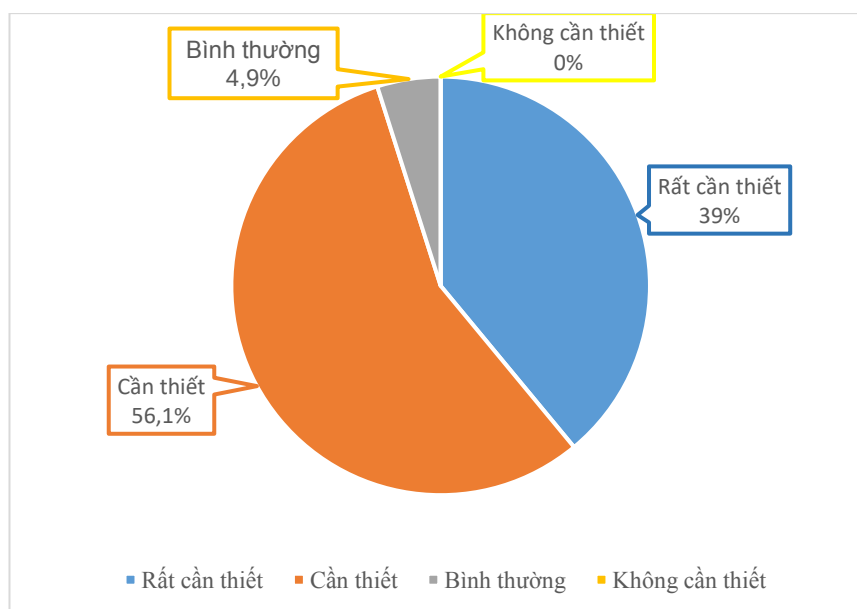
Kết quả ở bảng và biểu đồ 1.1 cho thấy: GV đã có những nhận thức về các KTDH tích cực khác nhau. Có 65,9% GV được hỏi cho rằng KTDH là những kĩ thuật dạy học có ý nghĩa đặc biệt trong việc phát huy sự tham gia tích cực của HS vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, sự sáng tạo và sự cộng tác làm việc của HS. Có 14,6% GV cho rằng KTDH tích cực là những động tác, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Có 14,6% GV cho rằng KTDH

tích cực là biện pháp, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Có 4,9% GV cho rằng KTDH tích cực là những hoạt động của GV và HS trong quá trình học. Như vậy, có thể thấy đa số các GV đã có nhận thức đúng và sâu sắc về KTDH tích cực. Từ đó giúp GV vận dụng các KTDH tích cực vào các hoạt động dạy học một cách chính xác, phù hợp, đem lại hiệu quả cho giờ học.

Để tìm hiểu về sự cần thiết của việc vận dụng KTDH tích cực trong dạy học Khoa học lớp 4, chúng tôi tiến hành điều tra thông qua câu hỏi “Thầy (cô) cho biết mức độ cần thiết của việc vận dụng các KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học? – Câu 5 (Phụ lục 1). Kết quả thu được như sau:

Bảng 1.2. Sự cần thiết của việc vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4

Đánh giá	Tỉ lệ	
	Số lượng	%
Rất cần thiết	16	39%
Cần thiết	23	56,1%
Bình thường	2	4,9%



Biểu đồ 1.2. Sự cần thiết của việc vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4

Qua bảng và biểu đồ 1.2 ta thấy rằng: Việc vận dụng các KTDH tích cực trong môn Khoa học lớp 4 là rất cần thiết chiếm tỉ lệ 56,1%; cần thiết là 39%; bình thường là 4,9% và không có GV nào cho rằng việc vận dụng các KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4 là không cần thiết.

Như vậy, ta có thể thấy rằng các GV đã nhận thức được vai trò cũng như sự cần thiết của việc vận dụng các KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4. Trên cơ sở đó, GV sẽ tích cực trau dồi, học hỏi cũng như biết cách vận dụng các KTDH tích cực nhằm góp phần hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, đáp ứng được mục tiêu của chương trình giáo dục 2018.

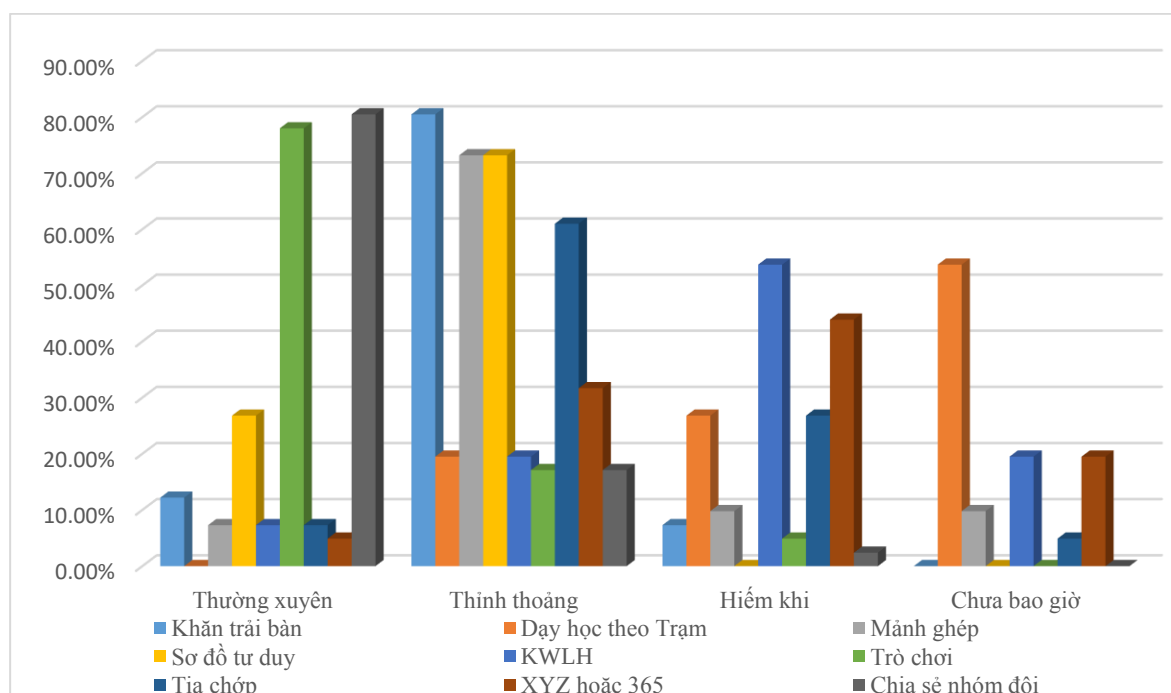
1.4.2.2. Thực trạng sử dụng một số kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4

Để tìm hiểu thực trạng sử dụng một số KTDH tích cực của GV trong dạy học môn Khoa học lớp 4, chúng tôi đã tiến hành điều tra. Mục đích đánh giá mức độ vận dụng các KTDH tích cực của GV đối với các kĩ thuật này (câu 3 – Phụ lục 1). Kết quả thu được như sau:

Bảng 1.3. Kĩ thuật dạy học tích cực mà giáo viên thường sử dụng trong dạy học Khoa học lớp 4

KTDH	Mức độ vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực							
	<i>Thường xuyên</i>		<i>Thỉnh thoảng</i>		<i>Hiếm khi</i>		<i>Chưa bao giờ</i>	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khăn trải bàn	5	12,2%	33	80,5%	3	7,3%	0	0
Dạy học theo Trạm	0	0	8	19,5%	11	26,8%	22	53,7%
Mảnh ghép	3	7,3%	30	73,2%	4	9,8%	4	9,8%
Sơ đồ tư duy	11	26,8%	30	73,2%	0	0	0	0
KWLH	3	7,3%	8	19,5%	22	53,7%	8	19,5%
Trò chơi	32	78%	7	17,1%	2	4,9%	0	0

Tia chớp	3	7,3%	25	61%	11	26,8%	2	4,9%
XYZ hoặc 365	2	4,9%	13	31,7%	18	43,9%	8	19,5%
Chia sẻ nhóm đôi	33	80,5%	7	17,1%	1	2,4%	0	0



Biểu đồ 1.3. Kỹ thuật dạy học tích cực mà giáo viên thường sử dụng trong dạy học Khoa học lớp 4

- Nhìn vào bảng và biểu đồ 1.3 ta thấy rằng:

+ Kỹ thuật “Chia sẻ nhóm đôi (think, pair, share)” chiếm 80,5% là một trong những kỹ thuật dạy học tích cực được các GV sử dụng thường xuyên trong dạy học Khoa học lớp 4.

+ Tiếp theo là các kỹ thuật như: kỹ thuật trò chơi (78%), kỹ thuật động não (53,7%), kỹ thuật sơ đồ tư duy (26,8%),... là những kỹ thuật cũng được sử dụng phổ biến trong các giờ học Khoa học lớp 4.

Như vậy, GV đã sử dụng đa dạng và linh hoạt các KTDH tích cực trong các tiết dạy môn Khoa học lớp 4, nhằm giúp HS tiếp thu kiến thức một cách dễ

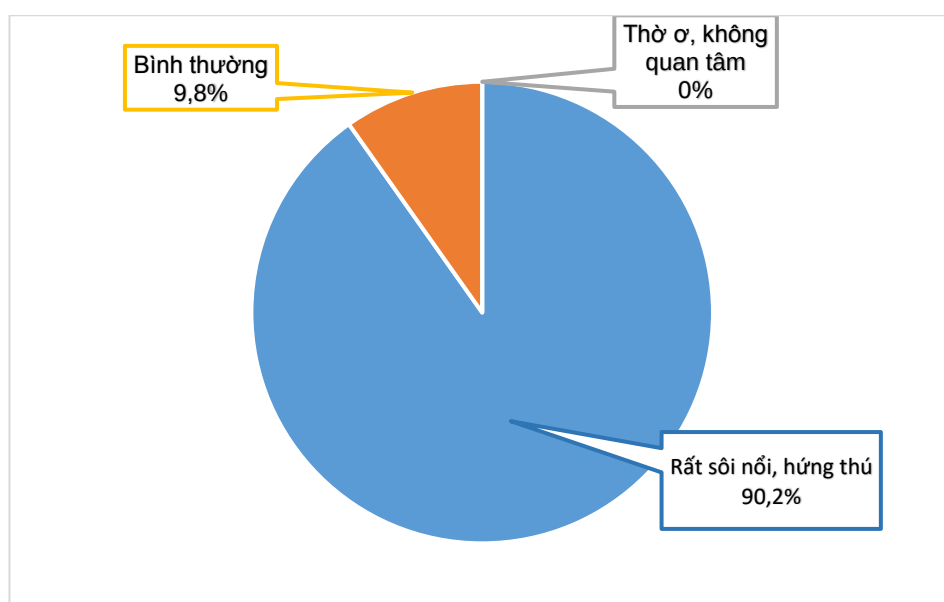
hơn và qua đó góp phần hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho HS và đạt được mục tiêu của tiết học.

1.4.2.3. Thái độ của học sinh khi giáo viên sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong các tiết học Khoa học lớp 4

Để tìm hiểu về thái độ của học sinh khi được học bài Khoa học có vận dụng các KTDH tích cực, chúng tôi tiến hành điều tra thông qua câu hỏi “Thầy (cô) cho biết: Thái độ của học sinh khi được học bài Khoa học có vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực?” – Câu 6 (Phụ lục 1). Kết quả thu được như sau:

Bảng 1.4. Thái độ của HS khi được học bài Khoa học có vận dụng các KTDH tích cực.

Đánh giá	Tỉ lệ	
	Số lượng	%
Rất sôi nổi, hứng thú	37	90,2%
Bình thường	4	9,8%
Thờ ơ, không quan tâm	0	0%



Biểu đồ 1.4. Thái độ của HS khi được học bài Khoa học có vận dụng các KTDH tích cực.

Kết quả trên bảng và biểu đồ 1.4 cho thấy có tới 90,2% HS rất sôi nổi và hứng thú với tiết dạy có vận dụng các KTDH tích cực; chỉ có 9,8% HS có thái độ bình thường khi tiết học có vận dụng KTDH tích cực và không có HS nào thờ ơ hay không quan tâm đến tiết học.

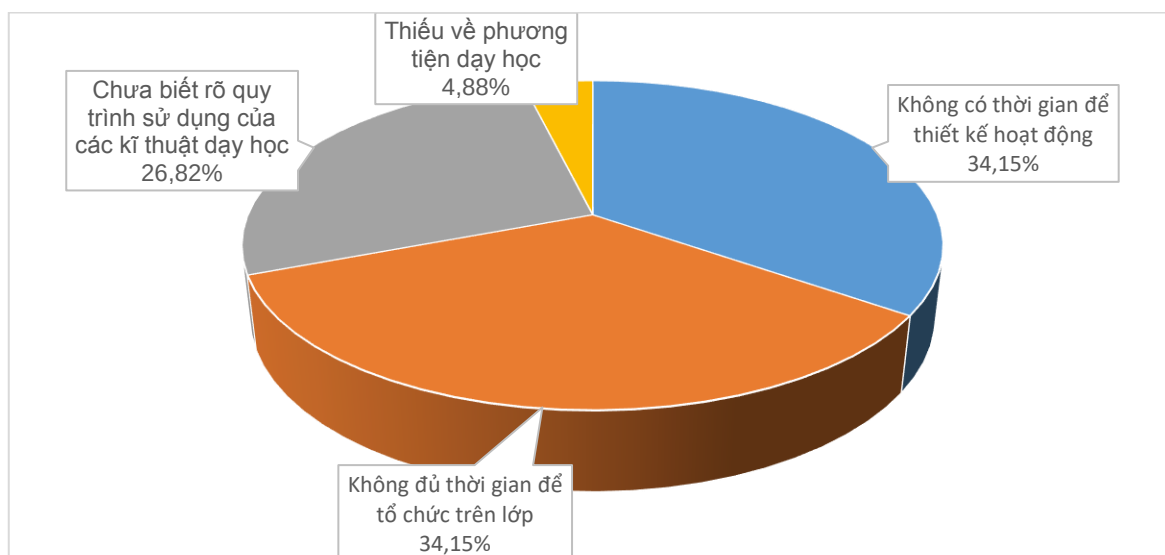
Như vậy, việc vận dụng các KTDH tích cực vào các tiết học giúp HS học tập sôi nổi, hứng thú nhờ đó HS có thể hiểu và tiếp thu kiến thức dễ dàng hơn.

1.4.2.4. Khó khăn của giáo viên khi sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực

Qua kết quả điều tra, chúng tôi nhận thấy đa số GV đã vận dụng thường xuyên và linh hoạt các KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4. Tuy nhiên, trong quá trình vận dụng một số KTDH tích cực như kĩ thuật dạy học theo trạm, kĩ thuật Khăn trải bàn, kĩ thuật KWLH ... vào các tiết học, GV còn gặp phải một số khó khăn được thể hiện như sau:

Bảng 1.5. Những khó khăn khi vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4

Đánh giá	Tỉ lệ	
	Số lượng	%
Không có thời gian thiết kế hoạt động	14	34,15 %
Không có thời gian để tổ chức trên lớp	14	34,15%
Chưa biết rõ quy trình sử dụng các kĩ thuật dạy học	11	26,83%
Thiếu về phương tiện dạy học	2	4,88%



Biểu đồ 1.5. Những khó khăn khi vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4

Kết quả ở bảng và biểu đồ 1.5 cho thấy rằng:

+ Có 34,15% GV không có đủ thời gian để thiết kế hoạt động có vận dụng các KTDH tích cực.

+ Có 34,15% GV không có đủ thời gian để tổ chức trên lớp.

+ Có 26,82% GV chưa biết rõ quy trình sử dụng các KTDH tích cực.

+ Có 4,88% giáo viên gặp khó khăn về thiếu phương tiện dạy học.

Như vậy, thông qua kết quả điều tra bằng phiếu hỏi và phân trao đổi, phỏng vấn trực tiếp của chúng tôi với GV thì khó khăn lớn nhất của GV là không đủ thời gian để tổ chức trên lớp, không đủ thời gian để thiết kế hoạt động dạy học và chưa rõ quy trình sử dụng các KTDH như KTDH theo Trạm, KTDH KWLH và kĩ thuật khăn trải bàn biến thể.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã khái quát được cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn khoa học lớp 4 như:

- Cơ sở lý luận của các kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật KWLH và kỹ thuật dạy học theo Trạm.

- Khái quát về chương trình môn khoa học lớp 4 trong đó có: đặc điểm môn học; quan điểm xây dựng chương trình; mục tiêu chương trình; nội dung chương trình và thời lượng chương trình.

- Đặc điểm tâm sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học.

- Cơ sở thực tiễn: Khái quát về quá trình điều tra; Kết quả điều tra như nhận thức của giáo viên về KTDH tích cực; Thực trạng sử dụng một số KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4.

Chương 1 đã xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc vận dụng các KTDH tích cực. Kết quả điều tra về nhận thức và thực trạng sử dụng KTDH tích cực của GV cung cấp thông tin quan trọng giúp định hướng cho việc cải thiện và nâng cao chất lượng giảng dạy môn Khoa học lớp 4. Các thông tin này cung cấp nền tảng cho việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp cải tiến trong chương trình giảng dạy.

Chương 2

VẬN DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC LỚP 4

2.1. NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC Ở TIỂU HỌC

2.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học

Đảm bảo mục tiêu bài học có nghĩa là khi sử dụng các KTDH trong quá trình dạy học phải phù hợp với mục tiêu của bài học. Tùy vào từng nội dung bài học, trình độ nhận thức của HS, điều kiện và cơ sở vật chất của nhà trường,... để có thể lựa chọn các kỹ thuật dạy học phù hợp nhằm đạt được mục tiêu của bài học. Sử dụng linh hoạt không có nghĩa là sử dụng vào mọi bài học. Vì vậy, lựa chọn các KTDH phải đảm bảo được mục tiêu, nội dung bài học để thiết kế các kế hoạch dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho HS.

Ví dụ: Bài Tính chất của nước và nước trong cuộc sống (Khoa học lớp 4, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) mục tiêu: HS nêu được tính chất của nước thông qua các thí nghiệm đơn giản. GV có thể lựa chọn vận dụng các KTDH tích cực như: dạy học theo Trạm, Khăn trải bàn,...

2.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức

Đảm bảo tính vừa sức là đảm bảo trong quá trình dạy học GV cần đưa ra những yêu cầu học tập, những nhiệm vụ phù hợp với mọi HS trong lớp, phát huy hết những nỗ lực về trí tuệ, khả năng, năng lực, tư duy của HS. Trong dạy học môn Khoa học 4, lúc này các em chỉ mới bắt đầu được học môn Khoa học nên không tránh được việc các em thấy lo lắng vì vậy khả năng tập trung chú ý chưa cao. Chính vì vậy trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi tổ chức các hoạt động dạy học có sử dụng các KTDH tích cực, GV không nên đưa ra những vấn đề quá khó, không phù hợp với khả năng của HS, GV phải chú ý đến trình độ nhận thức, đặc điểm tâm sinh lý và năng lực của HS, để mỗi HS đều có thể phát triển hết khả năng của mình.

Nếu thực hiện tốt nguyên tắc này sẽ thúc đẩy mạnh mẽ về mặt trí tuệ cũng như toàn bộ nhân cách của HS nói chung. Ngược lại nếu không tuân thủ nguyên tắc này sẽ không phát huy được tính tự giác, tích cực làm việc, kìm hãm sự phát triển trí tuệ và nhân cách của HS.

Ví dụ: Bài Tính chất của nước và nước trong cuộc sống (Khoa học lớp 4, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) GV không nên hỏi luôn “Nguyên nhân gây ô nhiễm nước là gì?” mà GV nên đặt các câu hỏi gợi mở “Em biết gì về nước?”, GV nên vận dụng các KTDH tích cực như là kỹ thuật KWLH để kiểm tra sự hiểu biết của HS về nước.

2.1.3. Nguyên tắc đảm bảo phát huy tính tích cực của học sinh

Nguyên tắc này đòi hỏi khi vận dụng các KTDH phải phát huy được tính tự giác, tích cực, độc lập nhận thức của HS.

Trong quá trình dạy học môn Khoa học lớp 4, người GV cần vận dụng các KTDH để đảm bảo cho tất cả HS đều được tham gia trực tiếp vào quá trình học tập, từ đó các em sẽ tự phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình học.

Để thực hiện tốt nguyên tắc này, đòi hỏi người GV cần phải lựa chọn các KTDH phù hợp và tiến hành một cách rõ ràng, dễ hiểu để kích thích hứng thú học tập của HS.

Ví dụ: Bài Tính chất của nước và nước trong cuộc sống (Khoa học lớp 4, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) mục tiêu: HS nêu được tính chất của nước thông qua các thí nghiệm đơn giản. GV có thể lựa chọn kỹ thuật dạy học theo Trạm để tổ chức, trong quá trình tham gia giải quyết các nhiệm vụ tại các trạm tất cả HS sẽ tự giác, tích cực tham gia giải quyết các nhiệm vụ.

2.2. VẬN DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC LỚP 4

Trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm, bản chất của một số KTDH tích cực nói chung và kỹ thuật dạy học KWLH, kỹ thuật Khăn trải bàn, dạy học theo Trạm và đặc điểm của môn Khoa học lớp 4, chúng tôi đề xuất quy trình sử dụng KTDH KWLH, KTDH Khăn trải bàn và dạy học theo Trạm như sau:

2.2.1. Kỹ thuật KWLH

a. Các bước tiến hành

Bước 1: GV nêu vấn đề

- GV đưa ra hệ thống câu hỏi liên quan đến bài học nhằm kích thích trí tò mò của HS.

Bước 2: GV giao nhiệm vụ cho HS

- GV phát phiếu học tập KWLH cho HS và yêu cầu HS:

+ Thứ nhất: Ghi lại những điều mình đã biết/ tìm hiểu được trong bài học/ chủ đề vào cột K.

+ Thứ 2: Ghi lại những điều HS muốn biết về bài học/ chủ đề vào cột W.

Bước 3: HS giải quyết nhiệm vụ

HS giải quyết nhiệm vụ bằng cách hoàn thiện ghi các thông tin vào cột K và W.

GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi:

- Cột K: Các em biết gì về ...? Hãy nói/ ghi những gì các em biết/ tìm hiểu được về ...? GV khuyến khích HS thảo luận hoặc giải thích về những điều đã ghi.

- Cột W: Em có muốn biết thêm gì về điều em ghi ở cột K không? Các em muốn biết gì về ... trong bài học này?

Bước 4: Tổ chức hoạt động hình thành kiến thức để hoàn thiện thông tin cột L

GV tổ chức hoạt động dạy học và HS có thể ghi thông tin vào cột L trong khi học hoặc sau khi kết thúc các hoạt động dạy học của chủ đề đó.

Bước 5: Củng cố và luyện tập kiến thức bài học

Bước 6: GV xây dựng bối cảnh tạo ra cột H

GV sử dụng câu hỏi/ tình huống như: Những thông tin trong bài em muốn biết/ tìm hiểu thêm, em đã học bằng hình thức nào; làm thế nào để học nhiều hơn hoặc vận dụng những kiến thức đã học vào công việc và cuộc sống như thế nào?

b. Ví dụ minh họa (Hoạt động 1. Một số việc làm để phòng tránh đuối nước, trang 103, Bài 27: Phòng tránh đuối nước, Bộ sách Kết nối Tri thức với cuộc sống)
Mục tiêu:

- HS nêu được những việc nên và không nên làm để phòng tránh đuối nước.

- Góp phần hình thành và phát triển cho HS năng lực giao tiếp, hợp tác trong quá trình thảo luận giải quyết vấn đề.

Cách tiến hành:

Bước 1: GV nêu vấn đề

- GV đặt câu hỏi: 1. Đã có bạn nào được đi bơi chưa? (HS trả lời)

2. Khi đi bơi, em cần có kỹ năng gì? (HS trả lời)

3. Những kỹ năng đó giúp em tránh khỏi điều gì? (HS trả lời)

- GV: Trong những năm gần đây, trên khắp mọi miền cả nước, những vụ đuối nước thương tâm đã cướp đi sinh mạng của nhiều trẻ, tập trung chủ yếu ở các vùng nông thôn, miền núi và đối tượng chủ yếu là ở các em học sinh. Nguy cơ đuối nước luôn rình rập trẻ em ở khắp mọi nơi, nhất là về mùa hè, trời nắng

nóng, các em được nghỉ học, tham gia vào nhiều hoạt động vui chơi tự do. Vậy những việc nào nên làm và không nên làm để phòng tránh đuối nước? Để trả lời cho câu hỏi đó chúng ta cùng nhau tìm hiểu nhé!

Bước 2: GV giao nhiệm vụ cho HS

- GV phát phiếu học tập cho HS

K (Những điều em biết)	W (Những điều em muốn biết)	L (Những điều em học được)	H (Em muốn biết thêm điều gì và cách để tìm hiểu)

- GV giới thiệu cách làm phiếu

+ Cột K: Em hãy ghi những điều em biết về đuối nước (nguyên nhân, một số cách phòng tránh,...)

+ Cột W: Em hãy ghi những điều em muốn biết về phòng tránh đuối nước.

+ Cột L: Em học được gì qua bài học

+ Cột H: Em muốn biết thêm điều gì về phòng tránh đuối nước và đề xuất cách tìm hiểu.

- GV cho HS làm việc trong thời gian 5 phút thực hiện ghi vào cột K và cột W.

- Hết 5 phút GV yêu cầu HS báo cáo và chốt các ý kiến ở cột K và cột W

K (Những điều em biết)	W (Những điều em muốn biết)	L (Những điều em học được)	H (Em muốn biết thêm điều gì và cách để tìm hiểu)
- Nguyên nhân gây đuối nước: chơi gần khu vực có ao hồ, sông ngòi. - Một số việc làm phòng tránh đuối nước: không chơi gần khu vực ao hồ, học bơi,...	- Còn những nguyên nhân nào khác gây đuối nước không? - Để phòng tránh đuối nước thì cần làm gì?		

Bước 3: HS giải quyết nhiệm vụ

HS giải quyết nhiệm vụ bằng cách hoàn thiện ghi các thông tin vào cột K và W

GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi:

- Cột K: Các em biết gì về nước? Hãy nói/ ghi những gì các em biết/ tìm hiểu được về nước? GV khuyến khích HS thảo luận hoặc giải thích về những điều đã ghi.

- Cột W: Em có muốn biết thêm gì về điều em ghi ở cột K không? Các em muốn biết gì về đuối nước trong bài học này?

K (Những điều em biết)	W (Những điều em muốn biết)	L (Những điều em học được)	H (Em muốn biết thêm điều gì và cách để tìm hiểu)
- Nguyên nhân gây đuối nước: chơi gần khu vực có ao hồ, sông ngòi. - Một số việc làm phòng tránh đuối nước: không chơi gần khu vực ao hồ, học bơi,...	- Còn những nguyên nhân nào khác gây đuối nước không? - Để phòng tránh đuối nước thì cần làm gì?		

Bước 4: Tổ chức hoạt động hình thành kiến thức để hoàn thiện thông tin cột L

- GV: Bây giờ, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu để xem qua hoạt động này, chúng ta có thể giải đáp những thắc mắc đó không nhé!

- GV cho HS quan sát hình 1 (SGK trang 103) và tổ chức thảo luận nhóm 4 trong thời gian 5 phút trả lời câu hỏi sau: Việc làm nào có thể dẫn đến nguy cơ đuối nước?

- GV mời đại diện các nhóm và chốt lại kiến thức: Bức tranh 1a,1c,1d có nguy cơ dẫn đến đuối nước vì HS bơi ở nơi nguy hiểm, không mặc áo phao, đi khi nước ngập không thể xác định được đường.

- GV: Vậy có những nguyên nhân nào gây đuối nước?

+ GV mời một số HS chia sẻ và rút ra kiến thức cần nhớ:

Nguyên nhân gây đuối nước do không có nắp đậy an toàn; sông, hồ, suối, ao nước... không được rào chắn và có biển báo nguy hiểm, các vùng trũng bình thường trong mùa mưa bão bị ngập nước cũng là những nguyên nhân gây ra đuối nước. Hơn nữa, tình trạng xây dựng các công trình, đào bới khai thác đất...

đã để lại các hồ sâu gây nguy hiểm như hồ lấy đất, hồ lấy nước tưới hoa màu, không có hàng rào cũng là những nơi dễ gây nên tai nạn đuối nước.

- GV cho HS thảo luận nhóm 4 trong thời gian 5 phút, kể tên các việc làm để phòng tránh đuối nước. Hết 5 phút GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh nhất”

+ Cách chơi: GV chia lớp thành 2 đội chơi, nhiệm vụ của các đội là ghi thật nhanh những việc làm để phòng tránh đuối nước lên phần bảng của đội mình.

- Sau trò chơi GV sẽ tổ chức nhận xét và chốt lại những việc làm để phòng tránh đuối nước: không đi lại nơi ngập nước, không lại gần, chơi ở các bể chứa nước, học bơi,...

- GV đặt câu hỏi: Việc nào không nên làm để phòng tránh đuối nước?

- GV nhận xét và chốt lại: để phòng tránh đuối nước chúng ta không nên chơi đùa gần, đi bơi ở hồ ao, sông, suối, biển; đi qua đi lại gần nơi có dòng nước lớn, các nơi ngập nước.

- GV dành thời gian 5 phút cho HS ghi lại những điều đã học vào cột L.

K (Những điều em biết)	W (Những điều em muốn biết)	L (Những điều em học được)	H (Em muốn biết thêm điều gì và cách để tìm hiểu)
- Nguyên nhân gây đuối nước: chơi gần khu vực có ao hồ, sông ngòi. - Một số việc làm phòng tránh đuối nước: không chơi gần khu vực ao hồ, học bơi,...	- Còn những nguyên nhân nào khác gây đuối nước không? - Để phòng tránh đuối nước thì cần làm gì?	- Nguyên nhân gây đuối nước do không có nắp đậy an toàn; sông, hồ, suối, ao nước... không được rào chắn và có biển báo nguy hiểm, các vùng trũng bình thường trong mùa mưa bão bị ngập nước cũng là những nguyên nhân gây ra đuối nước.	

		- Những việc làm để phòng tránh đuối nước: không đi lại nơi ngập nước, không lại gần, chơi ở các bể chứa nước, học bơi,...	
--	--	--	--

Bước 5: Củng cố và luyện tập kiến thức bài học

Bước 6: GV xây dựng bối cảnh tạo ra cột H

GV đặt câu hỏi: Những thông tin trong bài em muốn biết thêm, em học bằng hình thức nào; làm thế nào để học nhiều hơn hoặc vận dụng những kiến thức đã học vào công việc và cuộc sống như thế nào?

HS: Có phải cứ đi chơi ở ao hồ mới có nguy cơ đuối nước hay không? Em sẽ tìm hiểu bằng cách xem trên Youtube, Internet,...

2.2.2. Kỹ thuật Khăn trải bàn

2.2.2.1. Kỹ thuật Khăn trải bàn truyền thống (nguyên thể)

a. Các bước tiến hành

Bước 1: GV chia HS thành các nhóm, phân công nhóm trưởng, thư kí và phát cho mỗi nhóm một “khăn trải bàn”. Trên “khăn trải bàn” chia thành các phần, gồm phần chính giữa để ghi ý kiến thống nhất của cả nhóm và các phần xung quanh khăn tương ứng với số HS trong nhóm với các nhiệm vụ học tập.

Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập trong một khoảng thời gian nhất định, tập trung suy nghĩ và viết ý kiến của mình vào góc tờ giấy có ghi tên của mình.

Bước 3: Hết thời gian làm việc cá nhân, HS thảo luận nhóm rồi thống nhất các ý kiến cá nhân thành ý kiến chung của nhóm rồi viết vào phần chính giữa của khăn trải bàn.

Bước 4: Các nhóm báo cáo vòng tròn.

Bước 5: GV đánh giá sản phẩm của từng nhóm về nội dung, hình thức và các ý tưởng đặc biệt (nếu có) và chốt kiến thức

The diagram shows a large rectangle divided into a central square and four corner triangles. The central square is labeled "Ý kiến chung của cả nhóm số ..." and contains four lines for "Nội dung 1:", "Nội dung 2:", "Nội dung 3:", and "Nội dung 4:". The top triangle is labeled "Ý kiến của HS 1" and contains a line for "Tên HS 1:". The bottom triangle is labeled "Ý kiến của HS 3" and contains a line for "Tên HS 3:". The left triangle is labeled "Ý kiến của HS 2" and contains a line for "Tên HS 2:". The right triangle is labeled "Ý kiến của HS 2" and contains a line for "Tên HS 2:". The entire diagram is enclosed in a double-line border.

Hình 2.1. Mô hình kĩ thuật khăn trải bàn truyền thống

b. Ví dụ minh họa (Hoạt động 1, trang 13, Bài 3 Sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước, một số cách làm sạch nước, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam)

Mục tiêu: HS biết và nêu được các nguyên nhân gây ô nhiễm nước và một số cách bảo vệ nguồn nước.

Cách tiến hành:

- GV cho HS quan sát video về thực trạng môi trường nước hiện nay.

Bước 1: GV chia học sinh thành các nhóm mỗi nhóm 4 HS và phân công nhóm trưởng, thư kí, sau đó phát cho mỗi nhóm một “Khăn trải bàn”. Trên “Khăn trải bàn” được chia thành 4 phần tương ứng với 4 HS trong nhóm.

- GV nêu nhiệm vụ học tập: Các em hãy trả lời câu hỏi “Nguyên nhân gây ô nhiễm nước là gì?” ((Trong thời gian 10 phút)

Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập trong một khoảng thời gian 5 phút, tập trung suy nghĩ và viết ý kiến của mình vào góc khăn trải bàn có ghi tên của mình.

Bước 3: Hết thời gian làm việc cá nhân, HS thảo luận nhóm rồi thống nhất các ý kiến cá nhân thành ý kiến chung của nhóm rồi viết vào phần chính giữa khăn trải bàn.

Bước 4: Các nhóm báo cáo vòng tròn.

- GV gọi ngẫu nhiên các nhóm mang khăn trải bàn treo lên bảng và báo cáo kết quả thảo luận nhóm, các nhóm còn lại sẽ được đánh giá chéo.

Bước 5: GV đánh giá sản phẩm của từng nhóm về nội dung, hình thức và các ý tưởng đặc biệt (nếu có) và chốt kiến thức:

- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước:

+ Do hoạt động của tự nhiên: phân hủy xác sinh vật, bão lũ,...

+ Do con người: Hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt,....các chất thải chưa qua xử lý xả vào môi trường nước,...

2.2.2.2. Kỹ thuật Khăn trải bàn biến thể

a. Các bước tiến hành

Cũng bao gồm các bước như kỹ thuật khăn trải bàn truyền thống, tuy nhiên ở mỗi bước có sự thay đổi linh hoạt, cụ thể:

Bước 1: Trên khăn trải bàn GV chuẩn bị thay vì thứ tự các nội dung giống nhau như ở kỹ thuật khăn trải bàn truyền thống thì ở kỹ thuật khăn trải bàn xoay thứ tự nội dung được sắp xếp khác nhau. Hoặc GV phát cho mỗi HS 1 giấy note có màu khác nhau.

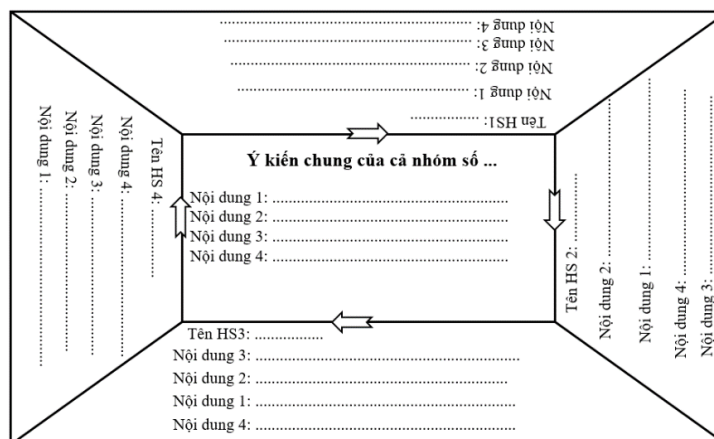
Bước 2: HS làm việc cá nhân, lượt 1 mỗi HS làm 1 nhiệm vụ trong 1 khoảng thời gian nhất định. Khi hết thời gian sẽ xoay khăn trải bàn theo chiều

kim đồng hồ và HS thực hiện tiếp nhiệm vụ cứ như vậy cho đến khi hết nhiệm vụ trên khăn trải bàn.

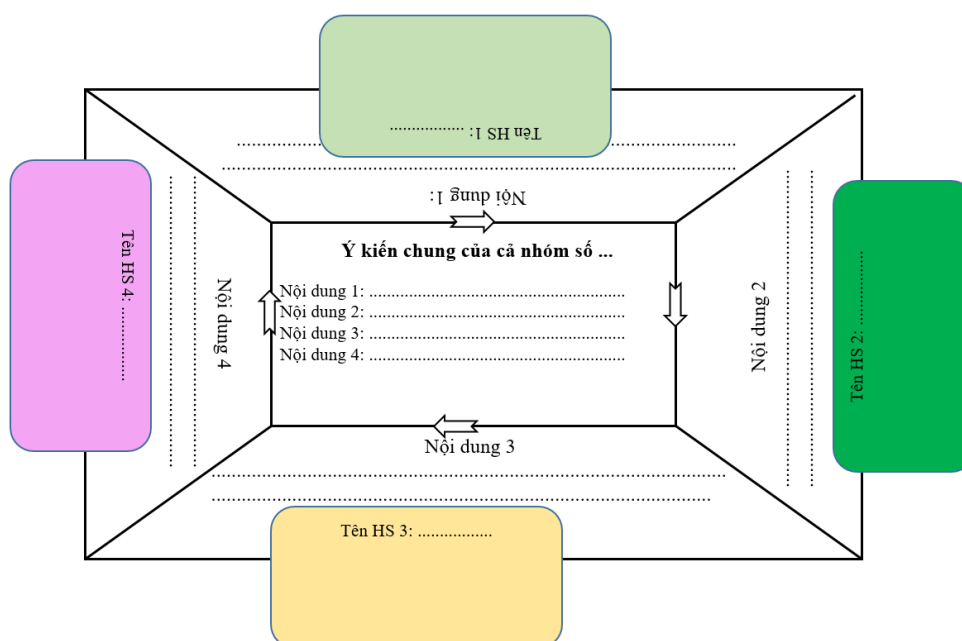
Bước 3: Hết thời gian làm việc cá nhân, HS thảo luận nhóm rồi thống nhất các ý kiến cá nhân thành ý kiến chung của nhóm rồi viết vào phần chính giữa của tờ giấy.

Bước 4: Các nhóm báo cáo vòng tròn.

Bước 5: GV đánh giá sản phẩm của từng nhóm về nội dung, hình thức và các ý tưởng đặc biệt (nếu có) và chốt kiến thức.



Hình 2.2. Mô hình kĩ thuật khăn trải bàn xoay



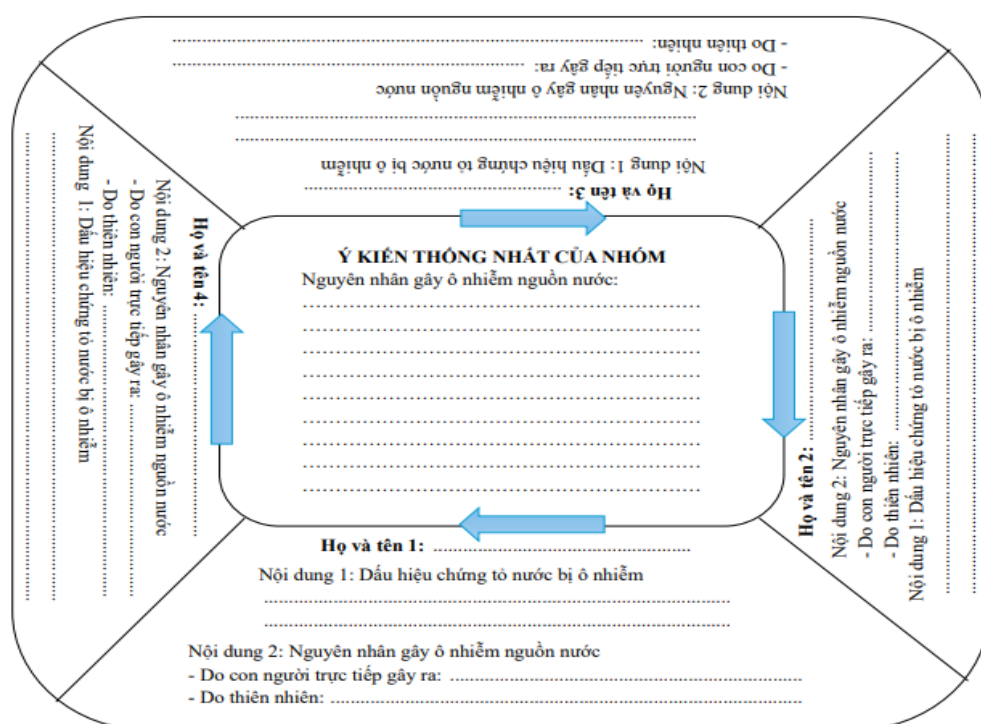
Hình 2.3. Mô hình kĩ thuật khăn trải bàn xoay với giấy note

b. Ví dụ minh họa (Hoạt động 1, trang 13, Bài 3 Sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước, một số cách làm sạch nước, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam)

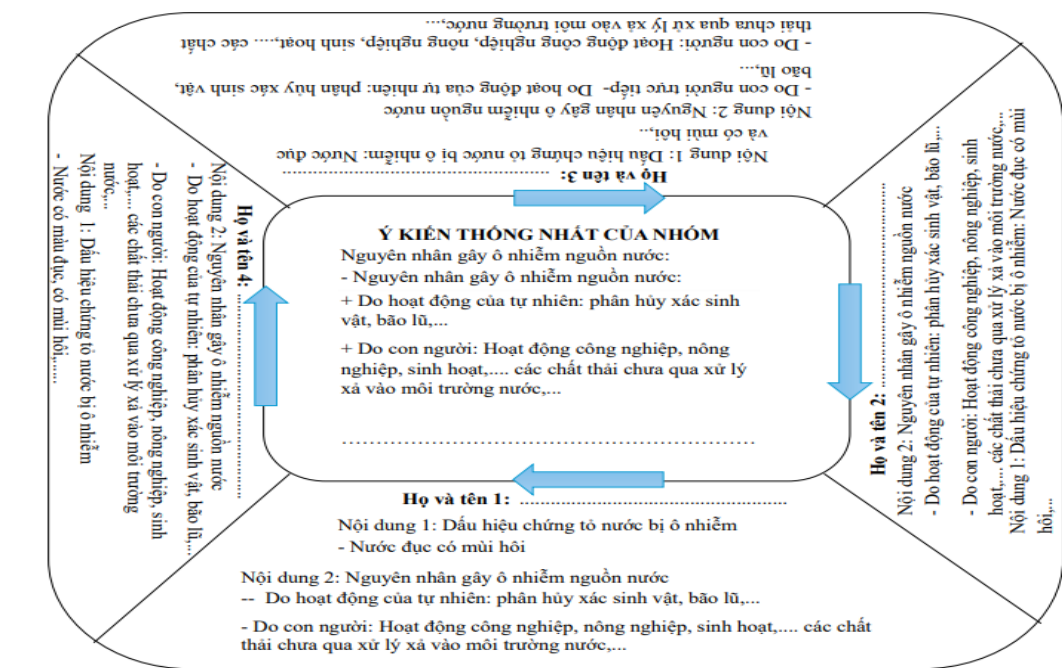
Mục tiêu: HS biết và nêu được các nguyên nhân gây ô nhiễm nước và một số cách bảo vệ nguồn nước.

Cách tiến hành:

Bước 1: GV chia học sinh thành các nhóm mỗi nhóm 4 HS và phân công nhóm trưởng, thư kí, sau đó phát cho mỗi nhóm một “khăn trải bàn”. Trên “khăn trải bàn” được chia thành 4 phần tương ứng với 4 HS trong nhóm.



Bước 2: Khi có hiệu lệnh gõ thước, HS làm việc cá nhân thực hiện các yêu cầu, lưu ý mỗi HS chỉ thực hiện 1 nội dung. Sau 3 phút, GV gõ thước HS xoay khăn trải bàn theo chiều kim đồng hồ và HS thực hiện tiếp các nội dung. Sau 2 lần gõ thước HS hoàn thành bài.



Bước 3: Hết thời gian làm việc cá nhân, HS thảo luận nhóm rồi thống nhất các ý kiến cá nhân thành ý kiến chung của nhóm rồi viết vào phần chính giữa của tờ giấy.

Bước 4: Các nhóm báo cáo vòng tròn.

- Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm, chỉ bổ sung những ý mà nhóm bạn còn thiếu.

Bước 5: GV đánh giá sản phẩm của từng nhóm về nội dung, hình thức và các ý tưởng đặc biệt (nếu có) và chốt kiến thức:

- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước:
- + Do hoạt động của tự nhiên: phân hủy xác sinh vật, bão lũ,...
- + Do con người: Hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt,... các chất thải chưa qua xử lý xả vào môi trường nước,...

2.2.3. Kỹ thuật dạy học theo Trạm

a. Các bước tiến hành

Bước 1: Lựa chọn nội dung hệ thống trạm học tập

- Mỗi hệ thống trạm gồm các trạm học tập, nhiệm vụ ở các trạm học tập độc lập với nhau. Nội dung hệ thống trạm có thể là kiến thức của một bài học hoặc một phần kiến thức xác định.

- Các kiến thức độc lập với nhau trong một bài học có thể xây dựng thành một hệ thống trạm.

Bước 2: Xây dựng nội dung các trạm

- Ở mỗi trạm học tập có thể xây dựng các loại nhiệm vụ phong phú.

Các nhiệm vụ ở các trạm có thể xây dựng được thể hiện trong bảng sau:

Nhiệm vụ	Phiếu học tập	Vật liệu đi kèm
Tiến hành thí nghiệm và xử lý kết quả thí nghiệm	Cần có ảnh chụp các thiết bị, ô dành cho việc vẽ bố trí thí nghiệm, các câu hỏi, câu định hướng cho việc tiến hành thí nghiệm	Các thiết bị thí nghiệm
Giải thích hiện tượng	Có ảnh chụp hiện tượng, yêu cầu giải thích hiện tượng, có thể sử dụng các kĩ thuật ra bài tập dưới dạng điền khuyết	Có thể chuẩn bị dụng cụ để tạo ra hiện tượng cần giải thích
Giải bài tập	Cần có nội dung bài tập, yêu cầu	
Đọc các nguồn thông tin và tóm tắt thông tin quan trọng	Mô tả rõ ràng nội dung nhiệm vụ: Đọc, tóm tắt dưới dạng bảng biểu hay sơ đồ tư duy	Văn bản cần đọc

Bước 3. Tổ chức dạy học theo Trạm

- GV chuẩn bị nguyên vật liệu cho từng trạm.
- GV nêu rõ nhiệm vụ, cách thức hoạt động và sản phẩm tại mỗi trạm.
- Tại mỗi trạm, HS thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Bước 4: Đánh giá sản phẩm mỗi trạm và chốt kiến thức

b.Ví dụ minh họa (Hoạt động 1. Tìm hiểu tính chất của nước, trang 5, Bài 1: Tính chất của nước và nước trong cuộc sống, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam)

Mục tiêu:

- HS biết được tính chất của nước: không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định.

- HS biết được hướng chảy của nước trên mặt tấm gỗ: Chảy từ cao xuống thấp, khi xuống tới khay nước tiếp tục chảy lan ra khắp mọi phía; nước thấm qua một số vật và hòa tan một số chất.

- Góp phần hình thành và phát triển cho HS năng lực giao tiếp, hợp tác trong quá trình thảo luận giải quyết vấn đề ở các trạm.

Cách tiến hành:

Bước 1: Lựa chọn nội dung hệ thống trạm học tập

+ Trạm: Tìm hiểu về màu sắc, mùi vị và hình dạng của nước

+ Trạm: Tìm hiểu về hướng chảy của nước

+ Trạm: Tìm hiểu về tính thấm của nước

+ Trạm: Tìm hiểu về tính hòa tan của nước.

Bước 2: Xây dựng nội dung các trạm

Bước 3. Tổ chức dạy học theo Trạm

- GV chia lớp thành 02 cụm, mỗi cụm có 04 nhóm tương ứng với 04 trạm (mỗi trạm có từ 4-5 HS). Cụm 01 có trạm 1, 2,3 và 4. Cụm 02 có trạm 5, 6, 7 và 8. Nhiệm vụ của các trạm là:

+ Trạm 1 và trạm 5: Tìm hiểu về màu sắc, mùi vị và hình dạng của nước

+ Trạm 2 và trạm 6: Tìm hiểu về hướng chảy của nước

+ Trạm 3 và trạm 7: Tìm hiểu về tính thấm của nước

+ Trạm 4 và trạm 8: Tìm hiểu về tính hòa tan của nước.

- Tại mỗi trạm GV đã chuẩn bị sẵn đồ dùng, dụng cụ thí nghiệm và hướng dẫn cách tiến hành thí nghiệm.

1. TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC

Trạm số:

Tên các thành viên:

1.
2.
3.
4.
5.

a. Màu sắc, mùi vị và hình dạng của nước

- Màu sắc:
- Mùi vị:
- Hình dạng:

b. Hướng chảy của nước

Nước chảy
.....
.....
.....

c. Tính thấm của nước

- Nước thấm qua:
- Nước không thấm qua:

d. Tính hòa tan của nước

- Nước hòa tan:
- Nước không hòa tan:

NHIỆM VỤ TẠI CÁC TRẠM

TRẠM 1 & TRẠM 5

(Tìm hiểu về màu sắc, mùi vị và hình dạng của nước)

Nhiệm vụ: Trên bàn có để sẵn 1 cốc, 1 bát, 1 chai; nước sạch có thể uống được.

Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Rót cùng một lượng nước vào cốc, bát và chai.



Cốc



Bát



Chai

Bước 2: Hãy ngửi, nếm và quan sát màu sắc, hình dạng nước trong mỗi đồ vật.

Bước 3: Hoàn thành nội dung trong phiếu học tập

TRẠM 2 & TRẠM 6

(Tìm hiểu về hướng chảy của nước)

Nhiệm vụ: Trên bàn có để sẵn 1 tấm gỗ, 1 khay nhựa, 1 cốc nước.

Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Đổ từ từ nước lên mặt tấm gỗ đặt nằm nghiêng trên khay như hình vẽ (hình vẽ)



Bước 2: Quan sát và nhận xét

- Hướng chảy của nước trên mặt tấm gỗ?

- Khi nước chảy xuống tới khay, nước tiếp tục chảy như thế nào?

Bước 3: Hoàn thiện nội dung trong phiếu học tập

TRẠM 3 & TRẠM 7

(Tìm hiểu về tính thấm của nước)

Nhiệm vụ: Trên bàn có 2 khăn mặt, 2 tờ giấy ăn khô, 1 thìa, nước.

Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Đặt khăn mặt, đĩa và giấy ăn chồng lên nhau



Bước 2: Đổ một thìa nước lên mặt trên của mỗi chồng khăn mặt, đĩa, giấy ăn.

Bước 3: Nhấc khăn mặt, đĩa và giấy ở bên trên ra.

Bước 4: Quan sát khăn mặt, đĩa, giấy ăn ở bên dưới và cho biết nước thấm qua vật nào. Vì sao em biết?

Bước 5: Từ thí nghiệm trên, em hãy hoàn thiện thông tin trong phiếu học tập

TRẠM 4 & TRẠM 8

(Tìm hiểu về tính hòa tan của nước với các chất)

Nhiệm vụ: Trên bàn có 3 cốc thủy tinh, 3 thìa muối, cát, đường, nước.

Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Lấy 3 cốc nước như nhau.

Bước 2: Cho vào từng cốc các chất: muối ăn, cát, đường rồi khuấy đều.



Bước 3: Quan sát thí nghiệm và cho biết nước hòa tan chất nào và không hòa tan chất nào?

Bước 4: Hoàn thiện nội dung trong phiếu học tập

+ Tại mỗi trạm HS sẽ làm thí nghiệm theo hướng dẫn cách tiến hành thí nghiệm và ghi lại kết quả thí nghiệm vào PHT của nhóm. Thời gian để các nhóm làm TN tại mỗi trạm là 05 phút. Hết thời gian GV hô chuyển HS sẽ di chuyển sang trạm kế tiếp theo sơ đồ mà GV đã vẽ trên bảng. Cứ như vậy, HS sẽ tiến hành di chuyển 3 lần qua các trạm và ghi lại nội dung kiến thức nghiên cứu tại mỗi trạm vào PHT.



- GV: Hết thời gian làm việc tại các trạm, GV quay số bốc thăm ngẫu nhiên để lựa chọn trạm báo cáo một trong các nội dung trên PHT, các nhóm khác lắng nghe nhận xét và bổ sung.

- GV chốt kiến thức:

+ Nước có tính chất không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định.

+ Hướng chảy của nước trên mặt tấm gỗ: Chảy từ cao xuống thấp, khi xuống tới khay nước tiếp tục chảy lan ra khắp mọi phía.

+ Nước có thể hòa tan một số vật và hòa tan một số chất.

2.3. XÂY DỰNG MỘT SỐ KẾ HOẠCH BÀI HỌC CÓ VẬN DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC

2.3.1. Lựa chọn các bài Khoa học lớp 4

Trong chương trình Khoa học lớp 4, chúng tôi đã lựa chọn 8 bài dạy thuộc chủ đề “Chất” và chủ đề “Con người và sức khỏe”. Mỗi bài được thiết kế với các KTDH phù hợp như KWLH, dạy học theo Trạm, Khăn trải bàn nhằm tăng cường hiệu quả và sự hứng thú cho HS. Dưới đây là bảng liệt kê các bài dạy kèm theo KTDH được sử dụng:

Bảng 2.1. Các bài dạy có vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực

S T T	Tên bài	Số tiết (dự kiến)	Nội dung	Kỹ thuật dạy học		
				Trạm	KWLH	Khăn trải bàn
1	Bài 1: Tính chất của nước và nước trong cuộc sống	2	1. Tính chất của nước	x		
			3. Vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt			x
2	Bài 3: Sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước. Một số cách làm sạch nguồn nước	2	1. Nguyên nhân gây ô nhiễm nước			x
			2. Bảo vệ nguồn nước		x	
3	Bài 4: Không khí có ở đâu? Tính chất và thành phần của không khí?	2	1. Không khí có ở đâu?	x		x

4	Bài 5: Vai trò của không khí và bảo vệ bầu không khí trong lành	2	3. Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí		x	
5	Bài 23: Vai trò của chất dinh dưỡng đối với cơ thể	2	2. Vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng đối với cơ thể		x	x
6	Bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng	3	Bệnh thừa cân béo phì; bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, bệnh thiếu máu sắt	x		
7	Bài 27: Phòng tránh đuối nước	2	Một số việc làm để phòng tránh đuối nước		x	
8	Bài 28: Ôn tập chủ đề con người và sức khỏe	2		x		
Tổng				4	4	4

2.3.2. Kế hoạch bài dạy có vận dụng một số KTDH tích cực

Trong chương trình Khoa học lớp 4, chúng tôi đã lựa chọn và thiết kế 8 kế hoạch bài dạy thuộc hai chủ đề “Chất” và “Con người và sức khỏe”. Để minh họa cụ thể KTDH tích cực (KWLH, dạy học theo Trạm và Khăn trải bàn), chúng tôi xin trình bày chi tiết một kế hoạch bài dạy tiêu biểu. Các kế hoạch bài dạy còn lại sẽ được đính kèm trong phụ lục số 3.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
CHỦ ĐỀ: CHẤT
Bài 1: TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC VÀ NƯỚC TRONG CUỘC SỐNG
(2 Tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện ra một số tính chất của nước.
- Nêu được một số tính chất của nước: Không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định; chảy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía, thấm qua một số vật và hòa tan một số chất.
- Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản.
- Nêu và liên hệ được một số ứng dụng thực tiễn về tính chất và vai trò của nước ở gia đình và địa phương trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

2. Năng lực chung

Góp phần hình thành và phát triển cho HS năng lực chung:

- Năng lực tự học, tự chủ: Luôn chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập (đọc/ thực hiện những yêu cầu trong SGK) như chủ động thực hiện các thí nghiệm trong SGK.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm và biết chia sẻ kết quả làm thí nghiệm, thực hiện PHT.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Luôn chủ động, tích cực phối hợp với các bạn đưa ra ý kiến đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.
- Trung thực: Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân/thảo luận nhóm, nhận xét sản phẩm của bạn.
- Trách nhiệm: Nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, máy tính máy chiếu, kế hoạch bài dạy, bài hát khởi động.
- Phiếu học tập:
 - + Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu về tính chất của nước (*phụ lục*)
 - + Phiếu học tập số 2: Vận dụng tính chất của nước (*phụ lục*)
- Dụng cụ thí nghiệm: cốc, chai, chậu, nước, khăn, đĩa, giấy ăn, muối ăn, đường, cát, khay nhựa, tấm gỗ.
- Tranh ảnh phóng to các hình 5,6,7 SGK.
- Sơ đồ di chuyển theo trạm, đồng hồ đếm ngược, đồng hồ hẹn hò,..

2. Học sinh: SGK

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) <i>- Mục tiêu:</i> + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. <i>- Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức cho cả lớp hát và nhún nhảy theo lời bài hát “Cho tôi đi làm mưa với” – Nhạc và lời Hoàng Hà và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết nội dung của bài hát là gì? - GV dẫn dắt: Bài hát "Cho tôi đi làm mưa với" của nhạc sĩ Hoàng Hà đã nói lên ước muốn của một bạn nhỏ muốn làm những hạt mưa giúp ích cho đời, mưa làm cho cây xanh tốt, mưa còn giúp cho con người mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no và hạnh phúc. Vậy nước có những tính chất nào có thể làm được những điều đó, chúng ta sẽ cùng nhau đi nghiên cứu bài 1: Tính chất của nước và nước trong cuộc sống. - GV cho HS nêu mục tiêu của tiết học	- HS tham gia hát và nhún nhảy theo bài hát và trả lời câu hỏi theo ý hiểu. - HS lắng nghe - HS nêu

2. Hoạt động

Hoạt động 1: Tìm hiểu tính chất của nước (30 phút)

Mục tiêu: HS nêu được một số tính chất của nước

Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Dạy học theo trạm

Cách tiến hành:

- GV chia lớp thành 02 cụm, mỗi cụm có 04 nhóm tương ứng với 04 trạm (mỗi trạm có từ 4-5 HS). Cụm 01 có trạm 1, 2, 3 và 4. Cụm 02 có trạm 5, 6, 7 và 8. Nhiệm vụ của các trạm là:

Trạm 1 và trạm 5: Tìm hiểu về màu sắc, mùi vị và hình dạng của nước

Trạm 2 và trạm 6: Tìm hiểu về hướng chảy của nước

Trạm 3 và trạm 7: Tìm hiểu về tính thấm của nước

Trạm 4 và trạm 8: Tìm hiểu về tính hòa tan của nước.

- Tại mỗi trạm GV đã chuẩn bị sẵn đồ dùng, dụng cụ thí nghiệm và hướng dẫn cách tiến hành thí nghiệm.

+ Tại mỗi trạm HS sẽ làm thí nghiệm theo hướng dẫn cách tiến hành thí nghiệm và ghi lại kết quả thí nghiệm vào PHT của nhóm. Thời gian để các nhóm làm TN tại mỗi trạm là 05 phút. Hết thời gian GV hô chuyển HS sẽ di chuyển sang trạm kế tiếp theo sơ đồ mà GV đã vẽ trên bảng. Cứ như vậy, HS sẽ tiến hành di chuyển 3 lần qua các trạm và ghi lại nội dung kiến thức nghiên cứu tại mỗi trạm vào PHT.



- GV: Hết thời gian làm việc tại các trạm, GV quay số bốc thăm ngẫu nhiên để lựa chọn trạm

- HS di chuyển về các trạm.

- HS sẽ làm thí nghiệm theo hướng dẫn cách tiến hành thí nghiệm và ghi lại kết quả thí nghiệm vào PHT của nhóm.

- HS báo cáo kết quả thảo luận

báo cáo một trong các nội dung trên PHT, các nhóm khác lắng nghe nhận xét và bổ sung. - GV chốt kiến thức: + Nước có tính chất không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định. + Hướng chảy của nước trên mặt tấm gỗ: Chảy từ cao xuống thấp, khi xuống tới khay nước tiếp tục chảy lan ra khắp mọi phía. + Nước có thể hòa tan một số vật và hòa tan một số chất.	- HS lắng nghe																		
Hoạt động 2: Vận dụng tính chất của nước(15 phút) <i>Mục tiêu:</i> Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản. Nêu được và liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về ứng dụng một số tính chất của nước. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Hẹn hò <i>Cách tiến hành:</i>																			
- GV: Yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát hình số 5 trang 7 SGK để hoàn thành PHT số 2: Vận dụng tính chất của nước, thời gian 5 phút. <table border="1" data-bbox="311 1211 979 1778"> <thead> <tr> <th>Tính chất của nước</th><th>Hình ảnh vận dụng tính chất của nước</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thấm qua một số vật</td><td></td></tr> <tr> <td>Chảy từ cao xuống thấp</td><td></td></tr> <tr> <td>Hòa tan một số chất</td><td></td></tr> <tr> <td>Chảy lan ra khắp mọi phía</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Tính chất của nước	Hình ảnh vận dụng tính chất của nước	Thấm qua một số vật		Chảy từ cao xuống thấp		Hòa tan một số chất		Chảy lan ra khắp mọi phía		- HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập số 2. <table border="1" data-bbox="1038 1158 1477 1888"> <thead> <tr> <th>Tính chất của nước</th><th>Hình ảnh vận dụng tính chất của nước</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nước thấm qua một số vật</td><td>5a, 5d</td></tr> <tr> <td>Nước chảy từ cao xuống thấp</td><td>5b,5e</td></tr> <tr> <td>Nước hòa tan một số chất</td><td>5c,5d</td></tr> </tbody> </table>	Tính chất của nước	Hình ảnh vận dụng tính chất của nước	Nước thấm qua một số vật	5a, 5d	Nước chảy từ cao xuống thấp	5b,5e	Nước hòa tan một số chất	5c,5d
Tính chất của nước	Hình ảnh vận dụng tính chất của nước																		
Thấm qua một số vật																			
Chảy từ cao xuống thấp																			
Hòa tan một số chất																			
Chảy lan ra khắp mọi phía																			
Tính chất của nước	Hình ảnh vận dụng tính chất của nước																		
Nước thấm qua một số vật	5a, 5d																		
Nước chảy từ cao xuống thấp	5b,5e																		
Nước hòa tan một số chất	5c,5d																		

- GV phát cho mỗi HS 01 đồng hồ hẹn hò và cho HS có 01 phút để hẹn hò đối tác ở các khung giờ 02 giờ, 06 giờ, 08 giờ và 10 giờ. Khi hẹn đối tác cần ghi tên vào khung giờ hẹn và mỗi khung giờ chỉ được hẹn với 01 người. - GV: Tổ chức cho HS hẹn hò, GV yêu cầu đi tìm đối tác ở khung giờ.... giờ, để thảo luận về ứng dụng tính chất của nước, thời gian thảo luận với đối tác là 01 phút. Hết thời gian thảo luận GV sẽ chuyển khung giờ và nhiệm vụ. Cụ thể: Tìm đối tác ở khung giờ 02 giờ để thảo luận về tính thấm qua một số vật; khung giờ 04 giờ thảo luận ứng dụng của nước chảy từ cao xuống thấp; khung giờ 08 giờ thảo luận ứng dụng của nước hòa tan một số chất và khung giờ 10 giờ thảo luận ứng dụng tính chất nước chảy lan ra mọi phía. - GV: Quay số gọi HS báo cáo. Khi báo cáo HS đọc tên đối tác đã hẹn hò và thảo luận. Điểm đánh giá tính cho cả 02. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV đặt câu hỏi: Hãy kể thêm ví dụ khác trong đời sống hằng ngày ở gia đình, địa phương em đã vận dụng tính chất của nước. - GV chốt kiến thức: Trong cuộc sống, con người đã vận dụng tính chất của nước như: sử dụng ô hoặc áo mưa khi đi dưới trời mưa, pha túi trà,.....	<table border="1" data-bbox="1038 152 1481 322"> <tr> <td data-bbox="1038 152 1259 322">Nước lan ra khắp mọi phía</td><td data-bbox="1259 152 1481 322">5a</td></tr> </table> - HS nhận đồng hồ và lắng nghe hướng dẫn. - HS tìm đối tác theo các khung giờ mà GV yêu cầu. - HS báo cáo - HS trả lời: Trong cuộc sống, con người đã vận dụng tính chất của nước như: sử dụng ô hoặc áo mưa khi đi dưới trời mưa, pha túi trà,..... - HS lắng nghe	Nước lan ra khắp mọi phía	5a
Nước lan ra khắp mọi phía	5a		
Hoạt động 3: Vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt(15 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS biết và nêu được vai trò của nước trong đời sống sản xuất và sinh hoạt.			

Phương pháp, kỹ thuật: kỹ thuật khăn trải bàn

Cách tiến hành:

- GV chia lớp thành 06 nhóm, mỗi nhóm 06 HS. Phát cho mỗi HS 01 giấy note và yêu cầu HS đọc và thực hiện câu lệnh số 1 trang 7 SGK và câu lệnh số 02 trang 8 SGK vào phiếu note cá nhân. Thời gian hoàn thành 05 phút.

- Hết thời gian GV phát cho mỗi nhóm 01 khăn trải bàn. Yêu cầu các nhóm thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn và thống nhất ý kiến chung vào phần nhiệm vụ chung. Trong thời gian 03 phút.



- Hết thời gian GV gọi các nhóm báo cáo, chốt đáp án và chấm chéo.

- GV chốt kiến thức:

+ Vai trò của nước: Là thức uống đối với con người và động vật (hình 6a,b); là môi trường sống của động vật và thực vật (hình 6c)

+ Nước được dùng để: Tắm gội giúp cho cơ thể sạch sẽ (hình 7a); nấu chín thức ăn (hình 7b); trồng lúa (hình 7c); sản xuất điện (hình 7d).

- GV: Nếu thiếu nước thì con người, động vật, thực vật sẽ như thế nào?

- HS chia nhóm và thực hiện theo yêu cầu:

Tên mình là:.....

1. Vai trò của nước đối với con người, động vật và thực vật.
Vai trò của nước: Là thức uống đối với con người và động vật (hình 6a,b); là môi trường sống của động vật và thực vật (hình 6c)

2. Nước được sử dụng vào những hoạt động nào?
Nước được dùng để: Tắm gội giúp cơ thể sạch sẽ (hình 7a); nấu chín thức ăn (hình 7b); trồng lúa (hình 7c); sản xuất điện (hình 7d)

- HS thảo luận thống nhất ý kiến vào khăn trải bàn

Ý kiến thống nhất của nhóm số..... là:

1. Vai trò của nước đối với con người, động vật và thực vật.

2. Nước được sử dụng vào những hoạt động nào?

- HS báo cáo

- HS lắng nghe

- HS: Thiếu nước con người, động vật sẽ bị khát nước; thực vật sẽ bị khô héo và khó phát triển.

Hoạt động 4: Vận dụng trải nghiệm (10 phút)

Mục tiêu:

- củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng sau khi học sinh bài học. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Trò chơi học tập <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “chuyền hộp” Cách chơi: Cả lớp sẽ đứng dậy vỗ tay, nhún nhảy theo bài hát mà GV bật, vừa chuyền hộp quà cho các bạn trong lớp. Khi nhạc kết thúc, chiếc hộp trên tay ai thì người đó sẽ mở hộp quà và chọn 1 mảnh giấy có ghi câu hỏi: Câu hỏi 1: Tính chất của nước đã được học qua bài? Câu 2: Nhà bạn Lan bị ướt nền, bạn Lan nên đi đôi ủng bằng cao su hay giày bằng vải để không bị ướt chân. Câu 3: Hãy chỉ ra 3 tính chất của nước mà con người vận dụng trong việc pha trà gói. Nếu bạn cầm hộp quà không trả lời được thì có quyền nhận được sự giúp đỡ từ cả lớp. - GV khen thưởng cho HS chiến thắng trong trò chơi và nhận xét tiết học. - GV đặt câu hỏi: Qua tiết học này em học được những gì? Còn điều gì thắc mắc về bài học hôm nay không? - GV: Về nhà các em hãy chia sẻ những điều đã học cho người thân nhé!	- HS tham gia trò chơi. - HS: Câu 1: Nước có tính không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng Câu 2: Nên đi ủng cao su vì sẽ không thấm nước Câu 3: Nước thấm qua túi lọc trà, nước không hòa tan túi lọc trà, nước hòa tan một số chất trong trà. - HS lắng nghe - HS trả lời: Qua tiết học này em học được tính chất của nước, vận dụng tính chất của nước vào cuộc sống, vai trò của nước. - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

V. PHỤ LỤC

1. Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu tính chất của nước

1. TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC

Trạm số:

Tên các thành viên:

1.

2.

3.

4.

5.

a. Màu sắc, mùi vị và hình dạng của nước

- Màu sắc:

- Mùi vị:

- Hình dạng:

b. Hướng chảy của nước

Nước chảy

.....

.....

.....

c. Tính thấm của nước

- Nước thấm qua:

- Nước không thấm qua:

d. Tính hòa tan của nước

- Nước hòa tan:

- Nước không hòa tan:

NHIỆM VỤ TẠI CÁC TRẠM

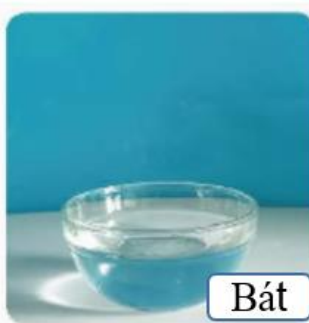
TRẠM 1 & TRẠM 5

(Tìm hiểu về màu sắc, mùi vị và hình dạng của nước)

Nhiệm vụ: Trên bàn có để sẵn 1 cốc, 1 bát, 1 chai; nước sạch có thể uống được.

Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Rót cùng một lượng nước vào cốc, bát và chai.



Bước 2: Hãy ngửi, nếm và quan sát màu sắc, hình dạng nước trong mỗi đồ vật.

Bước 3: Hoàn thành nội dung trong phiếu học tập

TRẠM 2 & TRẠM 6

(Tìm hiểu về hướng chảy của nước)

Nhiệm vụ: Trên bàn có để sẵn 1 tấm gỗ, 1 khay nhựa, 1 cốc nước.

Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Đổ từ từ nước lên mặt tấm gỗ đặt nằm nghiêng trên khay như hình vẽ (hình vẽ)

Bước 2: Quan sát và nhận xét

- Hướng chảy của nước trên mặt tấm gỗ?

- Khi nước chảy xuống tới khay, nước tiếp tục chảy như thế nào?

Bước 3: Hoàn thiện nội dung trong phiếu học tập



TRẠM 3 & TRẠM 7

(Tìm hiểu về tính thấm của nước)

Nhiệm vụ: Trên bàn có 2 khăn mặt, 2 tờ giấy ăn khô, 1 thìa, nước.

Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Đặt khăn mặt, đĩa và giấy ăn chồng lên nhau



Bước 2: Đổ một thìa nước lên mặt trên của mỗi chồng khăn mặt, đĩa, giấy ăn.

Bước 3: Nhấc khăn mặt, đĩa và giấy ở bên trên ra.

Bước 4: Quan sát khăn mặt, đĩa, giấy ăn ở bên dưới và cho biết nước thấm qua vật nào. Vì sao em biết?

Bước 5: Từ thí nghiệm trên, em hãy hoàn thiện thông tin trong phiếu học tập

TRẠM 4 & TRẠM 8

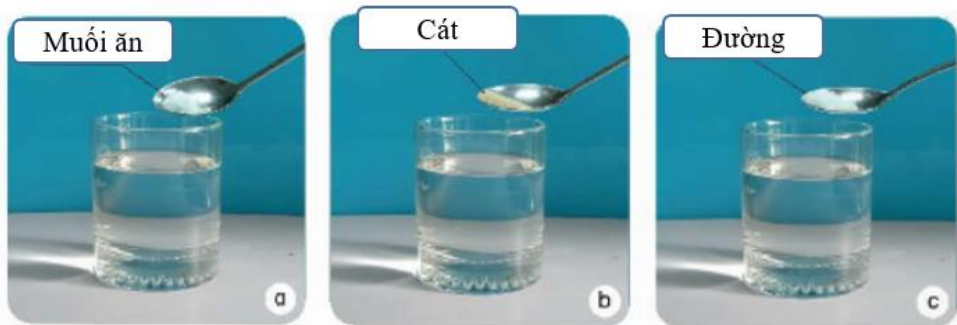
(Tìm hiểu về tính hòa tan của nước với các chất)

Nhiệm vụ: Trên bàn có 3 cốc thủy tinh, 3 thìa muối, cát, đường, nước.

Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Lấy 3 cốc nước như nhau.

Bước 2: Cho vào từng cốc các chất: muối ăn, cát, đường rồi khuấy đều.



Bước 3: Quan sát thí nghiệm và cho biết nước hòa tan chất nào và không hòa tan chất nào?

Bước 4: Hoàn thiện nội dung trong phiếu học tập

2. Phiếu học tập số 2: Vận dụng tính chất của nước

Phiếu học tập số 2
Vận dụng tính chất của nước (5 phút)

HỌ VÀ TÊN:

Tính chất của nước	Hình ảnh vận dụng tính chất của nước
Thấm qua một số vật	
Chảy từ cao xuống thấp	
Hòa tan một số chất	
Chảy lan ra khắp mọi phía	

Tiểu kết chương 2

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn của việc vận dụng 3 kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4 ở Tiểu học, chúng tôi đã đề xuất các nguyên tắc khi sử dụng các KTDH tích cực, quy trình khi vận dụng các KTDH như: kỹ thuật Khăn trải bàn, kỹ thuật KWLH, kỹ thuật dạy học theo Trạm kèm theo ví dụ minh họa.

Việc vận dụng các KTDH này không chỉ giúp HS nắm vững kiến thức một cách chủ động mà còn phát triển kỹ năng tư duy, giao tiếp và làm việc nhóm. Qua việc lựa chọn và thiết kế 8 kế hoạch bài dạy cùng với minh họa cụ thể của một kế hoạch bài dạy tiêu biểu, chúng ta đã thấy rõ sự hiệu quả của việc vận dụng các KTDH này trong việc nâng cao chất lượng dạy và học.

Chương 3

THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. MỤC ĐÍCH THỰC NGHIỆM

Kiểm chứng hiệu quả của việc vận dụng các KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4

3.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC NGHIỆM

3.2.1. Đối tượng

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm tại lớp 4A và 4C trường Tiểu học Ninh Giang – huyện Hoa Lư – tỉnh Ninh Bình.

Lớp thực nghiệm là HS lớp 4A: 36 HS

Lớp đối chứng là HS lớp 4C: 36 HS

3.2.2. Phạm vi

- Thời gian: Từ ngày 29/02 đến ngày 22/03/ 2024

- Địa điểm: Thực nghiệm được thực hiện tại trường Tiểu học Ninh Giang, đảm bảo môi trường học tập cũng như thực tế đối với học sinh.

3.3. NỘI DUNG THỰC NGHIỆM

3.3.1. Lựa chọn các bài thực nghiệm

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục và giảng dạy ở bậc Tiểu học và nội dung chương trình SGK Khoa học lớp 4, chúng tôi chọn các bài thực nghiệm theo tiến trình kế hoạch năm học được quy định trong CTGD phổ thông 2018 và thực nghiệm hai bài thuộc chủ đề Con người và sức khỏe lớp 4.

Bài 23: Vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể

Bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng

3.3.2. Công tác chuẩn bị

Hoạt động 1: Lên ý tưởng cho các hoạt động có vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật KWLH, kỹ thuật dạy học theo Trạm.

Hoạt động 2: Chuẩn bị các đồ dùng dạy học cần thiết: Khăn trải bàn, phiếu học tập,...

Hoạt động 3: Xây dựng kế hoạch bài dạy và cách thức thực hiện các hoạt động, quy trình lên lớp.

3.4. TIẾN HÀNH THỰC NGHIỆM

Chúng tôi tiến hành 2 tiết dạy thực nghiệm tại lớp 4A: Dạy học theo các hoạt động đã thiết kế trong bài 23: “Vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể” và bài 25 “Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng”

Tại lớp đối chứng (4C): Chúng tôi tiến hành dạy học khi không sử dụng các KTDH tích cực.

3.5. KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

Sau quá trình tiến hành thực nghiệm các tiết dạy, tôi đã tiến đánh giá trên các nội dung:

Thứ nhất: Đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu cần đạt ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.

Thứ 2: Đánh giá mức độ hứng thú học tập của học sinh lớp thực nghiệm

Thứ 3: Đánh giá tính tích cực nhận thức của học sinh lớp thực nghiệm

3.5.1. Đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu cần đạt ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

Để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về năng lực đặc thù, chúng tôi sử dụng để kiểm tra 20 phút sau khi HS học xong bài 23: Vai trò của một số chất dinh dưỡng đối với cơ thể và bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng (Mục 1, Phụ lục 2).

Đánh giá năng lực chung và phẩm chất thông qua phiếu đánh giá năng lực và phẩm chất (Mục 2, Phụ lục 2).

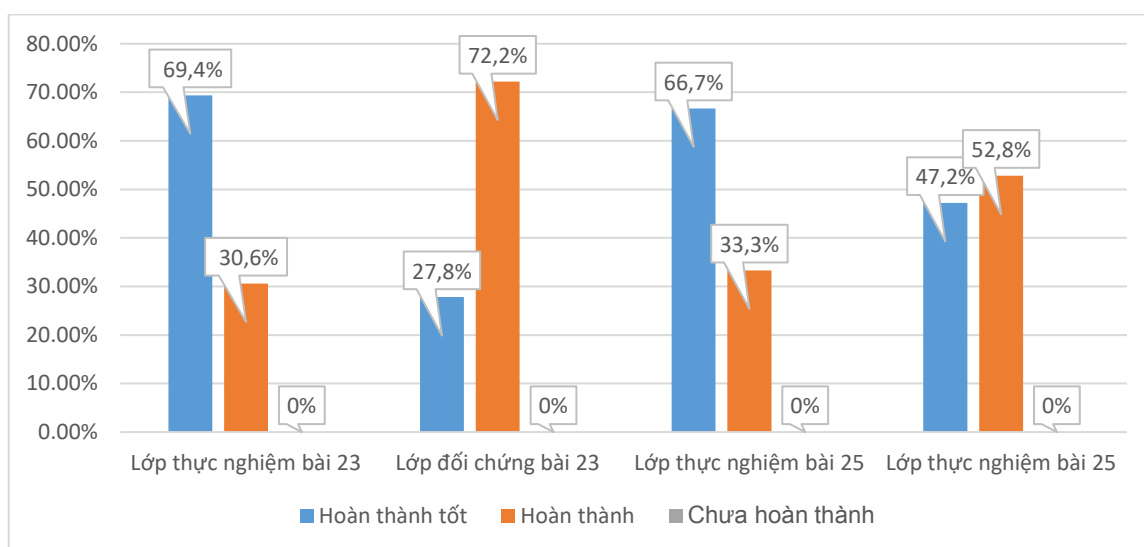
Kết quả đánh giá năng lực đặc thù, năng lực chung và phẩm chất thông qua 02 bài dạy thực nghiệm như sau:

3.5.1.1. Năng lực đặc thù

Bảng 3.1. Kết quả kiểm tra năng lực đặc thù của học sinh ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

Tên bài	Lớp	Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)	
		SL	%	SL	%	SL	%
Bài 23: Vai trò các nhóm chất	Thực nghiệm	25	69,4%	11	30,6%	0	0%

dinh dưỡng đối với cơ thể	Đối chứng	10	27,8%	26	72,2%	0	0%
Bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng	Thực nghiệm	24	66,7%	12	33,3%	0	0%
	Đối chứng	17	47,2%	19	52,8%	0	0%



Biểu đồ 3.1. Kết quả kiểm tra năng lực đặc thù của học sinh ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

Từ kết quả ở bảng và biểu đồ 3.1 trên ta có thể thấy:

- Khi dạy “Bài 23: Vai trò của một số chất dinh dưỡng đối với cơ thể”
- + Tại lớp thực nghiệm với việc vận dụng kĩ thuật KWLH, kĩ thuật Khăn trải bàn kết hợp với các PPDH giảng dạy phù hợp, đa số các em đã nắm được nội dung kiến thức của bài. Thông qua bài kiểm tra có tới 69,4% HS hoàn thành tốt; 30,6% hoàn thành.
- + Khi chúng tôi tiến hành dạy tại lớp đối chứng và không vận dụng các KTDH tích cực, các em khó nắm được các nhóm chất dinh dưỡng cũng như vai trò của các nhóm chất đối với cơ thể, kết quả của bài kiểm tra cho thấy có 27,8% HS hoàn thành tốt; 72,2% HS hoàn thành.
- Khi dạy “ Bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng”

+ Tại lớp thực nghiệm với việc vận dụng KTDH theo Trạng kết hợp với các PPDH khác, HS đã nắm được kiến thức cơ bản của bài. Thông qua bài kiểm tra có tới 66,7% HS hoàn thành tốt; 33,3% HS hoàn thành.

+ Tại lớp đối chứng khi tiến hành dạy và không vận dụng các KTDH tích cực, HS khó tiếp thu bài hơn, không nắm được nguyên nhân, cách phòng tránh bệnh và thông qua bài kiểm tra có 47,2% HS hoàn thành tốt; 52,8% HS hoàn thành.

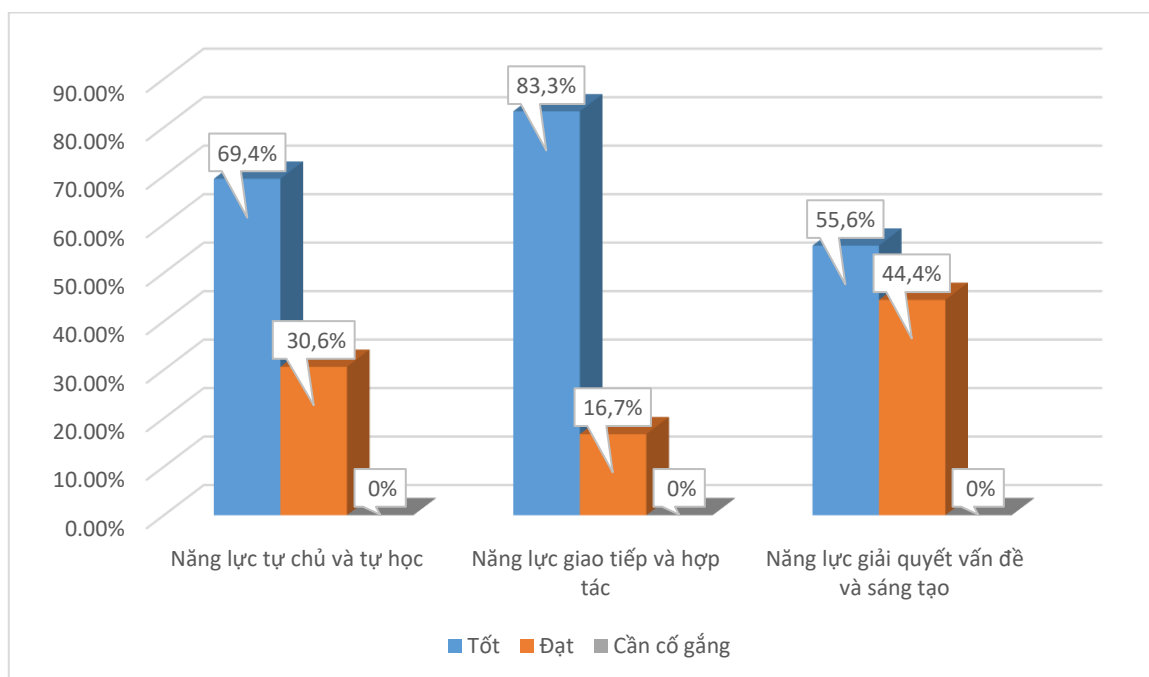
Như vậy, có thể thấy được việc vận dụng các KTDH tích cực trong dạy học môn Khoa học là cần thiết.

3.5.1.2. Năng lực chung

“Bài 23: Vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể” và “Bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng” góp phần hình thành và phát triển cho HS năng lực giao tiếp hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Sau khi thực nghiệm các kế hoạch bài dạy tại lớp đối chứng và lớp thực nghiệm, chúng tôi tiến hành đánh giá HS thông qua phiếu kiểm tra năng lực. Kết quả của bài kiểm tra năng lực ở lớp thực nghiệm được thể hiện như sau:

Bảng 3.2. Kết quả kiểm tra năng lực chung của HS ở lớp thực nghiệm

Năng lực chung	Kết quả đạt được					
	Tốt (T)		Đạt (Đ)		Cần cố gắng (C)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực tự chủ, tự học	25	69,4%	11	30,6%	0	0%
Năng lực giao tiếp, hợp tác	30	83,3%	6	16,7%	0	0%
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	20	55,6%	16	44,4%	0	0%



Biểu đồ 3.2. Kết quả kiểm tra năng lực chung của HS ở lớp thực nghiệm

+ Năng lực tự chủ và tự học với biểu hiện HS tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập, có tới 69,4% HS ở mức tốt và 30,6% HS ở mức đạt.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác với biểu hiện HS thảo luận và chia sẻ ý kiến với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ, có tới 83,3% HS ở mức tốt và 16,7% HS ở mức đạt.

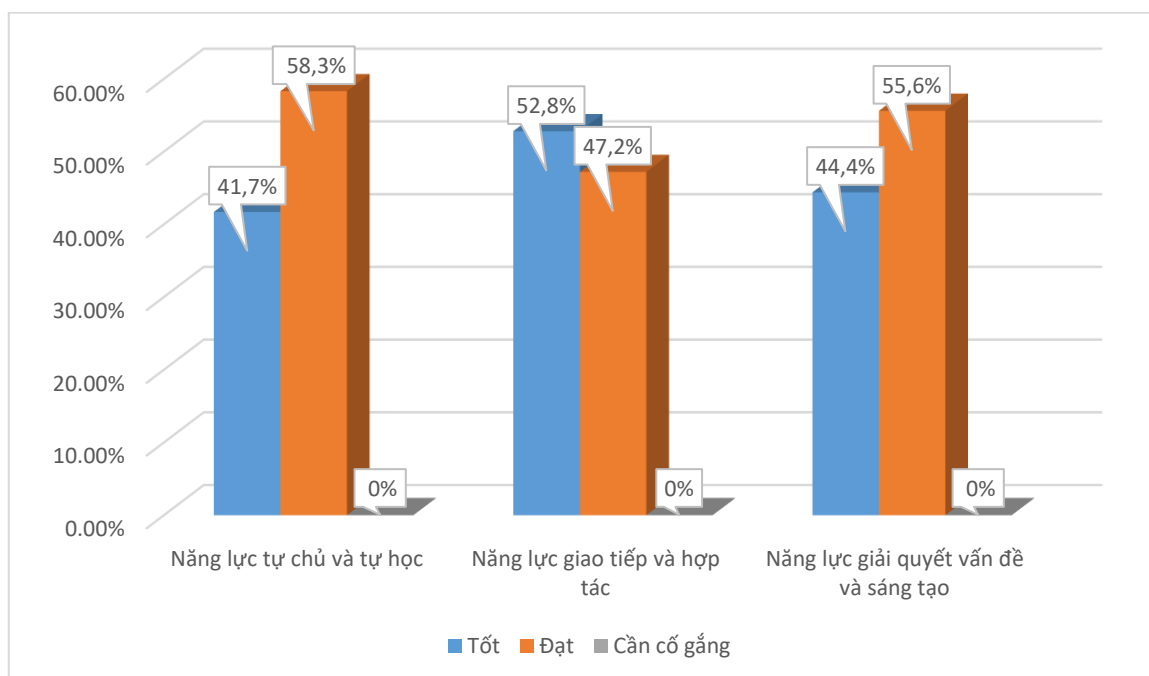
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo với biểu hiện HS luôn chủ động phối hợp với bạn đưa ra ý kiến đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có tới 55,6% HS đạt mức tốt và 44,4% HS ở mức đạt.

Tại lớp đối chứng, kết quả của bài kiểm tra được thể hiện như sau:

Bảng 3.3. Kết quả kiểm tra năng lực chung của HS ở lớp đối chứng

Năng lực chung	Kết quả đạt được					
	Tốt (T)		Đạt (Đ)		Cần cố gắng (C)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực tự chủ, tự học	15	41,7%	21	58,3%	0	0%

Năng lực giao tiếp, hợp tác	19	52,8%	17	47,2%	0	0%
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	16	44,4%	20	55,6%	0	0%



Biểu đồ 3.3. Kết quả kiểm tra năng lực chung của HS ở lớp đối chứng

+ Năng lực tự chủ và tự học với biểu hiện HS tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập, có tới 41,7% HS ở mức tốt và 58,3% HS ở mức đạt.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác với biểu hiện HS thảo luận và chia sẻ ý kiến với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ, có tới 52,8% HS ở mức tốt và 47,2% HS ở mức đạt.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo với biểu hiện HS luôn chủ động phối hợp với bạn đưa ra ý kiến đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có tới 44,4% HS đạt mức tốt và 55,6% HS ở mức đạt.

Có thể thấy rõ sự khác biệt trong quá trình hình thành và phát triển các năng lực thông qua bài học ở hai lớp. Tỷ lệ HS đạt mức tốt ở các năng lực cao hơn nhiều so với lớp đối chứng. Tuy nhiên tỷ lệ HS ở mức đạt tại lớp đối chứng cũng khá cao, cho thấy một phần lớn HS vẫn có hiểu biết và kỹ năng về bài học nhưng cần hỗ trợ để đạt được mức độ cao hơn.

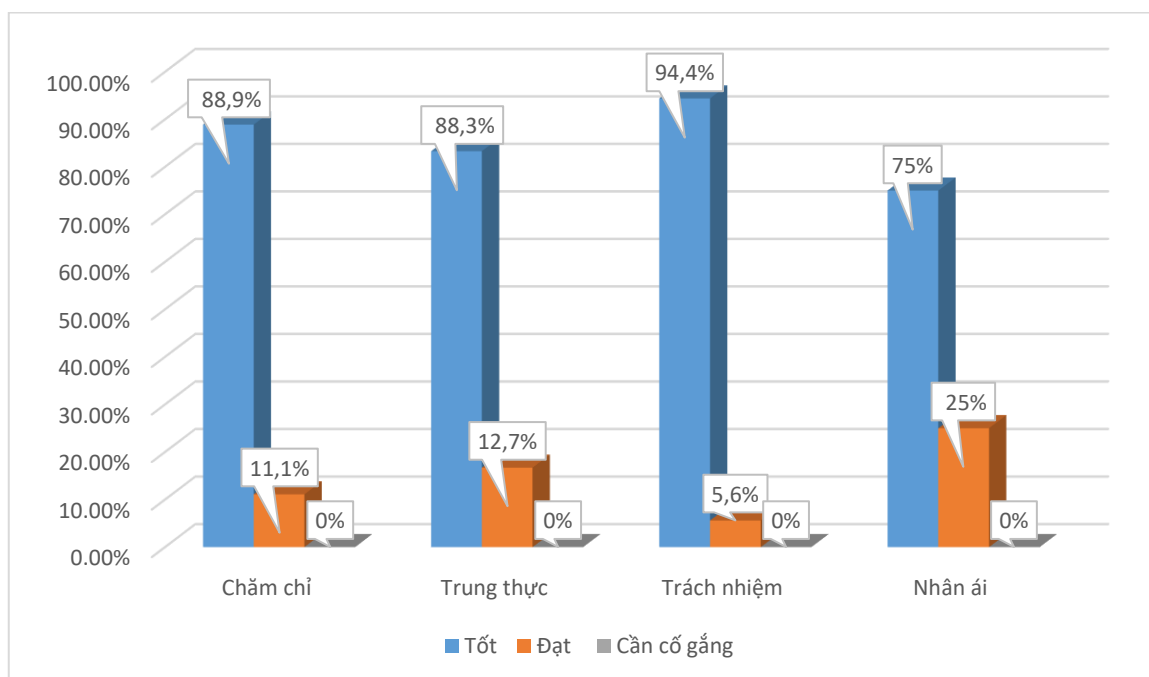
Như vậy, có thể khẳng định việc vận dụng các KTDH tích cực trong dạy học góp phần hình thành và phát triển cho HS các năng lực. Điều đó thể hiện ở việc số lượng HS đạt mức tốt cao hơn nhiều so với số HS ở lớp đối chứng.

3.5.1.3. Phẩm chất

“Bài 23: Vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể” và “Bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng” góp phần hình thành và phát triển cho HS phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Sau khi thực nghiệm các kế hoạch bài dạy tại lớp đối chứng và lớp thực nghiệm, chúng tôi tiến hành đánh giá HS thông qua phiếu kiểm tra năng lực. Kết quả của bài kiểm tra năng lực ở lớp thực nghiệm được thể hiện như sau:

Bảng 3.4. Kết quả kiểm tra phẩm chất của HS tại lớp thực nghiệm

Phẩm chất	Kết quả đạt được					
	Tốt (T)		Đạt (Đ)		Cần cố gắng (C)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Chăm chỉ	32	88,9%	4	11,1%	0	0%
Trung thực	31	88,3%	5	12,7%	0	0%
Trách nhiệm	34	94,4%	2	5,6%	0	0%
Nhân ái	27	75%	9	25%	0	0%



Biểu đồ 3.4. Kết quả kiểm tra phẩm chất của HS tại lớp thực nghiệm

+ Phẩm chất chăm chỉ với biểu hiện HS tích cực tham gia các nhiệm vụ học tập. Có tới 88,9% HS ở mức tốt và có 11,1% HS ở mức đạt.

+ Phẩm chất trung thực với biểu hiện HS trung thực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thảo luận. Có tới 88,3% HS đạt mức tốt và có 12,7% HS ở mức đạt.

+ Phẩm chất trách nhiệm với biểu hiện HS nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Có tới 94,4% HS ở mức tốt và 5,6% HS ở mức đạt.

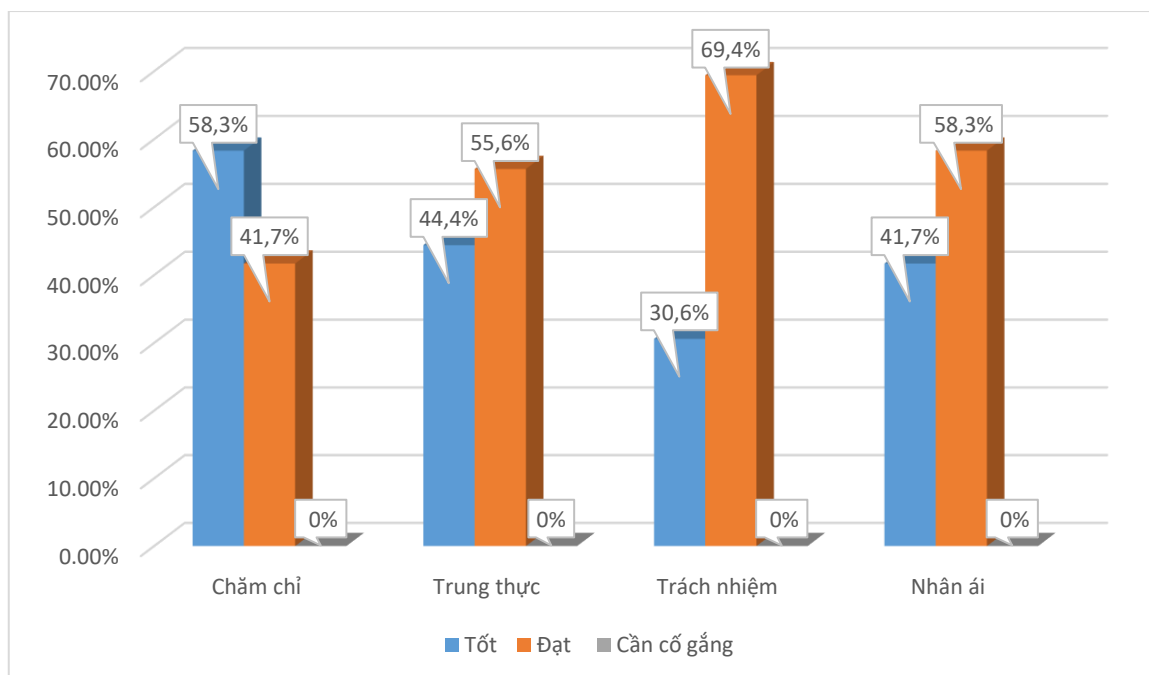
+ Phẩm chất nhân ái với biểu hiện HS xây dựng được mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm có tới 75% HS đạt mức tốt và có 25% HS ở mức đạt.

Tại lớp đối chứng, kết quả của bài kiểm tra được thể hiện như sau:

Bảng 3.5. Kết quả kiểm tra phẩm chất của HS tại lớp đối chứng

Phẩm chất	Kết quả đạt được					
	Tốt (T)		Đạt (Đ)		Cần cố gắng (C)	
	SL	%	SL	%	SL	%

Chăm chỉ	21	58,3%	15	41,7%	0	0%
Trung thực	16	44,4%	20	55,6%	0	0%
Trách nhiệm	11	30,6%	25	69,4%	0	0%
Nhân ái	15	41,7%	21	58,3%	0	0%



Biểu đồ 3.5. Kết quả kiểm tra phẩm chất của HS tại lớp đối chứng

+ Phẩm chất chăm chỉ với biểu hiện HS tích cực tham gia các nhiệm vụ học tập. Có tới 58,3% HS ở mức tốt và có 41,7% HS ở mức đạt.

+ Phẩm chất trung thực với biểu hiện HS trung thực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thảo luận. Có tới 44,4% HS đạt mức tốt và có 55,6% HS ở mức đạt.

+ Phẩm chất trách nhiệm với biểu hiện HS nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Có tới 30,6% HS ở mức tốt và 69,4% HS ở mức đạt.

+ Phẩm chất nhân ái với biểu hiện HS xây dựng được mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm có tới 41,7% HS đạt mức tốt và có 58,3% HS ở mức đạt.

Qua đây, có thể thấy sự khác biệt giữa hai lớp. Lớp thực nghiệm tỉ lệ HS đạt mức tốt cao hơn so với các mức còn lại cho thấy việc hình thành và phát

triển phẩm chất cho HS rất thành công. Trong khi đó lớp đối chứng tỉ lệ HS ở mức tốt thấp hơn so với lớp thực nghiệm. Sự chênh lệch này có thể cho chúng ta thấy hiệu quả của việc giảng dạy và học tập tại lớp thực nghiệm khi vận dụng các KTDH tích cực. Vì vậy, có thể nói KTDH tích cực góp phần hình thành và phát triển cho HS các phẩm chất.

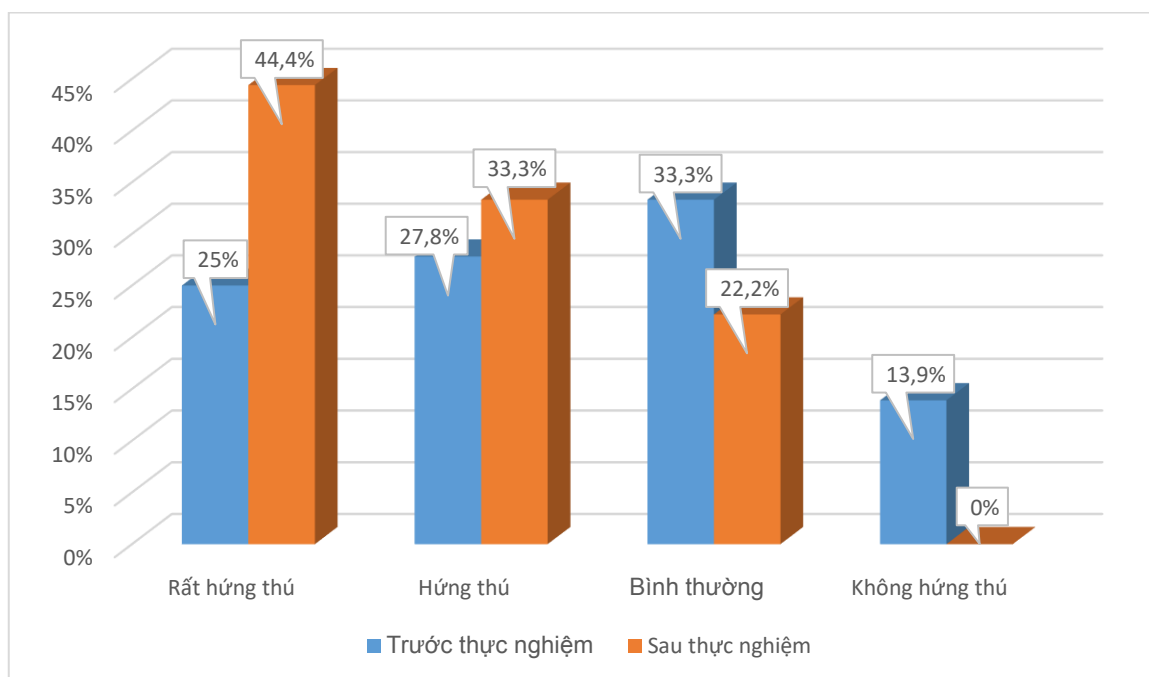
3.5.2. Đánh giá mức độ hứng thú học tập của học sinh

Để đánh giá mức độ hứng thú học tập của HS với môn Khoa học lớp 4 trước và sau khi thực nghiệm.

Thứ nhất: Chúng tôi, hỏi trực tiếp HS trước khi vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực và sau một thời gian thực tập vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức dạy học cho HS. Với câu hỏi “Mức độ hứng thú của em như thế nào khi học môn Khoa học lớp 4” với các phương án: Rất hứng thú, hứng thú, bình thường và không hứng thú. Kết quả thu được thể hiện như sau:

Bảng 3.6. Kết quả đánh giá mức độ hứng thú học tập của HS trước và sau khi thực nghiệm

Đánh giá	Tỉ lệ			
	Trước thực nghiệm		Sau thực nghiệm	
	SL	%	SL	%
Rất hứng thú	9	25%	16	44,4%
Hứng thú	10	27,8%	12	33,3%
Bình thường	12	33,3%	8	22,2%
Không hứng thú	5	13,9%	0	0%



Biểu đồ 3.6. Kết quả đánh giá mức độ hứng thú học tập của HS trước và sau khi thực nghiệm

Kết quả trên cho thấy số HS rất hứng thú với môn Khoa học đã tăng lên 19,4%, hứng thú tăng lên 5,5% và số HS không hứng thú với học phần đã giảm 13,9%.

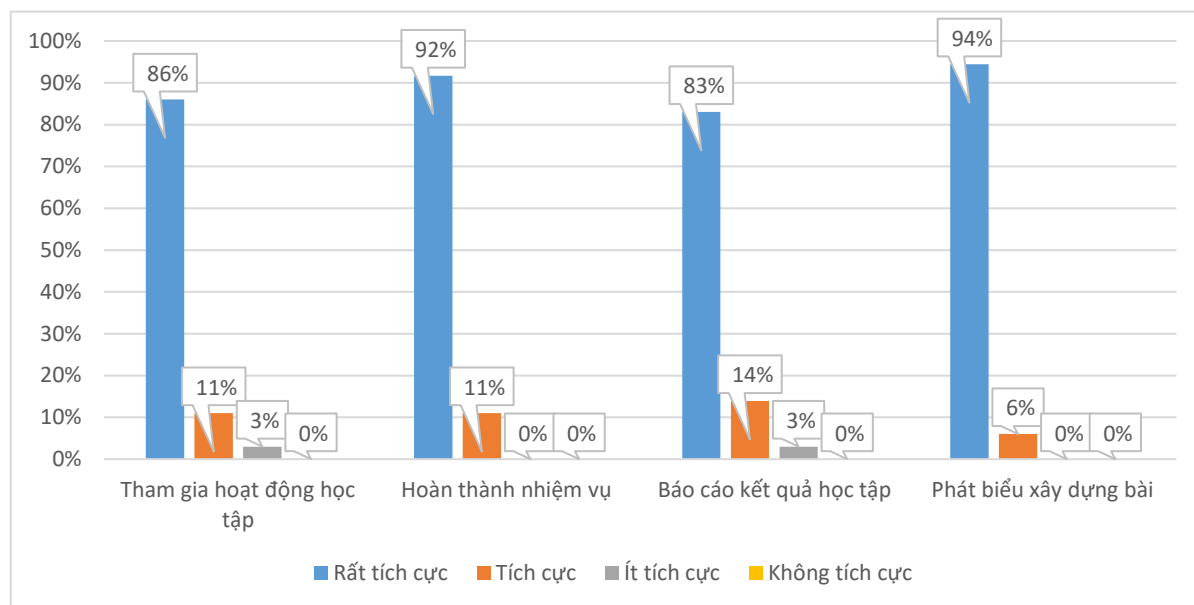
Thứ hai: Để nhận biết hứng thú học tập học tập của HS với môn Khoa học lớp 4, chúng tôi căn cứ vào các nhóm dấu hiệu: thái độ, hành vi, hoạt động của HS trong quá trình học tập trên lớp, ngoài giờ lên lớp. Chúng tôi đã quan sát, phỏng vấn trực tiếp HS, cụ thể:

Về thái độ học tập của HS với môn Khoa học lớp 4, khi được GV hỏi: “Em hãy nêu một vài cảm nhận/ suy nghĩ của em về giờ học Khoa học mà cô giáo sử dụng các KTDH tích cực như kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật dạy học theo trạm hay kĩ thuật KWLH?” Với câu hỏi này có tới 89% HS trả lời thích thú với giờ học, giờ học diễn ra vui vẻ. Đặc biệt, có tới 92% HS trả lời rất thích các giờ học mà cô giáo sử dụng các KTDH tích cực để tổ chức cho HS làm việc nhóm và mong muốn được học các giờ Khoa học.

Về hành vi và hoạt động học tập trên lớp. Chúng tôi tiến hành quan sát HS trong các giờ học. Kết quả có tới 91% HS chăm chú nhìn, tập trung nghe cô giáo giảng và thực hiện các yêu cầu khi cô giáo yêu cầu như thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập và báo cáo kết quả làm việc nhóm.

3.5.3. Đánh giá tính tích cực nhận thức của học sinh

Để đánh giá tính tích cực học tập của HS, chúng tôi căn cứ vào các biểu hiện của tính tích cực để đưa ra các tiêu chí và tiến hành đánh giá tính tích cực của HS dựa trên cơ sở quan sát và ghi chép qua các buổi học. Kết quả đánh giá được thể hiện ở biểu đồ 3.7 như sau:



Biểu đồ 3.7. Đánh giá tính tích cực nhận học tập của HS

Kết quả nghiên cứu ở biểu đồ 3.7 cho thấy, có 86% HS rất tích cực tham gia các hoạt động học tập mà GV tổ chức, có 92% HS rất tích cực hoàn thành nhiệm vụ GV giao, có 83% HS rất tích cực khi báo cáo kết quả làm việc của cá nhân/nhóm và 94% HS rất tích cực phát biểu xây dựng bài. Nhìn chung, tỉ lệ HS rất tích cực được đánh giá ở các tiêu chí chiếm gần 90%, mức độ tích cực được ở các tiêu chí chiếm từ 6% đến 14%. Mức độ ít tích cực ở các tiêu chí chiếm từ 0% đến 3% và mức độ không tích cực chiếm 0%. Tóm lại, tính tích cực trong học tập của HS thể hiện chủ yếu thông qua hành vi học tập của HS từ việc lắng nghe GV giảng bài, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của bài học, đến việc suy nghĩ, hoàn thành các nhiệm vụ bài học, phát biểu thảo luận với bạn bè, thầy cô nội dung học tập một cách tự tin.

Như vậy, sau một thời gian sử dụng các KTDH tích cực, đặc biệt là kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật KWLH và kĩ thuật dạy học theo trạm vào tổ chức dạy học môn Khoa học lớp 4, kết quả thực nghiệm cho thấy phần lớn các em HS hứng thú, tích cực tiếp thu kiến thức hơn trong học tập.

3.6. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN

Qua quan sát và kiểm tra thực tế, tôi nhận thấy các tiết học có vận dụng các KTDH tích cực, HS học tập tích cực, hứng thú và sôi nổi, các em vận dụng vốn hiểu biết, sự sáng tạo của mình để tham gia vào các hoạt động của tiết học nhằm chiếm lĩnh được kiến thức từ đó phát triển các năng lực, phẩm chất. Điều này cho thấy việc vận dụng các KTDH tích cực trong dạy học đã góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học môn Khoa học lớp 4 nói riêng và các môn học ở Tiểu học nói chung. Như vậy, đề tài nghiên cứu của chúng tôi có thể khẳng định tính đúng đắn và thực tế.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở quy trình và một số giáo án được thiết kế có sử dụng một số KTDH tích cực, chúng tôi tiến hành thực nghiệm 2 giáo án theo chương trình kế hoạch năm học. Kết quả thu được khả quan, đáp ứng được mục tiêu của bài dạy và chương trình, đồng thời phát huy được khả năng nhận thức cũng như phát triển được năng lực, phẩm chất cho HS.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong quá trình nghiên cứu đề tài “Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4”, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và phân tích một cách cẩn thận các cơ sở lý luận liên quan đến việc áp dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4. Kết quả của nghiên cứu đã đạt được những điểm quan trọng sau:

Thứ nhất, chúng tôi đã đi sâu vào một số vấn đề lý luận quan trọng liên quan đến việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 4. Thông qua việc nghiên cứu kỹ lưỡng các vấn đề lý luận, chúng tôi đã có thể hiểu rõ hơn về các đặc điểm của học sinh, từ đó giúp giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học một cách hiệu quả hơn và áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực một cách linh hoạt và hợp lý trong tiết dạy.

Thứ hai, qua khảo sát chúng tôi đã hiểu được tình hình thực tế của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực. Hiện nay, giáo viên Tiểu học đã nhận thức được tầm quan trọng của việc vận dụng các kỹ thuật này vào quá trình giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên ít sử dụng hoặc chưa sử dụng các kỹ thuật này do ngại khó khăn trong việc chuẩn bị tài liệu và đồ dùng dạy học. Việc này đòi hỏi sự đầu tư thời gian và kỹ năng trong việc tổ chức các hoạt động học tập, nhưng nếu được triển khai đúng cách sẽ giúp HS tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả và phát triển năng lực, phẩm chất cho HS.

Thứ ba, chúng tôi đã đề xuất quy trình sử dụng 3 kỹ thuật dạy học: kỹ thuật Khăn trải bàn, kỹ thuật KWLH, kỹ thuật dạy học theo Trạm kèm theo ví dụ minh họa cụ thể. Vận dụng quy trình đó vào xây dựng kế hoạch bài học cho 8 bài thuộc 2 chủ đề trong sách giáo khoa Khoa học lớp 4, bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống.

Thứ tư, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm để đánh giá hiệu quả của việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực. Kết quả thực nghiệm đã cho thấy rằng việc sử dụng các kỹ thuật tích cực giúp phát triển khả năng nhận thức của học sinh và góp phần hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho HS Tiểu học. Điều này chứng tỏ rằng cách tiếp cận và xây dựng kế hoạch bài học mà chúng tôi đề xuất là hợp lý.

2. Kiến nghị

Dựa trên những kết quả thu được từ quá trình nghiên cứu, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị cụ thể như sau:

- Tiếp tục sử dụng 3 kỹ thuật dạy học đã nghiên cứu vào để xây dựng kế hoạch bài học và tổ chức các hoạt động học tập ở các chủ đề khác của môn Khoa học lớp 4.

- Sử dụng phối hợp và linh hoạt 3 kỹ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động dạy và học.

- Mở rộng nghiên cứu các kỹ thuật và phương pháp dạy học tích cực khác để có thể vận dụng vào xây dựng kế hoạch bài học và tổ chức hoạt động dạy và học môn Khoa học lớp 4 và các môn học khác.

Những kết luận và kiến nghị trên là kết quả của quá trình điều tra và thực nghiệm của chúng tôi, nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục và học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình GDPT tổng thể*.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình GDPT môn Khoa học*, Ban hành kèm theo thông tư Số 32/2028/TT – BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.
- [4]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
- [5]. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 404/QĐ-TTg định phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
- [6]. Nguyễn Lăng Bình, Đỗ Thị Hương Trà (2021), *Dạy và học tích cực. Một số kỹ thuật và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Sư Phạm Hà Nội.
- [7]. Dự án Việt – Bỉ, *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm (2010).
- [8]. Nguyễn Kế Hào (2018), *Một số vấn đề về tâm lý học dạy học ở Tiểu học (MODULE TH 1)*
- [9]. Bùi Văn Huệ, Phan Thị Hạnh Mai, Nguyễn Xuân Thúc (2021), *Giáo trình Tâm lý học Tiểu học*, Nxb Đại học sư phạm.
- [10]. Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm chủ biên) (2023), *Sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên môn Khoa học lớp 4 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb giáo dục Việt Nam.
- [11]. Nguyễn Thu Hương (2017), *Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Khoa học lớp 5 ở Tiểu học*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- [12]. Nguyễn Tuyết Nga, Phan Thanh Hà, Nguyễn Ngọc Yến (2020), *Tài liệu bồi dưỡng Sử dụng phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh Tiểu học – Môn TNXH (Mô – đun 2.4)*, Nxb Đại học sư phạm.
- [13]. Nguyễn Thanh Nga (2022), *Vận dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực ở trường tiểu học*, Nxb Đại học sư phạm Hồ Chí Minh.

- [14]. Nguyễn Thị Bích Ngà (2014), *Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 ở Tiểu học*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- [15]. Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên) (2009), *Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [16]. Lưu Thu Thủy (2018), *Bồi dưỡng thường xuyên MODULE TH 16 – Một số kỹ thuật dạy học tích cực ở Tiểu học*.
- [17]. Mai Sỹ Tuấn (Chủ biên) (2018), *Hướng dẫn dạy học môn Khoa học theo Chương trình GDPT mới*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [18]. <https://truonghoc247.vn/day-hoc-theo-tram/>, Ngày truy cập 21/12/2023.

PHỤ LỤC 1
PHIẾU ĐIỀU TRA
(Dành cho Giáo viên)

Kính gửi các Quý thầy (cô)!

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Khoa học lớp 4. Kính mong Quý Thầy (cô) vui lòng dành ít thời gian để cung cấp các thông tin dưới đây.

I. Thông tin chung

- Họ và tên:
- Năm sinh:
- Giáo viên trường:
- Huyện/Thành phố:
- Số năm công tác:.....

II. Nội dung phỏng vấn

Đánh dấu X vào phương án thầy cô lựa chọn

Câu 1: Quý thầy (cô) đã từng sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học chưa?

- ☐ Chưa sử dụng
- ☐ Đã sử dụng

Câu 2: Theo Quý thầy (cô), kỹ thuật dạy học tích cực (KTDH) là gì?

☐ KTDH tích cực là những động tác, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học.

☐ KTDH tích cực là biện pháp, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học.

☐ KTDH là những kỹ thuật dạy học có ý nghĩa đặc biệt trong việc phát huy sự tham gia tích cực của HS vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, sự sáng tạo và sự cộng tác làm việc của HS.

☐ KTDH tích cực là những hoạt động của giáo viên và học sinh trong quá trình học.

Câu 3: Quý thầy (cô) cho biết mức độ vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình dạy học môn khoa học lớp 4.

STT	Các kỹ thuật dạy học	Mức độ vận dụng			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ
1	Kỹ thuật Khăn trải bàn				
2	Dạy học theo Trạm				
3	Kỹ thuật mảnh ghép				
4	Kỹ thuật sơ đồ tư duy				
5	Kỹ thuật KWLH				
6	Kỹ thuật trò chơi				
7	Kỹ thuật tia chớp				
8	Kỹ thuật XYZ hoặc 365				
9	Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi (think, pair, share)				
10	Khác.....				

Câu 4: Trong dạy học môn Khoa học, Thầy (cô) cho biết mức độ sử dụng các KTDH tích cực?

☐ Thường xuyên

☐ Thỉnh thoảng

☐ Hiếm khi

☐ Không bao giờ

Câu 5: Theo Quý thầy (cô): Trong dạy học môn Khoa học lớp 4 có cần thiết phải vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực không?

☐ Rất cần thiết

☐ Cần thiết

☐ Bình thường

☐ Không cần thiết

Câu 6: Thầy (cô) cho biết: Thái độ của học sinh khi được học bài Khoa học có vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực?

☐ Rất sôi nổi, hứng thú

☐ Bình thường

☐ Thờ ơ, không quan tâm

Câu 7: Khi sử dụng một trong số các kỹ thuật dạy học tích cực (kỹ thuật trạm, khăn trải bàn, KWLH...) vào trong quá trình dạy học. Thầy (cô) thường gặp phải những khó khăn nào?

a. Không có thời gian để thiết kế hoạt động

b. Không đủ thời gian để tổ chức trên lớp

- c. Chưa biết rõ quy trình sử dụng của các kĩ thuật dạy học đó
- d. Thiếu về phương tiện dạy học
- e. Ý kiến khác:

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN.

PHỤ LỤC 2
ĐỀ KIỂM TRA

1. Năng lực đặc thù

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 1

(Thời gian: 20 phút)

Họ và tên:

Lớp:

Bài 23: Vai trò các chất dinh dưỡng đối với cơ thể

A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Em hãy khoanh vào lựa chọn đúng nhất cho mỗi câu hỏi dưới đây

Câu 1: Các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn gồm?

- A. Chất bột đường, chất đạm, chất béo, vi-ta-min, chất xơ, nước và chất khoáng
- B. Chất bột đường, chất đạm, chất béo, vi-ta-min, nước và chất khoáng
- C. Chất bột đường, chất đạm, chất béo, vi-ta-min và chất khoáng
- D. Chất bột đường, chất đạm, vi-ta-min và chất khoáng

Câu 2: Năng lượng do thực phẩm cung cấp được tính bằng

- A. Ca-lo
- B. Ki-lo-gam
- C. Mét
- D. Lít

Câu 3: Vi-ta-min, chất khoáng có vai trò

- A. Giúp cơ thể phát triển và lớn lên
- B. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống
- C. Tăng cường sức đề kháng, giúp cơ thể chống lại bệnh tật và giúp tiêu hóa tốt
- D. Dự trữ năng lượng, giúp cơ thể hấp thụ các vi-ta-min A, D, E, K

Câu 4: Trong các thức ăn dưới đây, nhóm chất nào chứa nhiều chất béo ?

- A. Cá, trứng, ức gà, thịt bò nạc.
- B. Cơm, bánh mì, bún, phở.
- C. Bơ, phô mai, sô cô la đen, dầu oliu.
- D. Sữa, trái cây, rau xanh, các loại đậu.

Câu 5: Trong các thức ăn dưới đây, nhóm nào chứa nhiều chất bột đường

- A. Cá, trứng, ức gà, thịt bò nạc.
- B. Cơm, bánh mì, bún, phở.
- C. Bơ, phô mai, sô cô la đen, dầu oliu.
- D. Sữa, trái cây, rau xanh, các loại đậu.

Câu 6: Trong các thực phẩm sau đây, loại nào có hàm lượng ca-lo cao nhất?

- A. Thịt gà
- B. Thanh long
- C. Cơm
- D. Cá ngừ

Câu 7: Chất bột đường có vai trò

- A. Giúp cơ thể phát triển và lớn lên
- B. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống
- C. Tăng cường sức đề kháng, giúp cơ thể chống lại bệnh tật và giúp tiêu hóa tốt
- D. Dự trữ năng lượng, giúp cơ thể hấp thụ các vi-ta-min

Câu 8: Tại sao cần phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món?

- A. Vì ăn nhiều một món sẽ chán.
- B. Vì mỗi khoảng thời gian khác nhau, cơ thể cần cung cấp các chất dinh dưỡng khác nhau.
- C. Vì không có một thức ăn nào có thể cung cấp đầy đủ chất cần thiết cho hoạt động sống của cơ thể.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 9: Trong các thức ăn dưới đây, nhóm chất nào chứa nhiều chất đạm?

- A. Cá, trứng, ức gà, thịt bò nạc.
- B. Cơm, bánh mì, bún, phở.
- C. Bơ, phô mai, sô cô la đen, dầu oliu.
- D. Sữa, trái cây, rau xanh, các loại đậu.

Câu 10: Chất béo có vai trò

- A. Giúp cơ thể phát triển và lớn lên
- B. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống
- C. Tăng cường sức đề kháng, giúp cơ thể chống lại bệnh tật và giúp tiêu hóa tốt
- D. Dự trữ năng lượng, giúp cơ thể hấp thụ các vi-ta-min A, D, E, K

B. TỰ LUẬN (3 điểm)

Em hãy xây dựng một thực đơn gồm 5 món ăn để phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng?

.....

.....

.....

.....

Hướng dẫn chấm:

- Xếp vào Hoàn thành tốt (T) : Điểm từ 9 trở lên
- Xếp vào Hoàn thành (H): Điểm trên 5
- Xếp vào Chưa hoàn thành (C): Điểm dưới 5

A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng HS được 0.7 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	A	C	C	B	C	B	C	A	D

B. TỰ LUẬN (3 điểm)

HS xây dựng được một thực đơn để phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng, chẳng hạn: Thực đơn phòng tránh bệnh suy dinh dưỡng: Cơm, thịt gà, su su luộc, lạc, dưa.

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 2

(Thời gian 20 phút)

Họ và tên:.....

Lớp:.....

Bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đây là nguyên nhân dẫn đến bệnh suy dinh dưỡng thấp còi?

- A. Ăn uống thiếu cân bằng, lành mạnh, thiếu các thức ăn chứa sắt
- B. Bị các bệnh đường tiêu hóa dẫn đến khả năng hấp thụ các chất dinh dưỡng kém
- C. Ít vận động, tập thể dục thể thao
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 2: Bệnh về chất dinh dưỡng do đâu mà ra?

- A. Do ăn thiếu chất dinh dưỡng
- B. Do ăn thừa chất dinh dưỡng
- C. Do ăn đầy đủ chất dinh dưỡng
- D. A và B đúng

Câu 3: Cần làm gì để phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng?

- A. Ăn chín uống sôi
- B. Tẩy giun định kỳ
- C. Chế độ dinh dưỡng hợp lý
- D. A, B và C

Câu 4: Người bệnh thường xuyên mệt mỏi, da nhợt nhạt, xanh xao,... là dấu hiệu chính của bệnh

- A. Bệnh suy dinh dưỡng thấp còi.
- B. Bệnh thiếu máu thiếu sắt.
- C. Bệnh thừa cân béo phì.
- D. Bệnh về tim.

Câu 5: Nhóm thực phẩm nào sau đây chứa nhiều sắt?

- A. Thịt có màu đỏ, rau có màu xanh đậm, trứng
- B. Ngô, khoai, sắn, cơm
- C. Cà phê, trà, bia, rượu
- D. Sữa chua, phô mai, cá hồi

Câu 6: Cho hình vẽ sau



Bạn học trong hình có thể bị bệnh

A. Béo phì

B. Suy dinh dưỡng thấp còi

C. Thiếu máu thiếu sắt

D. Thiếu can-xi

Câu 7: Trẻ em có chiều cao, cân nặng thấp hơn so với chiều cao và cân nặng chuẩn của độ tuổi là dấu hiệu chính của bệnh

A. Bệnh suy dinh dưỡng thấp còi.

B. Bệnh thiếu máu thiếu sắt.

C. Bệnh thừa cân béo phì.

D. Bệnh về tim.

Câu 8: Nếu có chương trình can thiệp dinh dưỡng thì nên ưu tiên cho?

A. Trẻ em suy dinh dưỡng và còi cọc

B. Trẻ em bị suy dinh dưỡng nặng

C. Trẻ em béo phì, thừa cân

D. A và B

Câu 9: Nguyên nhân nào dưới đây gây nên bệnh suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em?

A. Chế độ ăn thiếu chất bột đường, chất đạm, chất béo, không đủ cung cấp cho hoạt động bình thường của cơ thể

B. Ăn quá nhiều trứng

C. Ăn các loại thịt đỏ như thịt bò, thịt lợn, thịt cừu,...

D. Cả A, B, C

Câu 10: Cơ thể người bệnh bị thừa cân béo phì có

A. Những lớp mỡ nhiều quá mức, tích tụ tại một số bộ phận như dưới cánh tay, bụng, eo, cằm,...

B. Cân nặng hơn 50 kg

C. Chiều cao hơn 1m7

D. Cả A, B, C

B. TỰ LUẬN

Em hãy nêu một số cách phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng?

.....

.....

.....

Hướng dẫn chấm:

- Xếp vào Hoàn thành tốt (T) : Điểm từ 9 trở lên

- Xếp vào Hoàn thành (H): Điểm trên 5

- Xếp vào Chưa hoàn thành (C): Điểm dưới 5

A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng HS được 0.7 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	D	B	A	A	A	D	A	A

B. TỰ LUẬN (3 điểm)

HS nêu được một số cách phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng, chẳng hạn:

- Thực hiện chế độ ăn uống cân bằng.
- Tập thể dục thường xuyên.

2. Năng lực, phẩm chất

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỐ 1

(Thời gian 10 phút)

Họ và tên:
Lớp:
Học sinh trường:

Em hãy đánh giá mức độ tham gia vào các hoạt động học tập của em bằng cách đánh dấu (x) vào ô phù hợp với mình nhất

Năng lực	Biểu hiện	Kết quả đạt được		
		Tốt (T)	Đạt (Đ)	Cần cố gắng (C)
Năng lực tự chủ, tự học	Em luôn chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập (đọc/thực hiện những yêu cầu trong SGK).			
Năng lực giao tiếp, hợp tác	Thảo luận và chia sẻ ý kiến với các thành viên trong nhóm để cùng nhau hoàn thành PHT			

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	Luôn chủ động, tích cực phối hợp với các bạn đưa ra ý kiến đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.			
--	--	--	--	--

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT SỐ 2

(Thời gian: 10 phút)

Họ và tên: Lớp: Học sinh trường:

Sau khi học xong các tiết học mà cô giáo sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực như: kĩ thuật Khăn trải bàn, kĩ thuật KWLH và kĩ thuật Trăm. Em hãy đánh dấu (x) vào các ô tương ứng với độ tham gia của em trong quá trình học tập.

Phẩm chất	Biểu hiện	Kết quả đạt được		
		Tốt (T)	Đạt (Đ)	Cần cố gắng (C)
Chăm chỉ	Em tích cực, chủ động tham gia các nhiệm vụ của bài học.			
Trung thực	Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân/thảo luận nhóm hay nhận xét sản phẩm học tập của bạn.			
Trách nhiệm	Nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.			
Nhân ái	Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.			

PHỤ LỤC 3
KẾ HOẠCH BÀI DẠY
CHỦ ĐỀ 1: CHẤT

Bài 3: SỰ Ô NHIỄM VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC. MỘT SỐ CÁCH
LÀM SẠCH NƯỚC (2 Tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường, liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương.
- Nêu được sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước (nêu được tác hại của nước không sạch) và phải sử dụng tiết kiệm nước.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ trong thực hiện các hoạt động của bài học để hiểu được nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. CHUẨN BỊ

- SGK, SGV, máy tính máy chiếu, kế hoạch bài dạy.
- Phiếu học tập (*phụ lục*)
- Dụng cụ thí nghiệm: chai, nước cần làm sạch, nước khử trùng
- Tranh ảnh phóng to các hình trong SGK.
- Sơ đồ di chuyển theo góc, khăn trải bàn (*phụ lục*)

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 Phút)	

- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Tiếp sức đồng đội”. Cách chơi: Chia lớp thành 4 đội chơi, các đội chơi sẽ có 2 phút để ghi ra các nguồn nước mà các em biết. Sau đó các đội chơi sẽ tham gia trò chơi tiếp sức đồng đội trong thời gian 1 bài hát. Hết thời gian đội nào ghi được nhiều nguồn nước là đội dành chiến thắng. - GV đặt câu hỏi: Trong số các nguồn nước ghi trên bảng, theo các em đâu là nguồn nước sạch, đâu là nguồn nước bị ô nhiễm? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới: Có nhiều nguồn nước khác nhau như nước sông, nước suối, nước máy,... trong đó nước máy là nước sạch, nước sông, nước suối thường bị ô nhiễm. Để giúp các em biết được nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và một số cách làm sạch nước. Cô và các em cùng tìm hiểu qua bài học “Sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước. Một số cách bảo vệ nguồn nước”	- HS tham gia trò chơi - HS trả lời câu hỏi: nước máy là nước sạch, nước sông, nước suối thường bị ô nhiễm. - HS lắng nghe
2. Hoạt động Hoạt động 1: Nguyên nhân gây ô nhiễm nước (15 phút) Mục tiêu: HS nêu được nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước, liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương.	

Phương pháp, kỹ thuật: Khăn trải bàn

Cách tiến hành:

- GV: Chia lớp thành 8-10 nhóm, mỗi nhóm có 04 học sinh. Phát cho mỗi nhóm 01 khăn trải bàn.

- GV: Yêu cầu HS quan sát hình 1 trang 11 SGK làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi vào vị trí góc khăn của mình, thời gian 5 phút. Hết thời gian, cả nhóm thống nhất ý kiến trả lời câu hỏi vào vị trí giữa khăn, thời gian 5 phút.

- GV: Gọi ngẫu nhiên các nhóm mang khăn trải bàn treo lên bảng và báo cáo kết quả thảo luận nhóm, các nhóm còn lại sẽ được đánh giá chéo.

- GV đánh giá sản phẩm của từng nhóm về nội dung, hình thức và các ý tưởng đặc biệt (nếu có) và chốt kiến thức:

- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước:

+ Do hoạt động của tự nhiên: phân hủy xác sinh vật, bão lũ,...

+ Do con người: Hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt,.... các chất thải chưa qua xử lý xả vào môi trường nước,...

- HS nhận phiếu

- HS lắng nghe

- HS báo cáo

- HS lắng nghe

Hoạt động 2: Bảo vệ nguồn nước (20 phút)

Mục tiêu: HS nêu được những tác hại và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước.

Phương pháp, kỹ thuật: KWLH

Cách tiến hành:

- GV đặt vấn đề: Hiện nay việc bảo vệ nguồn nước đang là vấn đề của toàn cầu và chúng ta cần chung tay bảo vệ môi trường nước để có môi trường xanh-sạch-đẹp.

- GV phát cho HS phiếu học tập (*Phụ lục*)

- GV giới thiệu cách làm phiếu

+ Cột K: Em hãy ghi những điều em biết về tác hại của nguồn nước bị ô nhiễm và những việc làm bảo vệ nguồn nước.

+ Cột W: Em hãy ghi những điều em muốn biết về những tác hại và việc bảo vệ nguồn nước.

+ Cột L: Em học được gì qua bài học

+ Cột H: Em muốn biết thêm điều gì về việc bảo vệ nguồn nước và đề xuất cách tìm hiểu.

- GV cho HS làm việc trong thời gian 5 phút thực hiện ghi vào cột K và cột W.

- Hết 5 phút GV yêu cầu HS báo cáo và chốt các ý kiến ở cột K và cột W

K	W	L	H
(Những điều em biết)	(Những điều em muốn biết)	(Những điều em học được)	(Em muốn biết thêm điều gì và cách để tìm hiểu)

- HS lắng nghe

- HS nhận phiếu và lắng nghe GV hướng dẫn

- HS lắng nghe

- HS thực hiện ghi vào cột K và W

K	W	L	H
(Những điều em biết)	(Những điều em muốn biết)	(Những điều em học được)	(Em muốn biết thêm điều gì và cách

- Nguồn nước ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe của con người	- Tác hại của nguồn nước bị ô nhiễm?						để tìm hiểu)
- Để bảo vệ nguồn nước chúng ta cần: cùng mọi người vệ sinh quanh ao hồ,...	- Cần làm gì để bảo vệ nguồn nước?			- Nguồn nước ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe của con người	- Tác hại của nguồn nước bị ô nhiễm?		
				- Để bảo vệ nguồn nước chúng ta cần: cùng mọi người vệ sinh quanh ao hồ,...	- Cần làm gì để bảo vệ nguồn nước?		
- GV: Bây giờ cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài để giải đáp các thắc mắc của các em nhé! - GV cho HS quan sát video về những tác hại của nguồn nước bị ô nhiễm và tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 trong thời gian 3 phút ghi lại những tác hại của nguồn nước bị ô nhiễm. - GV tổ chức cho HS báo cáo và tổ chức nhận xét - GV kết luận: + Các bệnh con người có thể mắc do sử dụng nước bị ô nhiễm: đau mắt, đau bụng, ghẻ lở,...				- HS lắng nghe - HS quan sát video và ghi lại những tác hại của nguồn nước bị ô nhiễm: + Các bệnh con người có thể mắc do sử dụng nước bị ô nhiễm: đau mắt, đau bụng, ghẻ lở,.. + Nếu không bảo vệ nguồn nước thì con người sẽ dễ bị mắc các bệnh về tiêu hóa, ngoài da, bệnh về mắt,.. Vì vậy, cần bảo vệ nguồn nước. - HS lắng nghe			

+ Nếu không bảo vệ nguồn nước thì con người sẽ dễ bị mắc các bệnh về tiêu hóa, ngoài da, bệnh về mắt,..Vì vậy, cần bảo vệ nguồn nước. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 5 phút với nhiệm vụ: Quan sát hình 2 nói cho nhau nghe về việc làm để bảo vệ nguồn nước và nêu tác dụng của việc làm đó. - GV cho các nhóm trả lời câu hỏi và nhận xét chéo nhau. - GV: Chúng mình thấy nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây nguy hiểm cho chúng ta phải không nào, vậy chúng ta cần làm gì để bảo vệ nguồn nước. Cô sẽ dành cho chúng ta thời gian 2 phút, các em sẽ ghi những việc làm bảo vệ nguồn nước ra một tờ giấy. - Hết 2 phút, GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Truyền điện” Cách chơi: Mỗi HS sẽ nêu 1 việc làm giúp bảo vệ nguồn nước và sau đó truyền cho bạn kế tiếp, nếu câu trả lời của bạn trước không hợp lý thì bạn có thể nhận xét, lưu ý các ý kiến không được giống nhau. Bạn nào không đưa ra	- HS hoạt động theo yêu cầu. + Trong hình 2a: Mọi người đang dọn vệ sinh quanh bể nước và đổ rác đúng nơi quy định để vi sinh vật và chất bẩn bên ngoài không xâm nhập vào bể nước. + Trong hình 2b: Mọi người đang vớt rác trên ao / hồ để làm sạch nguồn nước. + Trong hình 2c: Bạn phát hiện đường ống nước bị rò rỉ và đang báo người lớn để xử lý kịp thời, tránh các sinh vật, chất bẩn bên ngoài xâm nhập vào đường ống nước. - HS lắng nghe và ghi ra giấy những việc làm bảo vệ nguồn nước - HS tham gia chơi
---	--

được câu trả lời thì phải hát cho cả lớp 1 bài hát. - GV nhận xét, tuyên dương cung cấp thêm một số thông tin: Hiện tượng phì dinh dưỡng, có thể dẫn đến thành đầm lầy. - GV dành thời gian 5 phút cho HS ghi lại những điều đã học vào cột L. - GV: Qua tìm hiểu nội dung của bài, các em đã tự mình trả lời câu hỏi mà mình thắc mắc chưa, những thông tin trong bài em muốn biết thêm, em học bằng hình thức nào? - GV yêu cầu HS ghi vào cột H và cho HS chia sẻ - GV sẽ giải thích những câu hỏi thắc mắc của HS và hướng dẫn các em về nhà tìm hiểu thêm qua các trang mạng xã hội,...	- HS quan sát và lắng nghe - HS ghi lại những điều đã học vào cột L - HS chia sẻ - HS thực hiện - HS lắng nghe
Hoạt động 3: Sử dụng tiết kiệm nước (10 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS nêu được sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Thảo luận nhóm <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 trong thời gian 3 phút với nhiệm vụ: Quan sát hình 3 SGK trang 14 và cho biết điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta không tiết kiệm nước. - GV mời đại diện các nhóm báo cáo và tổ chức nhận xét - GV nhận xét và chốt kiến thức: Nếu chúng ta không tiết kiệm nước thì người	- HS thảo luận và đưa ra câu trả lời: + Không có nước để dùng + Chi phí sinh hoạt nước sẽ tăng - Đại diện nhóm báo cáo - HS lắng nghe

khác không có nước để dùng, chi phí sinh hoạt nước sẽ tăng và tài nguyên nước sẽ bị cạn kiệt và chúng ta không có đủ nước để sử dụng.

- GV yêu cầu HS quan sát ở hình 4 và cho biết việc nào nên làm và không nên làm? Vì sao?

- Mời HS thảo luận nhóm 2 để thực hiện nhiệm vụ.



- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV yêu cầu HS kể tên 3 việc làm để tiết kiệm nước và kể tên 3 việc không nên làm để tiết kiệm nước, trong thời gian 2 phút.

- HS sinh hoạt nhóm 2, thảo luận và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả:

+ Việc không nên làm: Bạn ở hình 4a và 4c đang xoa dầu gội đầu và xoa xà phòng rửa tay nhưng vẫn mở cho vòi nước chảy, việc làm đó gây lãng phí nước.

+ Việc nên làm: Bạn ở hình 4b và 4d đang xoa dầu gội đầu và xoa xà phòng rửa tay nhưng đã tắt vòi nước chảy, việc làm đó tiết kiệm nước.

+ Một số việc làm khác để tiết kiệm nước như sử dụng nước rửa rau để tưới cây, tắt vòi nước sau khi sử dụng.

- HS suy nghĩ và kể tên:

+ 3 việc nên làm: Tắt nước khi không sử dụng, kiểm tra vòi nước và đường ống nước thường xuyên, tái sử dụng nước,...

+ 3 việc không nên làm: để nước chảy tràn ra ngoài chậu, vừa đánh răng vừa

- GV: mời một số HS chia sẻ và tổ chức nhận xét - GV: Tiết kiệm nước là một việc làm rất quan trọng, giúp chúng ta có đủ nước sinh hoạt mà không làm cạn kiệt nguồn tài nguyên nước. Có một số cách tiết kiệm nước như: sử dụng nước rửa rau để tưới cây, tắt vòi sau khi sử dụng,...	xả nước, rửa tay nhưng không tắt vòi nước. - HS lắng nghe
Hoạt động 4: Một số cách làm sạch nước (15 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS nêu được một số cách làm sạch nước và liên hệ thực tế về cách làm sạch nước ở gia đình và địa phương. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> dạy học theo góc. <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, chia lớp thành 02 cụm, mỗi cụm gồm 03 nhóm tương ứng với 03 góc. Cụm 01 có góc 1,2,3. Cụm 02 có góc 4,5,6. Nhiệm vụ của các góc là: - Góc 1 và góc 5: Tìm hiểu về cách lọc nước (Quan sát video). - Góc 2 và góc 6: Tìm hiểu về cách khử trùng nước (thí nghiệm). - Góc 3 và góc 4: Tìm hiểu về cách đun nước (nghiên cứu SGK). - Tại mỗi góc GV đã chuẩn bị sẵn đồ dùng, dụng cụ thí nghiệm và hướng dẫn. HS sẽ thực hiện theo hướng dẫn để tìm hiểu về các cách lọc nước và ghi lại vào PHT, thời gian tại mỗi góc là 03 phút. Hết thời gian GV hô chuyển HS sẽ di chuyển sang góc kế tiếp theo sơ đồ mà GV đã vẽ trên bảng. Cứ như vậy, HS sẽ tiến hành di chuyển 02 lần qua các góc	- 1 HS đọc yêu cầu bài. - Lớp chia thành các nhóm, quan sát tranh, thảo luận và đưa ra các phương án trả lời. + Cách lọc: Loại bỏ được các chất không hòa tan trong nước. + Cách đun sôi: Làm chết hầu hết vi khuẩn và loại bỏ bớt các chất gây mùi cho nước.

và ghi lại nội dung kiến thức nghiên cứu tại mỗi góc vào PHT. - GV: Hết thời gian làm việc tại các góc, GV quay số bắt thăm ngẫu nhiên để lựa chọn góc báo cáo một trong các nội dung trên PHT, các nhóm khác lắng nghe nhận xét và bổ sung. - GV cho các nhóm trình bày các kết quả thí nghiệm và nhận xét chéo nhau - GV đặt câu hỏi: Gia đình em đang sử dụng nguồn nước nào? Hãy kể tên cách làm sạch nước ở gia đình hoặc địa phương em đang áp dụng. - GV nhận xét, tuyên dương	+ Cách khử trùng: Khử được vi khuẩn trong nước. - Các nhóm trình bày các kết quả thí nghiệm và nhận xét chéo nhau. + Cách phù hợp để làm sạch nước máy là đun sôi, nước trong bể bơi là khử trùng, nước đục là lọc. Nước máy sau khi đun sôi có thể uống được. - HS trình bày theo thực tế ở gia đình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
3. Vận dụng trải nghiệm (5 phút) <i>Mục tiêu:</i> - Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng sau khi học sinh bài học. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> sơ đồ tư duy <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV đưa ra chủ đề nước và yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy về những vấn đề liên quan đến nước - GV hướng dẫn HS vẽ: + Từ chủ đề nước (vẽ ở trung tâm), các em tìm ra các chủ đề nhỏ liên quan (tính chất, nguồn nước, lợi ích, bảo vệ nguồn	- HS lắng nghe - HS lắng nghe

nước,...) vẽ ra xung quanh thành các nhánh nhỏ. - GV chia lớp thành 4 nhóm và phát cho HS một tờ giấy A0. Nhiệm vụ của các nhóm là dựa vào hướng dẫn của GV cùng nhau thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy vào giấy trong thời gian 5 phút. - Hết thời gian GV mời các nhóm dán lên bảng và tổ chức cho HS báo cáo và nhận xét. - GV nhận xét và tuyên dương các nhóm. - GV đặt câu hỏi: Qua tiết học này em học được những gì? Còn điều gì thắc mắc về bài học hôm nay không? - GV: Về nhà các em hãy chia sẻ những điều đã học cho người thân nhé!	- HS thực hành vẽ - Đại diện các nhóm trình bày cách vẽ sơ đồ của nhóm, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe - HS trả lời: nguyên nhân nước ô nhiễm, tác hại và một số cách bảo vệ cũng như làm sạch nước. - HS lắng nghe
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

V. PHỤ LỤC

1. Khăn trải bàn

Câu 2: Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước - Do con người trực tiếp gây ra: - Do thiên nhiên:	Họ và tên 4: Câu 1: Dấu hiệu chứng tỏ nước bị ô nhiễm 	Ý KIẾN THỐNG NHẤT CỦA NHÓM Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước: 	Họ và tên 3: Câu 1: Dấu hiệu chứng tỏ nước bị ô nhiễm 	Câu 2: Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước - Do con người trực tiếp gây ra: - Do thiên nhiên:
Họ và tên 1: Câu 1: Dấu hiệu chứng tỏ nước bị ô nhiễm 	Họ và tên 2: Câu 1: Dấu hiệu chứng tỏ nước bị ô nhiễm 	Họ và tên 1: Câu 1: Dấu hiệu chứng tỏ nước bị ô nhiễm 	Họ và tên 2: Câu 1: Dấu hiệu chứng tỏ nước bị ô nhiễm 	Câu 2: Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước - Do con người trực tiếp gây ra: - Do thiên nhiên:

2. Phiếu học tập

Phiếu học tập cá nhân

Họ và tên:

K (những điều em biết)	W (Những điều em muốn biết)	L (Những điều em học được)	H (em muốn biết thêm điều gì và cách để tìm hiểu)

Một số cách làm sạch nước

Góc số:
Tên thành viên:

a. Lọc nước

1. Hãy so sánh nước trước khi lọc và sau khi lọc?
+ Trước khi lọc:
+ Sau khi lọc:

2. Khoan vào cầu trả lời đúng.
Về cách làm sạch nước này, có thể loại bỏ:
A. Loại bỏ được các chất không tan trong nước.
B. Loại bỏ được hầu hết vi khuẩn và các chất gây mùi cho nước.
C. Loại bỏ được vi khuẩn trong nước.

b. Khử trùng

1. Hãy so sánh nước trước khi khử trùng và sau khi khử trùng?
+ Trước khi khử trùng:
+ Sau khi khử trùng:

2. Khoan vào cầu trả lời đúng.
Về cách làm sạch nước này, có thể loại bỏ:
A. Loại bỏ được các chất không tan trong nước.
B. Loại bỏ được hầu hết vi khuẩn và các chất gây mùi cho nước.
C. Loại bỏ được vi khuẩn trong nước.

c. Đun sôi

Khoan vào cầu trả lời đúng.
Về cách làm sạch nước này, có thể loại bỏ:
A. Loại bỏ được các chất không tan trong nước.
B. Loại bỏ được hầu hết vi khuẩn và các chất gây mùi cho nước.
C. Loại bỏ được vi khuẩn trong nước.

CÂU HỎI

Cách nào được sử dụng để làm sạch: nước máy, nước trong bể bơi, nước đục. Sau khi làm sạch nước nào có thể uống được?

NHIỆM VỤ TẠI CÁC GÓC

GÓC 1 & GÓC 5: QUAN SÁT

(Tìm hiểu về cách lọc nước)

Nhiệm vụ: Quan sát video “Lọc nước” và hoàn thành nội dung phiếu học tập

GÓC 2 & GÓC 6: TRẢI NGHIỆM

(Tìm hiểu về cách khử trùng nước)

Nhiệm vụ: Trên bàn để sẵn 1 chai rộng có nắp, nước cần làm sạch, chất khử trùng.

Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Cho nước cần làm sạch vào chai.

Bước 2: Cho vào chai một lượng nhỏ chất khử trùng, đậy nắp và lắc chai.

Bước 3: Hoàn thiện nội dung trong phiếu học tập

GÓC 3 & GÓC 4: NGHIÊN CỨU SGK

(Tìm hiểu về cách đun nước)

Nhiệm vụ: Quan sát hình 7 SGK và hoàn thành nội dung PHT

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
CHỦ ĐỀ 1: CHẤT
Bài 4: KHÔNG KHÍ CÓ Ở ĐÂU? THÀNH PHẦN VÀ TÍNH CHẤT
CỦA KHÔNG KHÍ (2 Tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực đặc thù

- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để:
 - + Nhận biết được sự có mặt của không khí
 - + Xác định được một số tính chất của không khí
 - + Nhận biết trong không khí có hơi nước, bụi,....
- Kể được tên của không khí: ni-tơ, (nitrogen), ô-xi (oxygen). các -bô – níc (carbon dioxide).
- Rèn luyện kỹ năng làm thí nghiệm, hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung

Góp phần hình thành và phát triển cho HS năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện thí nghiệm, trải nghiệm để kiểm chứng tính thực tiễn của nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thí nghiệm.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- SGK, SGV, máy tính máy chiếu, kế hoạch bài dạy.
- Phiếu học tập: Tìm hiểu không khí có ở đâu (phụ lục)

- Dụng cụ thí nghiệm: 01 túi bóng, 1 chậu thủy tinh chứa nước, tăm, dây buộc, 01 chai rỗng, 01 miếng bọt biển khô.
- Tranh ảnh phóng to các hình trong SGK.
- Sơ đồ di chuyển theo trạm.

2. Học sinh: SGK

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) - <i>Mục tiêu:</i> + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV cho cả lớp học sinh đứng dậy và thực hiện động tác nhắm mắt rồi hít vào và thở ra. - GV đặt câu hỏi: Các em vừa hít vào cái gì ? - GV: Theo các em khi chúng ta hít vào và thở ra thì các con có suy nghĩ không khí ở đâu mà ra không? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Không khí là thành phần không thể thiếu đối với mỗi người, hằng ngày chúng ta đang hít thở chung một bầu không khí. Vậy không khí là gì vậy, nó ở đâu? Tính chất và thành phần của không khí là gì? Để trả lời cho câu hỏi đó thì cô trò chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay: Bài 4: Không khí có ở đâu? Tính chất và thành phần của không khí?	- HS thực hiện. - HS trả lời: Hít vào không khí ạ - HS lắng nghe và ghi tên bài vào vở
2. Hoạt động Hoạt động 1: Không khí có ở đâu? (20 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS nhận biết được sự có mặt của không khí thông qua các thí nghiệm. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> dạy học theo trạm, khăn trải bàn. <i>Cách tiến hành:</i>	

- GV chia lớp thành 02 cụm, mỗi cụm có 03 nhóm tương ứng với 03 trạm (mỗi trạm có từ 5-6 HS). Cụm 01 có trạm 1,2,3. Cụm 02 có trạm 4,5,6. Nhiệm vụ của các trạm là: Tiến hành thí nghiệm để tìm hiểu không khí có ở đâu. - Tại mỗi trạm GV đã chuẩn bị sẵn các PHT, HS sẽ thực hiện theo PHT của nhóm. Thời gian tại mỗi trạm là 05 phút. Hết thời gian GV hô chuyển hoặc theo hiệu lệnh chuông HS sẽ di chuyển sang trạm kế tiếp theo sơ đồ mà GV đã vẽ trên bảng. Cứ như vậy, HS sẽ tiến hành di chuyển 02 lần qua các trạm và ghi lại nội dung kiến thức nghiên cứu tại mỗi trạm vào PHT.	- HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu - HS lắng nghe
<pre> graph TD subgraph CUM1 [CỤM 1] TRAM1[TRẠM 1] --> TRAM2[TRẠM 2] TRAM2 --> TRAM3[TRẠM 3] TRAM3 --> TRAM1 end subgraph CUM2 [CỤM 2] TRAM4[TRẠM 4] --> TRAM5[TRẠM 5] TRAM5 --> TRAM6[TRẠM 6] TRAM6 --> TRAM4 end </pre> -GV: Sau khi hoàn thành các trạm, GV yêu cầu HS trở về nhóm ban đầu và phát cho các nhóm khăn trải bàn. <i>(Phụ lục)</i> Nhiệm vụ của các nhóm đó là trả lời câu hỏi: Không khí có ở đâu? Các em có thời gian 02 phút làm việc cá nhân, hết thời gian các em cùng nhau thảo luận thống nhất các ý kiến cá nhân thành ý kiến chung của cả nhóm sau đó ghi vào chính giữa của tờ giấy. - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. + Lưu ý cho các nhóm báo cáo, nhóm sau báo cáo chỉ bổ sung những điều còn thiếu hoặc sai cho nhóm bạn.	- HS thực hiện: + Không khí có ở xung quanh mọi vật và mọi chỗ rỗng bên trong vật. - HS báo cáo

- GV tổ chức nhận xét và chốt lại kiến thức: Không khí có ở xung quanh mọi vật và mọi chỗ rỗng bên trong vật.	- HS lắng nghe
Hoạt động 2: Không khí có những tính chất gì? (20 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS nhận biết được các tính chất của không khí: màu, mùi, vị, hình dạng, tính trong suốt, tính chất giãn ra và nén lại. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> hỏi đáp, trò chơi học tập. <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV: Không khí có ở xung quanh chúng ta, bây giờ các em hãy hít thật sâu và cho cô biết Không khí có màu, mùi, vị gì? - GV xịt một ít nước hoa vào không khí và yêu cầu HS hít thở, sau đó đặt câu hỏi: Em ngửi thấy mùi gì? Mùi đó có phải là mùi của không khí không? - GV: Mùi thơm hay mùi khó chịu mà em đã ngửi thấy trong không khí, những mùi đó không phải là mùi của không khí. - GV cho HS chơi trò chơi “Tôi là ai” Cách chơi: HS sẽ quan sát một số hình ảnh đã bị làm mờ mà GV chiếu trên màn hình, các bạn trong lớp sẽ đoán xem đó là ai. - Kết thúc trò chơi GV nhận xét và chốt: Chúng ta có thể nhìn thấy nhau và nhìn thấy đồ vật quanh ta và ghi nhớ được hình dạng, màu sắc. Vì vậy không khí có tính trong suốt. - GV cho HS quan sát các bức tranh về quả bóng được bơm hơi, túi chứa đầy không khí,... và yêu cầu HS nhận xét về hình dạng của không khí trong từng đồ vật. - GV chốt lại kiến thức: không khí không có hình dạng nhất định, nó có hình dạng của vật chứa nó.	- HS: Không màu, không mùi, không vị. - HS thực hiện và trả lời: Mùi nước hoa, mùi đó không phải của không khí. - HS lắng nghe - HS tham gia trò chơi và đoán tên các hình ảnh: hoa hồng, cây nhãn, con mèo,... - HS lắng nghe - HS quan sát và trả lời: không khí không có hình dạng nhất định, nó có hình dạng của vật chứa nó. - HS lắng nghe

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 05 phút hoàn thành nhiệm vụ sau: Sử dụng ống bơm tiêm mà GV phát, tiến hành các bước thí nghiệm sau: Bước 1: dùng đầu ngón tay bịt kín đầu bơm tiêm. Bước 2: Dùng ngón tay khác ấn ruột bơm tiêm vào sâu trong vỏ bơm tiêm. Bước 3: Thả ngón tay vừa ấn ruột bơm tiêm ra. GV vừa tiến hành thí nghiệm vừa quan sát HS làm thí nghiệm, + Trước khi bắt đầu thí nghiệm, GV hỏi HS: Trong vỏ bơm tiêm chứa gì? + GV tiến hành thí nghiệm - GV yêu cầu HS mô tả thí nghiệm có sử dụng các từ gợi ý: không khí, nén lại, dẫn ra. Mỗi nhóm có 02 phút thảo luận. - GV mời một số nhóm báo cáo và tổ chức nhận xét. - GV cũng HS tiến hành lại thí nghiệm, vừa tiến hành thí nghiệm vừa cho HS cảm nhận sự nén lại, dẫn ra của không khí và chốt kiến thức: Khi ấn ruột bơm tiêm vào sâu trong vỏ bơm tiêm, không khí bị nén lại, sau đó thả tay ra không khí lại dẫn ra đẩy ruột bơm tiêm lên trên. - GV mời một số HS nêu tính chất của không khí sau khi tiến hành thí nghiệm. - GV chốt lại kiến thức: : Không khí có thể bị nén lại hoặc bị dẫn ra.	- HS lắng nghe + HS quan sát và trả lời: Vỏ bơm tiêm chứa không khí. + HS cùng làm thí nghiệm - HS: Khi ấn ruột bơm tiêm vào sâu trong vỏ bơm tiêm, không khí bị nén lại, sau đó thả tay ra không khí lại dẫn ra đẩy ruột bơm tiêm lên trên. - HS báo cáo - HS thực hiện và lắng nghe - HS: Không khí có thể bị nén lại hoặc bị dẫn ra. - HS lắng nghe
Hoạt động 3: Không khí gồm những thành phần nào? (15 phút)	

Mục tiêu: HS nhận biết được những thành phần của không khí Phương pháp: Quan sát, thí nghiệm Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát hình 6 và đặt câu hỏi: 1. Kể tên các thành phần của không khí, trong đó thành phần nào là nhiều nhất? - GV mời một số HS trả lời và chốt kiến thức: Thành phần chính của không khí gồm: ni-tơ, ô-xi và các-bô-nic. Thành phần nhiều nhất ni-tơ. - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6 với nhiệm vụ hoàn thành phiếu bài tập nhóm (<i>Phụ lục</i>) trong thời gian 05 phút. PHIẾU HỌC TẬP NHÓM Nhiệm vụ: Trên bàn có để sẵn các đồ dùng cho thí nghiệm (2 cốc thủy tinh không màu, 2 đĩa, nước màu, viên nước đá). Hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau: Bước 1: Cho một lượng nước có màu như nhau vào hai cốc. Bước 2: Thả viên nước đá vào 1 trong 2 cốc. Quan sát và giải thích hiện tượng xảy ra phía ngoài mỗi cốc và phía trong mỗi đĩa. Cho biết trong không khí còn có thành phần nào? - Hết thời gian, GV tổ chức cho HS báo cáo theo vòng tròn, nhóm sau báo cáo chỉ bổ sung những ý kiến khác. - GV tổ chức nhận xét và chốt: + Cốc có chứa đá: Bên ngoài thành cốc và dưới đĩa có nước. Nguyên nhân do thành của cốc	- HS quan sát và trả lời: + Thành phần của không khí: ni-tơ, ô-xi và các-bô-nic. Thành phần nhiều nhất là ni-tơ. - HS lắng nghe. - HS thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu bài tập nhóm. + Cốc có chứa đá: Bên ngoài thành cốc và dưới đĩa. Nguyên nhân do thành của cốc lạnh và nước trong không khí khi gặp lạnh thì ngưng tụ lại. + Trong không khí còn có hơi nước. - Đại diện các nhóm báo - HS lắng nghe

lạnh và nước trong không khí khi gặp lạnh thì ngưng tụ lại. + Ngoài các thành phần chính của không khí thì trong không khí còn có hơi nước. - GV cho HS quan sát hình 8 và đặt câu hỏi: 1. Mặt bàn để lâu ngày không lau chùi thì có hiện tượng gì xảy ra? 2. Từ hiện tượng trên, em thấy không khí còn chứa gì? - GV mời 1 số HS trả lời và chốt kiến thức: Thành phần của không khí gồm các khí nito, oxi, các-bô-níc,... ngoài ra không khí còn có hơi nước, bụi,...	- HS quan sát và trả lời câu hỏi: 1. Mặt bàn để lâu ngày không lau chùi sẽ bị bám bụi. 2. Từ hiện tượng trên em thấy không khí còn chứa bụi. - HS lắng nghe
3. Vận dụng trải nghiệm (10 phút) <i>Mục tiêu:</i> - củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng sau khi học sinh bài học. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Thuyết trình <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS viết ra giấy 3 điều em học được qua bài và 3 điều em muốn tìm hiểu thêm về bài học. - GV mời một số bạn chia sẻ theo kỹ thuật lẫu băng chuyển: GV chia lớp thành 8 nhóm, mỗi nhóm 4 người. Mỗi thành viên sẽ chia sẻ về 3 điều em học được qua bài và 3 điều em muốn tìm hiểu thêm về bài học. Khi có hiệu lệnh của cô, HS sẽ di chuyển theo sơ đồ sau: <pre> graph TD 1((1)) --> 2((2)) 2 --> 4((4)) 4 --> 3((3)) 3 --> 1 </pre>	- HS thực hiện - HS chia sẻ

- GV mời 1 số HS chia sẻ và nhận xét tiết học.
- GV dặn dò HS chuẩn bị bài mới và chia sẻ những điều đã học cho người thân.

- HS chia sẻ và lắng nghe nhận xét.
- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

V. PHỤ LỤC

1. Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP CÁ NHÂN
(TÌM HIỂU KHÔNG KHÍ CÓ Ở ĐÂU)

HỌ VÀ TÊN:..... LỚP:..... NHÓM:.....

TRAM 1: TRẢI NGHIỆM I

Nhiệm vụ: Trên bàn có để sẵn 1 túi bóng, 1 chậu thủy tinh chứa nước, tấm, dây buộc.
Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau đây:
Bước 1: Thổi vào túi cho đến khi bóng căng phồng lên rồi buộc lại.
Bước 2: Cho túi vào chậu nước, dùng tấm chọc thủng một lỗ rồi bóp nhẹ.
Bước 3: Quan sát hiện tượng và cho biết trong túi ri lông chứa gì?

Từ đó hãy cho biết: Không khí có ở đâu?

TRAM 2: TRẢI NGHIỆM II

Nhiệm vụ: Trên bàn có để sẵn 1 chai rỗng và một chậu nước bằng thủy tinh.
Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:
Bước 1: Nhấn chìm chai rỗng trong nước rồi mở nắp.
Bước 2: Quan sát thí nghiệm và cho biết bên trong chai rỗng chứa gì?

Từ đó hãy cho biết: Không khí có ở đâu?

TRAM 3: TRẢI NGHIỆM III

Nhiệm vụ: Trên bàn có để sẵn 1 miếng bọt biển khô và 1 chậu đựng nước bằng thủy tinh.
Em hãy tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:
Bước 1: Nhúng chìm miếng bọt biển khô trong nước và bóp nhẹ.
Bước 2: Quan sát thí nghiệm và cho biết: Trong các lỗ nhỏ li ti của miếng bọt biển khô có chứa gì?

Từ đó hãy cho biết: Không khí có ở đâu?

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM
Không khí gồm những thành phần nào?
NHÓM SỐ:....

NHIỆM VỤ

Trên bàn có để sẵn các đồ dùng cho thí nghiệm (2 cốc thủy tinh không màu, 2 đĩa, nước màu, viên nước đá). Hãy tiến hành thí nghiệm

THÍ NGHIỆM

- **Bước 1:** Cho một lượng nước có màu như nhau vào hai cốc.
- **Bước 2:** Thả viên nước đá vào 1 trong 2 cốc.

CÂU HỎI

1. Quan sát và giải thích hiện tượng xảy ra phía ngoài mỗi cốc và phía trong mỗi đĩa.
2. Cho biết trong không khí còn chứa thành phần nào?

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

CHỦ ĐỀ 1: CHẤT

Bài 5: VAI TRÒ CỦA KHÔNG KHÍ VÀ BẢO VỆ BẦU KHÔNG KHÍ TRONG LÀNH (2 Tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Quan sát và làm thí nghiệm để: Giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy.
- Trình bày được vai trò và ứng dụng tính chất của không khí đối với sự sống.
- Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí; sự cần thiết phải bảo vệ bầu không khí trong lành.
- Thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ bầu không khí trong lành và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

2. Năng lực chung

Góp phần hình thành và phát triển cho HS năng lực chung:

- Năng lực tự học, tự chủ: Luôn chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập (đọc/ thực hiện những yêu cầu trong SGK).
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm và biết chia sẻ kết quả làm thí nghiệm, thực hiện PHT.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Luôn chủ động, tích cực phối hợp với các bạn đưa ra ý kiến đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất

Góp phần hình thành và phát triển cho HS phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.
- Trung thực: Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân/ thảo luận nhóm, nhận xét sản phẩm của bạn.
- Trách nhiệm: Nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, máy tính máy chiếu, kế hoạch bài dạy, bài hát khởi động.
- Phiếu học tập:
 - + Phiếu học tập số 1: Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí (*phụ lục*)
 - + Phiếu học tập số 2: Bảo vệ bầu không khí trong lành (*phụ lục*)
- Đồ dùng thí nghiệm: 3 cây nến, 3 lọ thủy tinh, 2 chậu cây hoa, 2 lọ thủy tinh đựng 2 con gián.
- Tranh ảnh phóng to các hình trong SGK.
- Đồng hồ đếm ngược, đồng hồ hẹn hò,..

2. HS: SGK

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu:</i> + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS khởi động với “Bài hát về ô nhiễm môi trường” - GV đặt câu hỏi: Bài hát nói về điều gì? - GV nhận xét và dẫn dắt: Hiện nay trên thế giới có rất nhiều nơi bị ô nhiễm không khí. Vậy theo các em chúng ta cần làm gì và không nên làm gì để bảo vệ bầu không khí trong lành? Để trả lời cho câu hỏi đó thì chúng ta sẽ tìm hiểu bài học ngày hôm nay “Bài 5: Vai trò	-HS thực hiện. - HS: Bài hát nói về sự ô nhiễm môi trường không khí. - HS lắng nghe

của không khí và bảo vệ bầu không khí trong lành”	
2. Hoạt động Hoạt động 1: Vai trò của không khí đối với sự cháy (10 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Quan sát, thí nghiệm. <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS quan sát hình 1 SGK trang 21 và đặt câu hỏi: Các em hãy dự đoán ngọn nến nào sẽ cháy nhanh nhất, ngọn nến nào sẽ tắt nhanh nhất? - GV chưa nhận xét câu trả lời của HS đúng hay sai. - GV tiến hành thí nghiệm: Thắp ba ngọn nến, lần lượt úp lọ thủy tinh to, nhỏ vào 2 cốc nến. Sau đó GV yêu cầu HS quan sát và nhận xét về thời gian cháy của các cốc nến? - GV mời 1 số HS trả lời và đưa ra nhận xét: ngọn nến không úp cốc tắt lâu nhất, sau đó đến cốc nến úp lọ thủy tinh to và cuối cùng là cốc nến úp lọ thủy tinh nhỏ tắt nhanh nhất. - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi trong 2 phút hoàn thành nhiệm vụ sau: Nhận xét về vai trò của không khí đối với sự cháy? - GV mời đại diện một số nhóm báo cáo và tổ chức nhận xét. - GV chốt kiến thức: không khí có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự cháy. Lượng không khí càng ít thì ngọn nến càng tắt nhanh.	- HS quan sát và đưa ra dự đoán - HS quan sát thí nghiệm và trả lời: ngọn nến không úp cốc tắt lâu nhất, sau đó đến cốc nến úp lọ thủy tinh to và cuối cùng là cốc nến úp lọ thủy tinh nhỏ tắt nhanh nhất. - HS lắng nghe - HS thảo luận và trả lời câu hỏi: Không khí có vai trò duy trì sự cháy. - Đại diện nhóm báo cáo - HS lắng nghe

Hoạt động 2. Vai trò của không khí đối với sự sống (15 phút)

Mục tiêu: HS nêu được vai trò và ứng dụng tính chất của không khí với sự sống.

Phương pháp, kỹ thuật: quan sát, thí nghiệm.

Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS thực hiện thí nghiệm như hình 2a trang 22 SGK: HS để tay trước mũi, ngậm miệng lại rồi hít vào, thở ra. Sau đó GV đặt câu hỏi: GV đặt câu hỏi: Em cảm thấy thế nào khi thực hiện động tác này?

- GV tiếp tục yêu cầu HS thực hiện thí nghiệm ở hình 2b trang 22 SGK: HS lấy tay bịt mũi, ngậm miệng lại.

- GV đặt câu hỏi: Em cảm thấy thế nào khi thực hiện động tác này?

- GV: Qua 2 thí nghiệm trên em có nhận xét gì về vai trò của không khí đối với sự sống của con người?

- GV nhận xét và kết luận:

+ Để tay trước mũi, ngậm miệng lại rồi hít vào thở ra sẽ thấy có luồng gió nhẹ từ mũi thổi vào tay. Lấy tay bịt mũi, ngậm miệng lại sẽ thấy khó thở và khó chịu.

+ Không khí có vai trò duy trì sự sống của con người.

Vai trò của không khí với sự sống của sinh vật

- GV chuẩn bị 2 thí nghiệm:

+ TN1: GV chuẩn bị 2 chậu cây hoa, chậu 1 ko bịt túi nilon, chậu 2 bịt túi nilon sau 1 thời gian (5 ngày).

- HS thực hiện động tác và trả lời câu hỏi: Em cảm thấy có một luồng gió nhẹ từ mũi thổi vào tay.

- HS thực hiện động tác và trả lời câu: Em cảm thấy khó thở và khó chịu

- HS trả lời: Không khí có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự sống của con người.

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe

+ TN2: 2 lọ thủy tinh đựng 2 con gián, lọ 1 không đậy nắp, lọ 2 đậy nắp. - GV: Nêu tình huống: Nếu cây hoa này cô bịt kín túi nilon trong 5 ngày và lọ đựng con gián cô đậy kín nắp. Theo các em điều gì sẽ xảy ra với cây hoa và con gián. - GV: Mở túi nilon đậy bịt kín chậu hoa cô làm từ trước và dùng nắp đậy kín lọ thủy tinh đựng con gián. - GV: yêu cầu HS quan sát chậu cây sau khi mở túi nilon và lọ thủy tinh đựng con gián đã đậy kín nắp. Hãy so sánh 02 cây hoa và 02 lọ đựng 02 con gián trong thí nghiệm trên. - GV: Qua thí nghiệm trên, hãy rút ra vai trò của không khí đối với sự sống của sinh vật? - GV: nhận xét kết luận và chốt kiến thức: Nếu thực vật và động vật không có không khí thì sẽ không sống được, vì vậy chúng ta thấy không khí đóng vai trò rất quan trọng để duy trì sự sống cho cả động vật và thực vật. - GV cho HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 05 phút, giải quyết 02 vấn đề sau: 1. Tại sao trong các nhà kính trồng rau, hoa thường có cửa thông khí? 2: Người ta sục không khí vào bể cá cảnh để làm gì?	- HS chia sẻ và nêu những gì quan sát được: Cây và con vật sẽ chết. - HS quan sát - HS quan sát và trả lời: + Chậu cây không bịt túi thì xanh tốt, còn chậu cây bịt túi nilong thì bị héo và chết. + Lọ đựng gián không đậy thì con gián sống khỏe mạnh, còn lọ đậy nắp thì con gián bị chết. - HS: Không khí có vai trò duy trì sự sống cho cả động vật và thực vật. - HS lắng nghe - HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: 1.Trong nhà kính trồng rau thường có cửa thông khí để không khí được lưu thông trong nhà nhằm duy trì sự sống cho cây trồng.
---	---

- GV mời một số nhóm nêu câu trả lời và tổ chức nhận xét. - GV chốt lại kiến thức: + Trong nhà kính trồng rau thường có cửa thông khí để không khí được lưu thông trong nhà nhằm duy trì sự sống cho cây trồng. + Người ta sục không khí vào bình cá cảnh để tăng lượng không khí trong nước duy trì sự sống cho cá. - GV tổ chức cho HS chơi trò “Truyền điện” mỗi HS nêu 1 ví dụ về vai trò của không khí đối với sự sống và truyền cho các bạn trong lớp. - GV nhận xét tuyên dương. - GV: Chúng ta thấy không khí có vai trò rất quan trọng, giúp duy trì sự sống cho sinh vật và con người.	2. Người ta sục không khí vào bình cá cảnh để tăng lượng không khí trong nước duy trì sự sống cho cá. - HS lắng nghe - HS tham gia trò chơi. - HS lắng nghe
Hoạt động 3. Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí (20 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS nêu được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> KWLH <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV: Hiện nay, vấn đề ô nhiễm không khí đang rất nghiêm trọng. Không khí ô nhiễm đã ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống và sinh hoạt của con người và tự nhiên. Vậy những nguyên nhân nào dẫn đến ô nhiễm không khí? Để trả lời cho câu hỏi đó, cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu nhé! - GV phát cho HS phiếu học tập số 01 cho HS (<i>Phụ lục</i>) - GV hướng dẫn cách làm phiếu:	- HS lắng nghe - HS quan sát và lắng nghe GV hướng dẫn

+ Cột K: Em hãy ghi những điều em biết về ô nhiễm không khí? GV gợi ý: Dấu hiệu không khí bị ô nhiễm, Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm không khí? + Cột W: Em hãy ghi những điều em muốn biết về ô nhiễm không khí? + Cột L: Em sẽ ghi những điều em học được sau khi cùng nhau tìm hiểu qua bài + Cột H: Em sẽ ghi những điều em muốn biết thêm về ô nhiễm không khí và cách thức để tìm hiểu. - GV dành cho HS 5 phút, ghi những điều HS biết vào cột K và những điều muốn biết vào cột W - Hết thời gian GV mời một số bạn HS nêu ý kiến và chốt các ý kiến vào 2 cột K và W				- HS thực hiện - HS nêu			
K (Những điều em biết)	W (Những điều em muốn biết)	L (Những điều em học được)	H (Em muốn biết thêm điều gì và cách để tìm hiểu)	K (Những điều em biết)	W (Những điều em muốn biết)	L (Những điều em học được)	H (Em muốn biết thêm điều gì và cách để tìm hiểu)
- Ô nhiễm không khí là không	- Ô nhiễm không khí là gì?			- Ô nhiễm không khí là không khí chứa khói,	- Ô nhiễm không khí là gì? Nguyên nhân nào gây		

khí chứa khói, khí độc, các loại bụi, vi khuẩn,... -Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí: đốt rác thải, khói bụi từ hoạt động giao thông,..	Nguyên nhân nào gây ô nhiễm không khí? -Nguyên nhân nào do con người gây ra và nguyên nhân nào do tự nhiên?			khí độc, các loại bụi, vi khuẩn,.. Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí: đốt rác thải, khói bụi từ hoạt động giao thông,..	ô nhiễm không khí? Nguyên nhân nào do con người gây ra và nguyên nhân nào do tự nhiên?		
- GV: Bây giờ chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu, để xem qua nội dung bài thì có thể giải đáp hết thắc mắc của chúng ta không nhé! - GV cho HS qua sát 02 bức tranh: + Bức tranh 01: Bức tranh có nhiều cây xanh, không khí trong lành + Bức tranh 02: Không khí bị ô nhiễm - GV cho HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 03 phút, so sánh không khí bị ô nhiễm và không khí không bị ô nhiễm. - Hết thời gian, GV mời đại diện 1 số nhóm báo cáo và đưa ra kết luận: Không khí nếu chứa khói, các loại bụi, vi khuẩn,.. nhiều đến mức làm hại tới				- HS lắng nghe - HS quan sát tranh và trả lời Không khí không bị ô nhiễm là không khí tạo cảm giác thoải mái, dễ chịu. Không khí nếu chứa khói, các loại bụi, vi khuẩn,.. nhiều đến mức làm hại tới sức khỏe con người và các sinh vật khác thì không khí đó bị ô nhiễm. - Đại diện nhóm báo cáo			

sức khỏe con người và các sinh vật khác thì không khí đó bị ô nhiễm. - GV cho HS quan sát 04 bức tranh trong SGK Khoa học 4 trang 23 và yêu cầu HS chỉ ra các nguyên nhân gây ô nhiễm không khí? - GV mời 1 số HS trả lời và rút ra kết luận: Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí: khí thải từ các nhà máy, đốt rác, cháy rừng,... - GV chia lớp thành 04 nhóm và phát PHT (Phụ lục) và nhiệm vụ của các nhóm trong thời gian 02 phút, phân loại các nguyên nhân trong 04 bức tranh trang 23, nguyên nhân nào là do con người, nguyên nhân nào do tự nhiên gây ra. - GV mời đại diện 1 nhóm báo cáo, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét và chốt: Nguyên nhân do con người gây ra: khí thải của hoạt động sản xuất công nghiệp, hoạt động giao thông,... Nguyên nhân do tự nhiên: cháy rừng, núi lửa,... - GV dành thời gian 03 phút cho HS ghi lại những điều đã học vào cột L. - GV: Qua tìm hiểu nội dung của bài, các em đã tự mình trả lời câu hỏi mà mình thắc mắc chưa, những thông tin	- HS quan sát từng bức tranh và nêu ra những nguyên nhân gây ô nhiễm không khí. - HS trả lời - HS làm việc nhóm - HS báo cáo + Nguyên nhân do con người gây ra: tranh 1,2,4 + Nguyên nhân do tự nhiên: 3 - HS lắng nghe - HS ghi lại những điều đã học vào cột L - HS chia sẻ
--	--

trong bài em muốn biết thêm, em học bằng hình thức nào? - GV yêu cầu HS ghi vào cột H và cho HS chia sẻ - GV sẽ giải thích những câu hỏi thắc mắc của HS và hướng dẫn các em về nhà tìm hiểu thêm qua các trang mạng xã hội,...	- HS ghi và chia sẻ - HS lắng nghe
Hoạt động 4: Bảo vệ bầu không khí trong lành (15 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS hiểu được sự cần thiết phải bảo vệ bầu không khí và thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ bầu không khí cũng như vận động mọi người xung quanh cùng thực hiện. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> hẹn hò <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV: Yêu cầu HS làm việc cá nhân, hoàn thành PHT số 02 (<i>Phụ lục</i>): Bảo vệ bầu không khí, trong thời gian 05 phút. - GV phát cho mỗi HS 01 đồng hồ hẹn hò và cho HS có 1 phút để hẹn hò đối tác ở các khung giờ 2 giờ, 6 giờ, 8 giờ và 10 giờ. Khi hẹn đối tác cần ghi tên vào khung giờ hẹn và mỗi khung giờ chỉ được hẹn với 01 người. - GV: Tổ chức cho HS hẹn hò, GV yêu cầu đi tìm đối tác ở khung giờ để thảo luận về ứng dụng tính chất của nước, thời gian thảo luận với đối tác là 01	- HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập số 2. - HS nhận đồng hồ và lắng nghe hướng dẫn. - HS tìm đối tác theo các khung giờ mà GV yêu cầu.

phút. Hết thời gian thảo luận GV sẽ chuyển khung giờ và nhiệm vụ. Cụ thể: + Tìm đối tác ở khung giờ 02 giờ để thảo luận về sống trong bầu không khí chúng ta bị ảnh hưởng như thế nào?; + Khung giờ 04 giờ thảo luận Vì sao cần phải bảo vệ bầu không khí trong lành?; + Khung giờ 08 giờ quan sát hình 6 và trả lời câu hỏi; + Khung giờ 10 thảo luận và lựa chọn phương án thích hợp để vận động mọi người xung quanh em cùng thực hiện bảo vệ bầu không khí trong lành; khung giờ 12 giờ thảo luận kể những việc em đã làm để bảo vệ bầu không khí trong lành và cho biết ý nghĩa những việc làm đó. - GV: Quay số gọi HS báo cáo. Khi báo cáo HS đọc tên đối tác đã hẹn hò và thảo luận. Điểm đánh giá tính cho cả 02. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV chốt kiến thức: + Sống trong bầu không khí bị ô nhiễm chúng ta có thể mắc các bệnh đau mắt, viêm họng,.. + Cần phải bảo vệ bầu không khí trong lành vì bầu không khí bị ô nhiễm sẽ làm cho con người mắc một số bệnh	+ HS trả lời: Sống trong bầu không khí bị ô nhiễm chúng ta có thể mắc các bệnh đau mắt, viêm họng,... + HS Cần phải bảo vệ bầu không khí trong lành vì bầu không khí bị ô nhiễm sẽ làm cho con người mắc một số bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống của chúng ta. + Các việc cần làm: vệ sinh lớp học, trồng cây,... + Việc không nên làm: đốt rơm rạ, đun nấu bằng bếp than tổ ong,... - HS báo cáo - HS lắng nghe - HS lắng nghe
---	---

ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống của chúng ta. + Các việc cần làm: vệ sinh lớp học, trồng cây,... + Việc không nên làm: đốt rơm rạ, đun nấu bằng bếp than tổ ong,... - GV: Ngoài những việc này ra còn những việc làm nào khác giúp bảo vệ bầu không khí không?	- HS chia sẻ: Vận động mọi người không vứt rác, đốt rác bừa bãi,...
3. Vận dụng trải nghiệm (7 phút) <i>Mục tiêu:</i> - Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng sau khi học sinh bài học. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Trò chơi học tập <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Nhà Khoa học nhí”. GV cho HS đóng vai người phỏng vấn, hỏi HS trong lớp một số câu hỏi vận dụng. VD 1. Nguyên nhân nào gây ô nhiễm không khí? 2. Vì sao phải bảo vệ bầu không khí trong lành? 3. Nêu một số việc làm để bảo vệ bầu không khí? - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe yêu cầu trò chơi. - HS tham gia trò chơi: 1 HS làm phóng viên, HS khác trả lời. - HS lắng nghe, ghi nhớ

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

V. PHỤ LỤC

1. PHT KWLH

PHIẾU HỌC TẬP KWLH
NGUYÊN NHÂN GÂY Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ?
HỌ VÀ TÊN:.....

k	w	I	H
Canva	Canva	Canva	Canva

PHT nhóm 4
Tên nhóm:.....

Nguyên nhân do con người	Nguyên nhân do tự nhiên

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
CHỦ ĐỀ 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE
Bài 23: VAI TRÒ CỦA CHẤT DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ
(2 Tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- HS kể được tên các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn và nêu được vai trò của chúng đối với cơ thể.
- HS lấy được ví dụ về các thức ăn khác nhau cung cấp cho cơ thể các chất dinh dưỡng và năng lượng ở mức độ khác nhau.

2. Năng lực chung

Góp phần hình thành và phát triển cho HS năng lực chung:

- Năng lực tự học, tự chủ: Luôn chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập như: đọc/ thực hiện những yêu cầu trong SGK.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm và biết chia sẻ kết quả làm thí nghiệm, thực hiện PHT.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Luôn chủ động, tích cực phối hợp với các bạn đưa ra ý kiến đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.
- Trung thực: Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân/ thảo luận nhóm, nhận xét sản phẩm của bạn.
- Trách nhiệm: Nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, máy tính máy chiếu, kế hoạch bài dạy, bài hát khởi động.
- Phiếu học tập:
 - + Phiếu học tập số 1: Mật thư số 01 (phụ lục)

+ Phiếu học tập số 2: Mật thư số 02 (*phụ lục*)
 + Phiếu học tập số 3: Vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng đối với cơ thể.

- Tranh ảnh phóng to các hình trong SGK.
- Các thẻ hình thức ăn, đồ uống.

2. HS: SGK

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên		Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút)		
- Mục tiêu:		
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.		
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.		
- Cách tiến hành:		
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Nhìn hình đoán tên các loại thực phẩm, đồ ăn”.		- HS tham gia trò chơi.
Cách chơi: GV sẽ chiếu từng hình ảnh, HS quan sát và đưa ra tên các loại thực phẩm, đồ ăn.		
STT	Nội dung	Đáp án
1	Đây là món ăn gì? 	Cơm sườn
2	Đây là loại rau gì? 	Súp lơ
3	Đây là món ăn gì? 	Gà nướng

4	Đây là rau gì? 	Chân vịt	
- GV đưa ra các từ khóa HS trả lời được: Cơm sườn, Súp lơ, Gà nướng, Rau chân vịt, Dưa chuột, Trứng gà, Đậu đỏ, Đậu đũa, Xoài cát. - GV đặt câu hỏi: Em có biết các loại thực phẩm trên thuộc nhóm chất nào không? - GV dẫn dắt vào bài mới: Chúng ta thường sử dụng các thực phẩm như rau, củ, quả, thịt,... để chế biến nhiều loại thức ăn, đồ uống. Các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn, đồ uống gồm: Chất bột đường, chất đạm, chất béo, vitamin và chất khoáng. Dựa vào hàm lượng chất dinh dưỡng trong mỗi loại thực phẩm, hay thức ăn chế biến từ thực phẩm đó, có thể phân chia thức ăn thành bốn nhóm: Chứa nhiều chất bột đường, chứa nhiều chất đạm, chứa nhiều chất béo, chứa nhiều vitamin và chất khoáng. - GV ghi tên bài lên bảng và mời một số HS đọc yêu cầu cần đạt.		- HS lắng nghe - HS trả lời - HS lắng nghe - HS ghi tên bài vào vở và nêu yêu cầu cần đạt	
2. Hoạt động Hoạt động 1: Các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn (15 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS biết và kể được tên các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Hỏi đáp, trò chơi mảnh ghép hoàn hảo <i>Cách tiến hành:</i>			

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Mật thư bí ẩn” trong thời gian 10 phút.

Cách chơi: GV chia lớp thành 8-10 đội chơi, mỗi đội có 4 HS. Các đội chơi sẽ được phát mật thư số 01 và 02. (Phụ lục)

+ Nhiệm vụ mật thư số 01: các nhóm sẽ nhận được PHT số 01 (Phụ lục) và thẻ hình là các thực phẩm hoặc thức ăn.

Sau đó các đội sẽ lựa chọn thẻ hình phù hợp và gắn vào ô nhóm chất tương ứng.

+ Nhiệm vụ mật thư số 02: các nhóm sẽ nhận được PHT số 02 (Phụ lục) và thẻ hình là các thực phẩm hoặc thức ăn.

Sau đó các đội sẽ lựa chọn thẻ hình phù hợp và gắn vào ô nhóm chất tương ứng.

- Sau khi hoàn thành 2 mật thư, GV gọi ngẫu nhiên đội chơi để báo cáo sản phẩm, các đội khác sẽ được GV cử đại sứ chấm chéo.

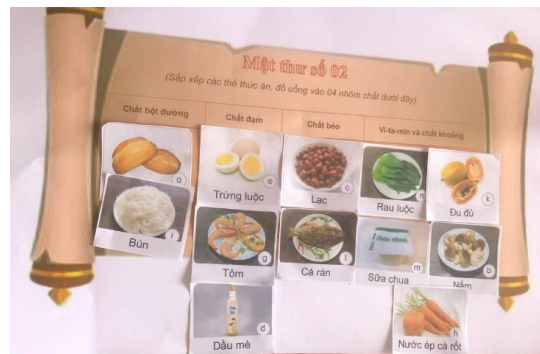
- GV chiếu lên bảng phần Em có biết và mời 1 số HS đọc

- GV đặt câu hỏi: Hằng ngày em thường sử dụng những loại thực phẩm nào? Chúng được xếp vào nhóm chất dinh dưỡng nào?

- HS tham gia trò chơi

- HS lắng nghe

+ HS nhận phiếu và thực hiện:



- Các đội báo cáo

- HS đọc

- HS trả lời

Hoạt động 2: Vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng đối với cơ thể (25 phút)

Mục tiêu: HS nêu được vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng đối với cơ thể

Phương pháp, kỹ thuật: KWLH, khăn trải bàn

Cách tiến hành:

- GV: Các chất dinh dưỡng rất quan trọng đối với cơ thể con người, vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng đó đối với cơ thể như thế nào? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu qua hoạt động 2: Vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng đối với cơ thể

- GV phát cho HS phiếu học tập (*Phụ lục*)

- GV giới thiệu cách làm phiếu:

+ Cột K: Em hãy ghi những điều em biết về vai trò các nhóm chất dinh dưỡng

+ Cột W: Em hãy ghi những điều em muốn biết về vai trò các nhóm chất dinh dưỡng

+ Cột L: Em học được gì qua bài học

+ Cột H: Em muốn biết thêm điều gì về việc vai trò các nhóm chất dinh dưỡng và đề xuất cách tìm hiểu.

- GV cho HS làm việc trong thời gian 5 phút thực hiện ghi vào cột K và cột W.

- Hết 5 phút GV yêu cầu HS báo cáo và chốt các ý kiến ở cột K và cột W

K	W	L	H
(Những điều em biết)	(Những điều em muốn biết)	(Những điều em học được)	(Em muốn biết thêm điều

- HS lắng nghe

- HS nhận phiếu và lắng nghe cách thực hiện

- HS lắng nghe

- HS thực hiện

K	W	L	H
(Những điều em biết)	(Những điều em muốn biết)	(Những điều em học được)	(Em muốn biết thêm điều gì và

			gì và cách để tìm hiểu)				cách để tìm hiểu)
Các nhóm chất dinh dưỡng rất quan trọng đối với cơ thể con người: cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống, giúp cơ thể phát triển,..	Vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng? Nếu thiếu các nhóm chất đó thì cơ thể sẽ như thế nào?			Các nhóm chất dinh dưỡng rất quan trọng đối với cơ thể con người: cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống, giúp cơ thể phát triển,..	Vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng? Nếu thiếu các nhóm chất đó thì cơ thể sẽ như thế nào?		
- GV: Bây giờ chúng ta cùng nhau tìm hiểu để xem qua hoạt động này thì chúng ta có thể giải đáp những thắc mắc đó không nhé! - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 2 phút hoàn thành phiếu bài tập (<i>Phụ lục</i>) - Hết thời gian GV chiếu sơ đồ về vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng lên				- HS lắng nghe - HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập.			

và mời một số HS lên bảng nổi và chỉ theo sơ đồ nói về vai trò của các chất dinh dưỡng.

- GV chốt lại vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng

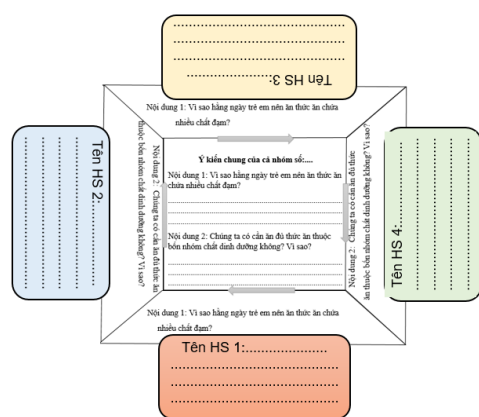
+ Nhóm chất bột đường: Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống.

+ Nhóm vitamin, chất khoáng: Tăng cường sức đề kháng, giúp cho cơ thể chống lại bệnh tật và giúp tiêu hóa tốt.

+ Nhóm chất béo: Dự trữ năng lượng, giúp cơ thể hấp thụ các vitamin A,D,E,K

+ Nhóm chất đạm: Giúp cơ thể phát triển, lớn lên

- GV chia học sinh thành các nhóm mỗi nhóm 4 HS và phân công nhóm trưởng, thư kí, sau đó phát cho mỗi HS 01 giấy note và mỗi nhóm một “khăn trải bàn”. Trên “khăn trải bàn” được chia thành 4 phần tương ứng với 4 HS trong nhóm.



- GV: Khi có hiệu lệnh gõ thước, HS làm việc cá nhân thực hiện các yêu cầu, lưu ý mỗi HS chỉ thực hiện 1 nội

- HS lên bảng vừa nổi vừa chỉ theo sơ đồ nói về vai trò của các chất dinh dưỡng.

- HS lắng nghe

- HS làm việc nhóm 4

- HS lắng nghe và thực hiện

dung. Sau 3 phút, GV gõ thước HS xoay khăn trải bàn theo chiều kim đồng hồ và HS thực hiện tiếp các nội dung. Sau 2 lần gõ thước HS hoàn thành bài. Sau đó các em có 3 phút cùng nhau thảo luận nhóm thống nhất các ý kiến cá nhân thành ý kiến chung của nhóm rồi viết vào phần chính giữa của tờ giấy. - Sau khi kết thúc thời gian thảo luận nhóm, GV tổ chức cho HS báo cáo theo vòng tròn, nhóm sau báo cáo chỉ bổ sung những ý kiến mà nhóm trước còn thiếu hoặc những đáp án sai. - GV tổ chức nhận xét và rút ra kết luận: 1. Trẻ em đang tuổi cơ thể có những sự thay đổi, phát triển theo từng ngày nên cần cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng để cơ thể phát triển. Đặc biệt nên ăn đủ các loại thực phẩm chứa nhiều chất đạm vì vai trò chất đạm giúp cơ thể phát triển và lớn lên. 2. Cần ăn đủ thực phẩm thuộc bốn nhóm chất dinh dưỡng vì mỗi thực phẩm có vai trò ý nghĩa khác nhau với sự phát triển cơ thể, các nhóm chất dinh dưỡng trong mỗi loại thực phẩm không thể thay thế được cho nhau. - GV dành thời gian 3 phút cho HS ghi lại những điều đã học vào cột L. - GV: Qua tìm hiểu nội dung của bài, các em đã tự mình trả lời câu hỏi mà	- HS báo cáo: 1. Trẻ em đang tuổi cơ thể có những sự thay đổi, phát triển theo từng ngày nên cần cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng để cơ thể phát triển. Đặc biệt nên ăn đủ các loại thực phẩm chứa nhiều chất đạm vì vai trò chất đạm giúp cơ thể phát triển và lớn lên. 2. Cần ăn đủ thực phẩm thuộc bốn nhóm chất dinh dưỡng vì mỗi thực phẩm có vai trò ý nghĩa khác nhau với sự phát triển cơ thể, các nhóm chất dinh dưỡng trong mỗi loại thực phẩm không thể thay thế được cho nhau. - HS lắng nghe - HS ghi lại những điều đã học vào cột L - HS chia sẻ
---	---

mình thắc mắc chưa, những thông tin trong bài em muốn biết thêm, em học bằng hình thức nào? - GV yêu cầu HS ghi vào cột H và cho HS chia sẻ - GV sẽ giải thích những câu hỏi thắc mắc của HS và hướng dẫn các em về nhà tìm hiểu thêm qua các trang mạng xã hội,...	- HS ghi vào cột H và chia sẻ - HS lắng nghe
Hoạt động 3: Năng lượng có trong thức ăn (15 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS biết và nêu được ví dụ về các thức ăn cung cấp năng lượng cho cơ thể. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Thảo luận nhóm <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 5 phút, nhiệm vụ của mỗi nhóm đó là Quan sát hình 4 trong SGK trang 87 nói cho bạn bên cạnh nghe về: 1. Tên các loại thức ăn đó 2. Thức ăn nào cung cấp nhiều năng lượng? Thức ăn đó thuộc nhóm nào? 3. Thức ăn nào cung cấp ít năng lượng? Thức ăn đó thuộc nhóm nào? 4. Các thức ăn khác nhau cung cấp năng lượng như thế nào? - GV mời một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận và tổ chức nhận xét - GV: Thực phẩm chứa nhiều năng lượng thuộc nhóm chất dinh dưỡng nào? Thực phẩm cung cấp ít năng lượng thuộc nhóm chất dinh dưỡng nào?	- HS thảo luận nhóm và trả lời: 1. Thịt gà, cơm, cá, lạc, thanh long, trứng, súp lơ, thịt lợn. 2. Thức ăn cung cấp nhiều năng lượng là lạc, thịt lợn mỡ thuộc nhóm chứa nhiều chất béo 3. Thức ăn cung cấp ít năng lượng là súp lơ, thanh long, thuộc nhóm chứa nhiều vitamin và chất khoáng. - Đại diện nhóm báo cáo - HS trả lời: Thực phẩm chứa nhiều năng lượng thuộc nhóm chất béo. Thực phẩm cung cấp ít năng lượng thuộc nhóm vitamin và chất khoáng.

- GV kết luận: Thực phẩm chứa nhiều năng lượng thuộc nhóm chất béo. Thực phẩm cung cấp ít năng lượng thuộc nhóm vitamin và chất khoáng. - Gọi học sinh đọc nội dung mục “Em có biết” - Tổ chức học sinh làm việc nhóm đôi (Thảo luận và trả lời câu hỏi) + Vì sao trẻ em không nên ăn thường xuyên: gà chiên, khoai tây chiên, bánh ngọt, đồ uống có đường? + Nếu hằng ngày chúng ta không ăn rau thì điều gì xảy ra với cơ thể? Vì sao? - Nhận xét, kết luận, tuyên dương. - Liên hệ thực tế giáo dục học sinh về ăn uống an toàn, vệ sinh. - Tổ chức tổng kết kiến thức bài học theo nội dung mục “Em đã học”: Gọi học sinh đọc nội dung và trả lời các câu hỏi. - GV nhận xét, kết luận, tuyên dương học sinh	- HS lắng nghe - Đọc nội dung mục “Em có biết” - Thảo luận và trả lời câu hỏi. + Vì chúng ta chứa nhiều năng lượng chủ yếu từ chất béo qua chiên, rán cơ thể khó tiêu hóa, ăn thường xuyên có thể gây bệnh béo phì,... + Cơ thể sẽ thiếu vi-ta-min, chất khoáng và chất xơ cơ thể sẽ giảm khả năng chống chịu với bệnh tật, có thể bị táo bón,... - Lắng nghe và vận dụng. - Đọc nội dung kết hợp trả lời các câu hỏi. - Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức.
3. Vận dụng trải nghiệm(10 phút) <i>Mục tiêu:</i> - củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng sau khi học sinh bài học. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Trò chơi học tập <i>Cách tiến hành:</i>	

V. PHỤ LỤC

1. Mật thư

Mật thư số 01

(Lựa chọn các thẻ hình dán vào ô nhóm chất phù hợp)

Chất bột đường	Chất đạm	Chất béo	Vi-ta-min và chất khoáng

Từ bảng đã hoàn thành và nghiên cứu thông tin ở bảng trang 84 & 85 hãy cho biết:

- Thực phẩm chứa nhiều chất bột đường:
- Thực phẩm chứa nhiều chất đạm:
- Thực phẩm chứa nhiều chất béo:
- Thực phẩm chứa nhiều vi-ta-min và chất khoáng:

Mật thư số 02

(Sắp xếp các thẻ thức ăn, đồ uống vào 04 nhóm chất dưới đây)

Chất bột đường	Chất đạm	Chất béo	Vi-ta-min và chất khoáng

2. Phiếu học tập

Phiếu học tập nhóm đôi

Nhóm số:.....

Họ và tên thành viên:

1.....

2.....

Hãy nối các nhóm dinh dưỡng sau với vai trò tương ứng:

Nhóm dinh dưỡng	Vai trò của nhóm
Chất bột đường	Dự trữ năng lượng, giúp cơ thể hấp thụ các vitamin A,D,E,K
Vitamin và chất khoáng	Giúp cơ thể phát triển, lớn lên
Chất béo	Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống
Chất đạm	Tăng cường sức đề kháng, giúp cho cơ thể chống lại bệnh tật và giúp tiêu hóa tốt.

Phiếu học tập cá nhân

Họ và tên:

Vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể

K (những điều em biết)	W (Những điều em muốn biết)	L (Những điều em học được)	H (em muốn biết thêm điều gì và cách để tìm hiểu)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

CHỦ ĐỀ 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE

Bài 25: MỘT SỐ BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN DINH DƯỠNG (3 Tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Nêu được tên, dấu hiệu chính và nguyên nhân của một số bệnh do thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng.
- Thực hiện được một số việc làm để phòng tránh một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng và vận động mọi người cùng thực hiện.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện trải nghiệm để kiểm chứng tính thực tiễn của nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

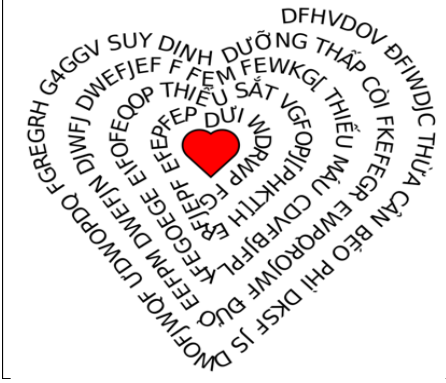
II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- SGK, SGV, máy tính máy chiếu, kế hoạch bài dạy.
- Phiếu học tập: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng. (*phụ lục*)
- Tranh ảnh phóng to các hình trong SGK.
- Sơ đồ di chuyển theo trạm, sơ đồ tư duy.

2. Học sinh: SGK, SHS

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS tham gia Trò chơi: Ong tìm chữ GV phổ biến luật chơi: chơi theo nhóm 2 người. Tìm 04 từ khóa liên quan đến nội dung bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng và tô màu cho những từ đã tìm được. Thời gian 03 phút.	- HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe
 Tên nhóm: Thành viên: 04 từ khóa liên quan đến nội dung bài 25: 1. 2. 3. 4.	
- GV: gọi các nhóm đọc từ khóa - GV: đặt câu hỏi cho các nhóm như: Em biết gì về bệnh thừa cân béo phì; bệnh suy dinh dưỡng thấp còi - GV: Dinh dưỡng có vai trò rất quan trọng với con người, nếu chúng ta không biết sử dụng hợp lý sẽ dẫn tới mắc 1 số bệnh. Vậy đó là những bệnh gì thì chúng ta cùng tìm hiểu qua “bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng”	- HS đọc từ khóa: suy dinh dưỡng thấp còi, thừa cân béo phì, thiếu sắt. - HS trả lời - HS lắng nghe
2. Hoạt động (60 phút)	

Mục tiêu: HS nêu được nguyên nhân, dấu hiệu của một số bệnh do thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng.

Phương pháp, kĩ thuật: sơ đồ tư duy, khăn trải bàn kết hợp với trạm.

Cách tiến hành:

- GV chia lớp thành 02 cụm, mỗi cụm có 3 nhóm tương ứng với 03 trạm, mỗi trạm có 5-6 HS.

+ Cụm 1, gồm 03 trạm: trạm 01, trạm 02 và trạm 03

+ Cụm 2, gồm 03 trạm: trạm 04, trạm 05 và trạm 06.

- GV: giao nhiệm vụ cho các trạm, cụ thể:

Trạm 01 và trạm 04: Tìm hiểu về bệnh thừa cân béo phì

Trạm 02 và trạm 05: Tìm hiểu về bệnh suy dinh dưỡng thấp còi

Trạm 03 và trạm 06: Tìm hiểu về bệnh thiếu máu, thiếu sắt.

- GV: Yêu cầu ở mỗi trạm, HS nghiên cứu thông tin về nhóm bệnh được phân công trong SGK và lần lượt thực hiện các nhiệm vụ:

+ **Nhiệm vụ 1:** Làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi trong phiếu học tập GV phát PHT (*phụ lục*).
Thời gian: 5 phút.

+ Nhiệm vụ 2: Cả nhóm thống nhất ý kiến và thể hiện trên sơ đồ tư duy về dấu hiệu, nguyên nhân và cách phòng tránh bệnh. Thời gian 5 phút.

+ Nhiệm vụ 3: Cả nhóm chia sẻ kiến thức cho nhau theo sơ đồ tư duy đã vẽ.

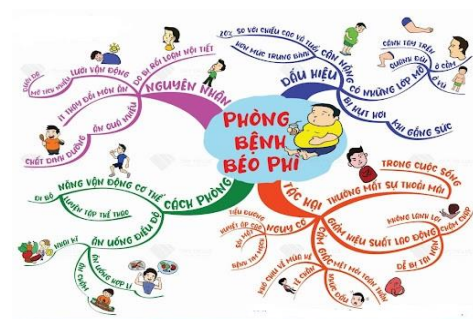
- HS lắng nghe

- HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ

- HS lắng nghe

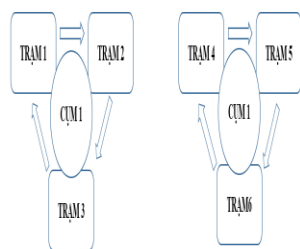
+ HS thực hiện phiếu học tập

+ HS thảo luận và vẽ sơ đồ



+ Các nhóm chia sẻ

+ Nhiệm vụ 4: Khi GV hô khẩu lệnh hết giờ, các nhóm chuyển sơ đồ tư duy theo sơ đồ trên bảng GV đã vẽ. Tại mỗi trạm các nhóm có thời gian 3 phút để nghiên cứu nội dung kiến thức trên sơ đồ tư duy của nhóm bạn. Cần bổ sung, góp ý gì các nhóm dùng bút màu đỏ để bổ sung. Sau 2 lần hô chuyển các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu về 03 nhóm bệnh được đề cập đến trong bài học.



+ Nhiệm vụ 5: Báo cáo kết quả học tập

GV quay số gọi ngẫu nhiên các nhóm để báo cáo. Nhóm được gọi sẽ báo cáo sản phẩm sơ đồ tư duy trên vị trí của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và góp ý.
- GV sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết lại các kiến thức của bài:



+ HS nghiên cứu nội dung kiến thức trên sơ đồ tư duy của nhóm bạn, bổ sung và hoàn thiện vào phiếu học tập (*Phụ lục*)

+ HS báo cáo

- HS lắng nghe

3. Thực hành phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng (20 phút)

Mục tiêu: - HS nêu được các việc làm phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng

- Xây dựng thực đơn giúp phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng

Phương pháp, kỹ thuật: Quan sát, đóng vai

<i>Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS thảo luận nhóm 4 trong thời gian 5 phút, quan sát các hình 8,9,10,11 và nói cho nhau nghe những việc làm trong các hình giúp phòng tránh được những bệnh gì. Giải thích vì sao? - GV chiếu từng bức hình và mời HS trả lời - GV nhận xét và chốt lại: + Việc làm ở hình 9,10: Vận động cơ thể giúp phòng bệnh béo phì + Việc làm ở hình 8: Ăn đủ chất dinh dưỡng giúp phòng bệnh suy dinh dưỡng thấp còi hoặc thiếu máu thiếu sắt,.. + Việc làm ở hình 11: Bạn theo dõi chiều cao, cân nặng thường xuyên giúp ngăn ngừa bệnh béo phì, suy dinh dưỡng thấp còi. - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Chuyên gia dinh dưỡng” theo nhóm 4 trong thời gian 5 phút. Cách chơi: Dựa vào bảng “thực đơn” gợi ý, hãy xây dựng một số bữa ăn có lợi cho sức khỏe, phòng tránh một trong các bệnh: suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu máu thiếu sắt, thừa cân béo phì. Có giải thích vì sao xây dựng thực đơn đó? - Hết thời gian, GV mời đại diện 2-3 nhóm báo cáo. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- HS thảo luận và trả lời: + Việc làm ở hình 9: Vận động cơ thể giúp phòng bệnh béo phì + Việc làm ở hình 8: Ăn đủ chất dinh dưỡng giúp phòng bệnh suy dinh dưỡng thấp còi hoặc thiếu máu thiếu sắt,.. + Việc làm ở hình 11: Bạn theo dõi chiều cao, cân nặng thường xuyên giúp ngăn ngừa bệnh béo phì, suy dinh dưỡng thấp còi. - HS lắng nghe - HS lắng nghe và thực hiện. HS: <i>Thiếu máu thiếu sắt nên ăn các món thịt, trứng: gà luộc, thịt lợn xiên nướng, bò xào, trứng chiên để bổ sung sắt cho cơ thể</i> + Bữa 1: <i>Cơm, rau xào, thịt gà luộc, trứng chiên, nước chanh.</i> + Bữa 2: <i>Cơm, bò hầm rau củ, cua sốt me và nước quả tươi.</i> - Đại diện nhóm báo cáo, các nhóm khác lắng nghe nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương HS có thực đơn hợp lí. - GV yêu cầu HS thực hiện một số việc để phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng và chia sẻ theo nhóm đôi trong thời gian 3 phút. - Hết thời gian GV mời 1 số HS chia sẻ và tuyên dương cả lớp. - GV đặt câu hỏi: Nêu một số việc làm vận động mọi người trong gia đình cùng thực hiện phòng, tránh một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng. - GV nhận xét, tuyên dương HS.	- HS lắng nghe - HS chia sẻ: + <i>Thường xuyên đi dạo, chơi thể thao cùng gia đình.</i> + <i>Hạn chế tiêu thụ đồ chiên, rán, thức ăn nhanh, nước ngọt có ga.</i> + <i>Xây dựng thực đơn đủ các nhóm chất dinh dưỡng.</i> + <i>Chữa, trị bệnh kịp thời, dứt điểm khi bị ốm.</i> - HS trả lời: + <i>Ăn đủ bữa và các nhóm chất dinh dưỡng.</i> + <i>Vận động cơ thể ít nhất 60 phút mỗi ngày.</i> + <i>Theo dõi chiều cao và cân nặng cơ thể thường xuyên.</i> + <i>Gặp bác sĩ để kiểm tra sức khỏe cơ thể nếu có dấu hiệu tăng cân hoặc giảm cân quá mức, mệt mỏi,...</i> - HS lắng nghe
3. Vận dụng trải nghiệm (10 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia trò chơi. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Trò chơi học tập <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Oẳn tù tì” Cách chơi: Trò chơi gồm 6 câu hỏi trắc nghiệm, các em sẽ đưa ra kí hiệu Kéo, Búa, Bao chứa đáp án đúng.	- HS tham gia trò chơi

Câu 1: Đâu là nguyên nhân dẫn đến bệnh suy dinh dưỡng thấp còi? A. Ăn uống thiếu cân bằng, lành mạnh, thiếu các thức ăn chứa sắt B. Bị các bệnh đường tiêu hóa dẫn đến khả năng hấp thụ các chất dinh dưỡng kém C. Ít vận động, tập thể dục thể thao D. Cả 3 đáp án trên Câu 2: Bệnh về chất dinh dưỡng do đâu mà ra? A. Do ăn thiếu chất dinh dưỡng B. Do ăn thừa chất dinh dưỡng C. Do ăn đầy đủ chất dinh dưỡng D. A và B đúng Câu 3: Cần làm gì để phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng? A. Ăn chín uống sôi B. Tẩy giun định kỳ C. Chế độ dinh dưỡng hợp lý D. A, B và C - GV chấm điểm và tuyên dương cả lớp - GV nhận xét tiết học và nhắc nhở HS chuẩn bị bài tiếp theo.	- HS lắng nghe
---	-----------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

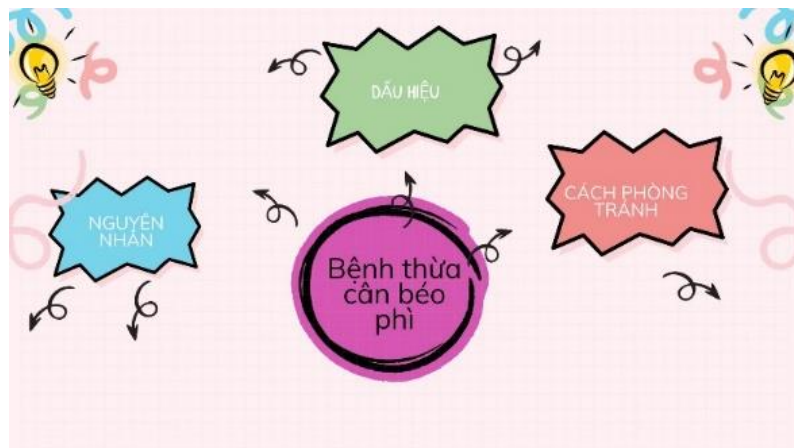
.....

V. PHỤ LỤC

1. PHT: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng

Phiếu học tập	
Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng	
HỌ VÀ TÊN:	NHÓM:
1: Bệnh thừa cân béo phì	
Nhiệm vụ: Nghiên cứu thông tin mục 1 trang 93 & 94 sgk để trả lời các câu hỏi dưới đây:	
Câu 1: Quan sát hình 1 trang 93, hãy cho biết các dấu hiệu của bệnh thừa cân béo phì?	
.....	
.....	
.....	
Câu 2: Quan sát hình 2 trang 94, cho biết các nguyên nhân dẫn đến bệnh thừa cân béo phì.	
.....	
.....	
.....	
Câu 3: Theo em cần làm gì để phòng tránh bệnh thừa cân béo phì?	
.....	
.....	
.....	
2: Bệnh suy dinh dưỡng thấp còi	
Nhiệm vụ: Nghiên cứu thông tin mục 2 trang 95, 96 & 97, trả lời các câu hỏi sau.	
Câu 1: Quan sát hình 3 trang 95, hãy cho biết các dấu hiệu của bệnh suy dinh dưỡng thấp còi?	
.....	
.....	
.....	
Câu 2: Đọc thông tin mục 2 trang 96, cho biết các nguyên nhân dẫn đến bệnh suy dinh dưỡng thấp còi.	
.....	
.....	
.....	
Câu 3: Theo em cần làm gì để phòng tránh bệnh suy dinh dưỡng thấp còi.	
.....	
.....	
.....	
3: Bệnh thiếu máu thiếu sắt	
Nhiệm vụ: Nghiên cứu thông tin mục 2 trang 96 & 97, trả lời các câu hỏi sau:	
Câu 1: Quan sát hình 4 & 5 trang 95, hãy cho biết các dấu hiệu của bệnh thiếu máu thiếu sắt?	
.....	
.....	
.....	
Câu 2: Đọc thông tin mục 2 trang 96, cho biết các nguyên nhân dẫn đến bệnh thiếu máu thiếu sắt?	
.....	
.....	
.....	
Câu 3: Theo em cần làm gì để phòng tránh bệnh thiếu máu thiếu sắt?	
.....	
.....	
.....	

2. Sơ đồ tư duy



KẾ HOẠCH BÀI DẠY
CHỦ ĐỀ 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE
Bài 27: PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC (2 Tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- HS nhận biết được kĩ năng phòng tránh đuối nước
- HS nhận diện được một số tình huống dẫn đến nguy cơ bị đuối nước và những điểm cần chú ý để phòng tránh đuối nước.
- HS chỉ ra được những người có thể nhờ giúp đỡ khi bản thân có nguy cơ bị đuối nước.

2. Năng lực chung

Góp phần hình thành và phát triển cho HS năng lực:

- Năng lực tự học, tự chủ: Luôn chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm, thực hiện PHT.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Luôn chủ động, tích cực phối hợp với các bạn đưa ra ý kiến đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất

Góp phần hình thành và phát triển cho HS phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.
- Trung thực: Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân/ thảo luận nhóm, nhận xét sản phẩm của bạn.
- Trách nhiệm: Nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: SGK, SGV, đồ dùng thí nghiệm, phiếu học tập.

- SGK, SG, máy tính máy chiếu, kế hoạch bài dạy, bài hát khởi động.
- Phiếu học tập: Một số việc làm để phòng tránh đuối nước (*Phụ lục*)
- Tranh ảnh phóng to các hình 1,2,3,4 SGK.

2. Học sinh: SGK, SHS

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) <i>- Mục tiêu:</i> + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. <i>- Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS hát và vỗ tay theo nhịp của bài hát “Bé yêu biển lắm”- Nhạc và lời Vũ Hoàng - Kết thúc bài hát, GV dẫn dắt vào bài: Chắc mỗi bạn ở đây rất thích tắm biển, thích được đùa nghịch cùng dòng nước mát lạnh phải không? Tuy nhiên biển cả, hay thậm chí ao hồ sông suối đều tiềm ẩn nhiều những nguy hiểm mà chúng ta không thể lường trước được, trong đó đuối nước chính là một trong những nguy hiểm lớn nhất mà chúng ta cần phòng tránh. Vậy làm thế nào để phòng chống đuối nước. Hay chúng ta cần những kĩ năng nào để tự bảo vệ bản thân khi bị đuối nước, gặp người bị đuối nước? Chúng ta sẽ đi tìm hiểu trong bài ngày hôm nay “phòng chống tai nạn đuối nước”. - GV ghi tên bài lên bảng và mời 1 số HS nêu yêu cầu cần đạt của tiết học	- HS hát và vỗ tay. - HS lắng nghe - HS ghi tên bài vào vở và đọc mục tiêu
2. Hoạt động <i>Hoạt động 1. Một số việc làm để phòng tránh đuối nước (20 phút)</i> <i>Mục tiêu:</i> HS biết và nêu được những việc nên làm và không nên làm để phòng tránh đuối nước.	

Phương pháp, kỹ thuật: KWL(H)

Cách tiến hành:

- GV: Nguy cơ đuối nước luôn rình rập trẻ em ở khắp mọi nơi, nhất là về mùa hè, trời nắng nóng, các em được nghỉ học, tham gia vào nhiều hoạt động vui chơi tự do. Vậy cần làm gì để phòng tránh nguy cơ đuối nước? Cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu hoạt động 1 Một số việc làm để phòng tránh đuối nước.

- GV phát phiếu học tập cho HS (*Phụ lục*)

- GV giới thiệu cách làm phiếu

+ Cột K: Em hãy ghi những điều em biết về đuối nước (nguyên nhân, một số cách phòng tránh,..)

+ Cột W: Em hãy ghi những điều em muốn biết về phòng tránh đuối nước.

+ Cột L: Em học được gì qua bài học

+ Cột H: Em muốn biết thêm điều gì về phòng tránh đuối nước và đề xuất cách tìm hiểu.

- GV cho HS làm việc trong thời gian 5 phút thực hiện ghi vào cột K và cột W.

- Hết 5 phút GV yêu cầu HS báo cáo và chốt các ý kiến ở cột K và cột W

K	W	L	H
(Những điều em biết)	(Những điều em muốn biết)	(Những điều em học được)	(Em muốn biết thêm điều gì và cách

- HS lắng nghe

- HS nhận phiếu và lắng nghe hướng dẫn

- HS thực hiện

K	W	L	H
(Những điều em biết)	(Những điều em muốn biết)	(Những điều em học được)	(Em muốn biết thêm điều gì và cách để tìm hiểu)

			để tìm hiểu)	Nguyên nhân gây đuối nước: chơi gần khu vực có ao hồ, sông ngòi. - Một số việc làm phòng tránh đuối nước: không chơi gần khu vực ao hồ, học bơi,...	- Còn những nguyên nhân nào khác gây đuối nước không? -Để phòng tránh đuối nước thì cần làm gì?		
-Nguyên nhân gây đuối nước: chơi gần khu vực có ao hồ, sông ngòi. - Một số việc làm phòng tránh đuối nước: không chơi gần khu vực ao hồ, học bơi,...	-Còn những nguyên nhân nào khác gây đuối nước không? - Để phòng tránh đuối nước thì cần làm gì?			- GV: Bây giờ chúng ta cùng nhau tìm hiểu để xem qua hoạt động này thì chúng ta có thể giải đáp những thắc mắc đó không nhé! - GV cho HS quan sát hình 1 và tổ chức thảo luận nhóm 4 trong thời gian 5 phút trả lời câu hỏi sau: Việc làm nào có thể dẫn đến nguy cơ đuối nước? - GV mời đại diện các nhóm và chốt lại kiến thức: Bức tranh 1a,c,d có nguy cơ dẫn đến đuối nước vì HS bơi ở nơi nguy			
				- HS lắng nghe - HS thảo luận nhóm 4 và thực hiện nhiệm vụ: Bức tranh 1a,c,d có nguy cơ dẫn đến đuối nước vì HS bơi ở nơi nguy hiểm, không mặc áo phao, đi khi nước ngập không thể xác định được đường.			

hiểm, không mặc áo phao, đi khi nước ngập không thể xác định được đường. - GV: Vậy có những nguyên nhân nào gây đuối nước? + GV mời một số HS chia sẻ và rút ra kiến thức cần nhớ: Nguyên nhân gây đuối nước do không có nắp đậy an toàn; sông, hồ, suối, ao nước... không được rào chắn và có biển báo nguy hiểm, các vùng trũng bình thường trong mùa mưa bão bị ngập nước cũng là những nguyên nhân gây ra đuối nước. Hơn nữa, tình trạng xây dựng các công trình, đào bới khai thác đất... đã để lại các hố sâu gây nguy hiểm như hố lấy đất, hố lấy nước tưới hoa màu... không có hàng rào cũng là những nơi dễ gây nên tai nạn đuối nước. - GV cho HS thảo luận nhóm 4 trong thời gian 5 phút, kể tên các việc làm để phòng tránh đuối nước. - Hết thời gian GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận - GV tổ chức nhận xét và chốt lại những việc làm để phòng tránh đuối nước: không đi lại nơi ngập nước, không lại gần, chơi ở các bể chứa nước, học bơi,...	- HS trả lời: Nguyên nhân gây đuối nước do không có nắp đậy an toàn; sông, hồ, suối, ao nước... không được rào chắn và có biển báo nguy hiểm, các vùng trũng bình thường trong mùa mưa bão bị ngập nước cũng là những nguyên nhân gây ra đuối nước. - HS lắng nghe - HS thực hiện - HS báo cáo - HS lắng nghe
--	---

- GV đặt câu hỏi: Việc nào không nên làm để phòng tránh đuối nước? - GV nhận xét và chốt lại: để phòng tránh đuối nước chúng ta không nên chơi đùa gần, đi bơi ở hồ ao, sông, suối, biển; đi qua đi lại gần nơi có dòng nước lớn, các nơi ngập nước. - GV dành thời gian 5 phút cho HS ghi lại những điều đã học vào cột L. - GV: Qua tìm hiểu nội dung của bài, các em đã tự mình trả lời câu hỏi mà mình thắc mắc chưa, những thông tin trong bài em muốn biết thêm, em học bằng hình thức nào? - GV yêu cầu HS ghi vào cột H và cho HS chia sẻ - GV sẽ giải thích những câu hỏi thắc mắc của HS và hướng dẫn các em về nhà tìm hiểu thêm qua các trang mạng xã hội,...	- HS trả lời: chơi gần ao, hồ, sông, suối; đi qua đi lại nơi có dòng nước lớn, các nơi ngập nước. - HS lắng nghe - HS ghi lại những điều đã học cột L - HS chia sẻ - HS ghi vào cột H và chia sẻ - HS lắng nghe
<i>Hoạt động 2. Kỹ năng phán đoán tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước (15 phút)</i> <i>Mục tiêu:</i> HS biết và nêu được các bước phán đoán tình huống có nguy cơ bị đuối nước và thuyết phục, vận động các bạn tránh xa những nơi nguy cơ đó. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> hỏi đáp, quan sát. <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Tác giả nhí” Cách chơi: Mỗi đội gồm 6 người, các đội sẽ dựa vào Hình 3a,b,c,d SGK trang 105 để sáng tác một câu chuyện Về kỹ năng phán đoán tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước trong thời gian 10p.	- HS tham gia trò chơi: sáng tác câu chuyện dựa vào những bức tranh có sẵn.

- Hết thời gian GV sẽ mời các đội lên trình bày câu chuyện mình. Sau khi trình bày các đội có thể đặt câu hỏi: 1. Em nhỏ muốn điều gì? 2. Người chị có suy nghĩ, việc làm như thế nào? - GV tổ chức bình chọn câu chuyện hay bằng cách giơ tay và sau đó tuyên dương các đội chơi. - GV đặt câu hỏi: Em hãy nêu các bước phán đoán tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước của người chị? - GV nhận xét và rút ra kết luận: Để phán đoán được tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước chúng ta cần: Quan sát, phân tích thông tin quan sát, dự đoán nguy cơ có thể xảy ra và đưa ra cách ứng xử. - GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm quan sát hình 4, thực hành kỹ năng phán đoán tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước theo 3 bước: quan sát, phân tích thông tin quan sát, dự đoán nguy cơ có thể xảy ra nếu 3 bạn nhỏ lội qua suối và đưa ra cách ứng xử.(5 phút) - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo phần thực hành: Sau khi mỗi nhóm đóng vai GV yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét bằng cách đưa ra 3 lời khen, 2 góp ý và 01 câu hỏi dành cho nhóm báo cáo.	- Các đội lên kể chuyện 1. Em nhỏ muốn đi bơi 2. Người chị suy nghĩ bề bơi không có ai và em có thể bị đuối nước vì vậy chị đã khuyên em không nên xuống. - HS nêu: Quan sát, phân tích thông tin quan sát, dự đoán nguy cơ có thể xảy ra và đưa ra cách ứng xử. - HS lắng nghe - HS chia nhóm và thực hiện theo yêu cầu. + Có 2 bạn nhỏ đang trên đường đi học, các bạn phải vượt qua một con suối thì mới có thể đến trường và nước lũ thì chảy rất xiết. +Dự đoán nguy cơ có thể xảy ra: Các bạn có nguy cơ bị đuối nước và nước lũ có thể cuốn các bạn. + Cách ứng xử: Khuyên các bạn không nên lội qua suối. - Các nhóm báo cáo.
---	--

- GV: Đuối nước để lại những hậu quả rất nghiêm trọng vậy ngoài việc chúng ta biết cách phán đoán tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước, thì chúng ta còn cần làm gì và không nên làm gì, để trả lời cho câu hỏi đó, chúng ta cùng chuyển sang hoạt động tiếp theo.	- HS lắng nghe										
Hoạt động 3. Nguyên tắc an toàn khi bơi (15 phút) Mục tiêu: HS biết và nêu được những việc cần làm và những việc không nên làm khi bơi hoặc tập bơi. Phương pháp, kỹ thuật: trò chơi học tập Cách tiến hành:											
- GV hỏi: Ở lớp mình có ai đã từng đi bơi? - GV: Học bơi cũng là một cách giúp chúng ta phòng tránh đuối nước. Nhưng nếu chúng ta không biết cách giữ an toàn khi bơi và tập bơi thì chúng ta vẫn có thể gặp nguy hiểm. Vậy trước khi bơi hoặc tập bơi các em thường làm gì? - GV sẽ tổ chức trò chơi “Đội nhanh nhất” có 6 đội chơi: Phát cho các đội thẻ chữ là nội dung các việc cần làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi bơi hoặc tập bơi và yêu cầu HS các nhóm sắp xếp các thẻ chữ vào 2 cột “ Cần” hoặc “Không”. Từ đó đưa ra được nguyên tắc an toàn khi bơi. - Sau đó yêu cầu HS làm việc cá nhân đối chiếu với các nguyên tắc và tự nhận xét: nếu đã từng đi bơi hoặc tự tập bơi thì thực	- HS giơ tay - HS lắng nghe và trả lời: Khởi động trước khi bơi, chỉ bơi khi có người lớn,.. - HS các nhóm sắp xếp các ô chữ: <table border="1" data-bbox="927 1104 1481 1776"> <thead> <tr> <th>Cần</th><th>Không</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Tắm tráng trước khi xuống nước.</td><td>- Xuống bể bơi một mình khi không có người bảo hộ.</td></tr> <tr> <td>- Khởi động trước khi xuống nước.</td><td>- Nô đùa, nghịch trong khi bơi.</td></tr> <tr> <td>- Giữ vệ sinh chung và vệ sinh cá nhân.</td><td>- Nhảy cầm đầu.</td></tr> <tr> <td></td><td>- Bơi khi trời mưa, sấm chớp, trời tối, giữa trưa.</td></tr> </tbody> </table> - HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ.	Cần	Không	- Tắm tráng trước khi xuống nước.	- Xuống bể bơi một mình khi không có người bảo hộ.	- Khởi động trước khi xuống nước.	- Nô đùa, nghịch trong khi bơi.	- Giữ vệ sinh chung và vệ sinh cá nhân.	- Nhảy cầm đầu.		- Bơi khi trời mưa, sấm chớp, trời tối, giữa trưa.
Cần	Không										
- Tắm tráng trước khi xuống nước.	- Xuống bể bơi một mình khi không có người bảo hộ.										
- Khởi động trước khi xuống nước.	- Nô đùa, nghịch trong khi bơi.										
- Giữ vệ sinh chung và vệ sinh cá nhân.	- Nhảy cầm đầu.										
	- Bơi khi trời mưa, sấm chớp, trời tối, giữa trưa.										

hiện tốt việc làm nào, chưa thực hiện tốt việc làm nào. - GV tổ chức cho HS chia sẻ theo kỹ thuật lẫu băng chuyền + GV chia HS thành các nhóm, mỗi nhóm 4 người và hướng dẫn: Các em hãy chia sẻ với người đối diện mình những điều nhận xét của bản thân sau khi em đối chiếu với các nguyên tắc an toàn khi bơi. Khi nghe thấy hiệu lệnh, các em phải di chuyển theo sơ đồ sau: - Hết thời gian GV mời 1 số HS chia sẻ - GV chiếu lại nguyên tắc an toàn khi bơi hoặc tập bơi và nhắc nhở HS thực hiện.	- HS thực hiện - HS chia sẻ - HS lắng nghe
3. Vận dụng trải nghiệm (10 phút) <i>Mục tiêu:</i> - Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Trò chơi học tập <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Oẳn tù tì” Câu 1: Việc làm nào phòng tránh đuối nước? - Tập bơi và đi bơi ở những nơi an toàn - Chơi đuổi bắt ở gần ao - Đi bơi một mình ở hồ	- HS tham gia trò chơi

d) Chơi đùa ở các nơi ngập nước Câu 2: Việc làm nào không nên làm để phòng tránh đuối nước? a) Chơi đùa bắt ở gần ao b) Tập bơi và đi bơi ở những nơi an toàn c) Thực hiện đúng các quy định về an toàn khi tham gia giao thông đường thủy d) Che chắn bể chứa nước Câu 3: Các bước phán đoán tình huống có nguy cơ xảy ra đuối nước: quan sát, phân tích thông tin,....., thuyết phục các bạn. Từ còn thiếu ở chỗ chấm là: a) Dự đoán các sự việc có thể xảy ra b) Vận động mọi người không thực hiện hành động đó. - GV đặt câu hỏi: Qua bài học này, em học được những gì? - GV nhận xét tiết học và nhắc nhở HS chuẩn bị cho tiết học sau	- HS chia sẻ - HS lắng nghe
--	---

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

V. PHỤ LỤC

Phiếu học tập KWLH
Một số việc làm để phòng tránh đuối nước

Họ và tên:.....

K (Những điều em biết)	W (Những điều em muốn biết)	L (Những điều em học được)	H (Em muốn biết thêm điều gì và cách tìm hiểu)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
CHỦ ĐỀ 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE

Bài 29: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE (2 Tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- củng cố các kiến thức, kỹ năng đã học về các cơ quan vận động, hô hấp và bài tiết nước tiểu.

- Có ý thức và thực hiện được một số việc làm cơ bản để chăm sóc và bảo vệ cơ quan vận động, hô hấp và bài tiết nước tiểu. Chia sẻ với những người xung quanh cùng.

2. Năng lực chung

Góp phần hình thành và phát triển cho HS năng lực:

- Năng lực tự học, tự chủ: Luôn chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm, thực hiện PHT.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Luôn chủ động, tích cực phối hợp với các bạn đưa ra ý kiến đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất

Góp phần hình thành và phát triển cho HS phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Trung thực: Trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả làm việc cá nhân/ thảo luận nhóm, nhận xét sản phẩm của bạn.

- Trách nhiệm: Nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- SGK, SG, máy tính máy chiếu, kế hoạch bài dạy, bài hát khởi động.

- Phiếu học tập:

- + Phiếu học tập số 1: (phụ lục)
- + Phiếu học tập số 2: Kết quả vận động những người trong gia đình thực hiện một số việc làm phòng tránh các bệnh (phụ lục)
- + Phiếu học tập số 3: Mức độ thường xuyên thực hiện một số việc làm để phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng (phụ lục)
- Tranh ảnh phóng to các hình SGK.
- Sơ đồ di chuyển theo trạm, đồng hồ đếm ngược, đồng hồ hẹn hò,..

2. Học sinh: SGK

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS hát và nhảy theo bài “Chiếc bụng đói” – Nhạc và lời Tiên Cookie. - GV: Qua bài hát vừa rồi, chúng ta thấy có rất nhiều món ăn ngon đúng không nào. Nhưng chúng ta có nên ăn những thức ăn bừa bãi mà không đảm bảo chất dinh dưỡng không nhỉ? - GV: Cô đã được nghe rất nhiều ý kiến. Vậy để ôn tập và nhớ lại những kiến thức. Cô mời cả lớp vào bài học ngày hôm nay. - GV ghi tên bài: “Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe” lên bảng - GV mời một số HS nêu mục tiêu tiết học.	- HS tham gia - HS trả lời - HS lắng nghe - HS ghi tên bài vào vở - HS nêu mục tiêu
2. Luyện tập Bài tập 1. Chia sẻ với bạn một số nội dung theo gợi ý sơ đồ (25 phút) Mục tiêu: HS tóm tắt được những nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ. Phương pháp, kỹ thuật: Dạy học theo trạm	

Cách tiến hành:

- GV chia lớp thành 02 cụm, mỗi cụm có 3 nhóm tương ứng với 03 trạm, mỗi trạm có 5-6 HS.

+ Cụm 1, gồm 03 trạm: trạm 01, trạm 02 và trạm 03

+ Cụm 2, gồm 03 trạm: trạm 04, trạm 05 và trạm 06.

- GV: Giao nhiệm vụ cho các trạm, cụ thể:

Trạm 1 và trạm 5: Tìm hiểu về Dinh dưỡng ở người

Trạm 2 và trạm 4: Tìm hiểu về Bệnh liên quan đến dinh dưỡng

Trạm 3 và trạm 6: Tìm hiểu về phòng tránh đuối nước.

- GV: Phát cho mỗi trạm 01 PHT và 01 sơ đồ tư duy (Phụ lục) và yêu cầu ở mỗi trạm, lần lượt thực hiện các nhiệm vụ:

+ Nhiệm vụ 1: Làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi trong phiếu học tập GV phát PHT (phụ lục). Thời gian: 5 phút.

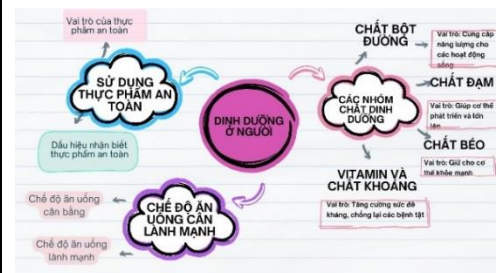
+ Nhiệm vụ 2: Cả nhóm thống nhất ý kiến và thể hiện trên sơ đồ tư duy về nhiệm vụ được giao. Thời gian 5 phút.

+ Nhiệm vụ 3: Cả nhóm chia sẻ kiến thức cho nhau theo sơ đồ tư duy đã vẽ

+ Nhiệm vụ 4: Hết thời gian GV hô chuyển hoặc theo hiệu lệnh chuông HS sẽ di chuyển sang trạm kế tiếp theo sơ đồ mà GV đã vẽ trên bảng. Cứ như vậy, HS sẽ tiến hành di chuyển 2 lần qua các trạm và ghi lại nội dung kiến thức nghiên cứu tại mỗi trạm vào PHT.

- HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu

- HS lắng nghe và thực hiện

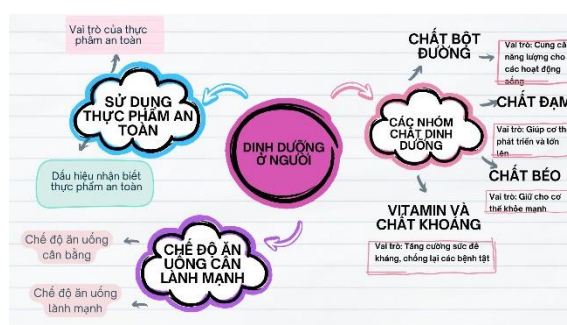




- GV: Hết thời gian làm việc tại các trạm, GV quay số bắt thăm ngẫu nhiên để lựa chọn trạm báo cáo một trong các nội dung trên PHT, các nhóm khác lắng nghe nhận xét và bổ sung.

- GV tổ chức nhận xét và chốt lại kiến thức theo sơ đồ tư duy:

1: DINH DƯỠNG Ở NGƯỜI



2: BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN DINH DƯỠNG



3: PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC



- HS báo cáo.

- HS quan sát, lắng nghe

Bài tập 2: Chia sẻ về “kết quả” những việc bản thân đã thực hiện ở gia đình (10 phút)

Mục tiêu: HS chia sẻ được kết quả của những việc làm mà bản thân đã thực hiện ở gia đình.

Phương pháp, kỹ thuật: Hẹn hò

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS sử dụng PHT (*phụ lục*) mà GV đã yêu cầu về nhà chuẩn bị nội dung kết quả vận động người thân trong gia đình thực hiện một số việc cần làm để phòng tránh bệnh thừa cân béo phì, suy dinh dưỡng thấp còi và thiếu máu thiếu sắt.

- Sau đó, GV phát cho mỗi HS 01 đồng hồ hẹn hò và cho HS có 1 phút để hẹn hò đối tác ở các khung giờ 2 giờ, 4 giờ, giờ. Khi hẹn đối tác cần ghi tên vào khung giờ hẹn và mỗi khung giờ chỉ được hẹn với 01 người.



- GV: Tổ chức cho HS hẹn hò, GV yêu cầu đi tìm đối tác ở khung giờ để chia sẻ về kết quả vận động người trong gia đình thực hiện 1 số việc cần làm để phòng tránh các bệnh liên quan đến dinh dưỡng, thời gian chia sẻ với đối tác là 1 phút. Hết thời gian thảo luận GV sẽ chuyển khung giờ và nhiệm vụ. Cụ thể:

 Tìm đối tác ở khung giờ 2 giờ để chia sẻ về kết quả vận động người trong gia đình

- HS thực hiện

- HS thực hiện

- HS thực hiện

thực hiện 1 số việc cần làm để phòng tránh bệnh thừa cân béo phì; khung giờ 04 giờ chia sẻ về kết quả vận động người trong gia đình thực hiện 1 số việc cần làm để phòng tránh bệnh suy dinh dưỡng thấp còi; khung giờ 8 giờ chia sẻ về kết quả vận động người trong gia đình thực hiện 1 số việc cần làm để phòng tránh bệnh thiếu máu thiếu sắt. - GV: Quay số gọi HS báo cáo. Khi báo cáo HS đọc tên đối tác đã hẹn hò và thảo luận. Điểm đánh giá tính cho cả 02. - GV nhận xét tuyên dương cả lớp đã biết nhắc nhở và cùng người thân thực hiện những việc làm để phòng tránh các bệnh liên quan đến dinh dưỡng.	- HS báo cáo - HS lắng nghe
Bài tập 3: Xử lý tình huống (10 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS đưa ra được lời khuyên cho từng tình huống <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Thảo luận nhóm <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV nêu tình huống: Em sẽ khuyên bạn thế nào nếu: + TH1: Bạn thường xuyên không ăn rau, thích ăn đồ chiên, rán. + TH2: Bạn không thường xuyên uống nước. + TH3: Bạn hay ăn quà bán vỉa hè. + TH4: Bạn rủ đi bơi ở ao hồ, sông suối. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, đọc từng tình huống, đặt mình vào vai là bạn của bạn nhỏ trong từng tình huống để khuyên bạn của mình.	- HS lắng nghe - HS thực hiện TH1: Bạn nên ăn rau xanh hằng ngày để đủ chất dinh dưỡng và tốt cho hệ tiêu hóa, giảm ăn đồ chiên rán để phòng bệnh thừa cân béo phì.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có lời khuyên hay.	TH2: Bạn nên thường xuyên uống nước để tránh mệt mỏi, giảm chức năng thận và sỏi thận,... TH3: Ăn hàng quán vỉa hè mất vệ sinh, có nguy cơ bị tiêu chảy, nhiễm gian có thể dẫn đến bệnh suy dinh dưỡng thấp còi. TH4: Đi bơi ở ao hồ, sông suối không có biện pháp cứu hộ an toàn và người lớn giám sát, có khả năng bị đuối nước. - Đại diện nhóm báo cáo. - HS lắng nghe
Bài tập 4. Tự nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện một số việc làm. (8 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS tự nhận xét, đánh giá được mức độ thực hiện một số việc làm <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Thảo luận nhóm <i>Cách tiến hành:</i>	
- GV phát PHT (<i>Phụ lục</i>) cho HS và yêu cầu HS đánh dấu (✓) hoặc (✗) vào PHT thời gian 3 phút. - Hết thời gian GV cho HS chia sẻ theo nhóm 4 trong thời gian 5 phút và gọi 1 số bạn chia sẻ. - GV nhận xét kết quả đánh giá của HS	- HS thực hiện - HS chia sẻ và các bạn khác có thể đặt câu hỏi về những việc làm thường xuyên, thỉnh thoảng, không bao giờ. - HS lắng nghe
Bài tập 5. Chia sẻ kết quả đánh giá và rút kinh nghiệm (7 phút) <i>Mục tiêu:</i> HS chia sẻ kết quả đánh giá và rút kinh nghiệm sau khi thực hiện những việc làm phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng. <i>Phương pháp, kỹ thuật:</i> Lầu băng chuyên	

Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân trong thời gian 3 phút về: Những việc làm em cần tiếp tục thay đổi để cơ thể khỏe mạnh. - Hết thời gian GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm 4 theo sơ đồ sau: <pre> graph TD 1((1)) --> 2((2)) 2 --> 4((4)) 4 --> 3((3)) 3 --> 1 </pre> GV: Hai bạn đối diện sẽ chia sẻ, khi có hiệu lệnh gõ thước bạn số 1 di chuyển sang số 3, bạn 3 di chuyển sang 4, bạn 4 lên số 2 và bạn 2 di chuyển sang 1 và tiếp tục chia sẻ. - GV mời một số HS chia sẻ và tổ chức nhận xét. - GV kết luận: Chủ đề con người và sức khỏe cung cấp cho chúng ta những kiến thức cơ bản về các nhóm chất dinh dưỡng và giá trị dinh dưỡng có trong thức ăn; ăn uống khoa học; thực phẩm an toàn; phòng tránh đuối nước,...	- HS thực hiện - HS chia sẻ - HS chia sẻ - HS lắng nghe
3. Vận dụng trải nghiệm (5 phút) Mục tiêu: - củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng sau khi học sinh bài học. Phương pháp, kỹ thuật: trò chơi	
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Hộp quà bí mật” Câu hỏi:	- HS tham gia trò chơi

1. Cơ thể người bệnh có mỡ nhiều quá mức, tích tụ lại một số bộ phận như cánh tay, bụng, eo,...Người này có thể bị mắc bệnh gì?

- A. Thừa cân béo phì
- B. Thiếu máu thiếu sắt
- C. Suy dinh dưỡng thấp còi
- D. Tim mạch.

2. Khi đến bể bơi, chúng ta nên:

A. Quan sát, phân tích tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước, đưa ra cách ứng xử.

B. Phân tích thông tin quan sát, dự đoán nguy cơ có thể xảy ra, đưa ra cách ứng xử.

C. Quan sát, dự đoán nguy cơ có thể xảy ra, đưa ra cách ứng xử.

D. Quan sát, phân tích thông tin quan sát, dự đoán nguy cơ có thể xảy ra, đưa ra cách ứng xử.

3. Điều gì sẽ xảy ra với cơ thể nếu chúng ta chỉ ăn thịt, cá mà không ăn rau xanh, quả chín?

A. Cơ thể thiếu vitamin, chất khoáng làm tiêu hóa kém, thừa chất béo.

B. Cơ thể sẽ chậm phát triển

C. Chi tiêu cho việc mua đồ ăn sẽ tăng cao.

D. Da nhanh bị lão hóa.

4. Đây là thực phẩm tốt cho sức khỏe?

A. Gà Rán B. Nước ngọt

C. Rau củ quả D. Bimbim

5. Trong tháp dinh dưỡng, chúng ta nên hoạt động thể lực bao nhiêu phút 1 ngày?

A. 40 phút B. 50 phút

C. 60 phút. D. 70 phút.

6. Nguyên nhân nào dẫn đến bệnh béo phì?

A. Do thừa chất bột đường, chất đạm và ít vận động. B. Do ăn nhiều rau xanh. C. Thường xuyên tập thể thao. D. Ăn đủ các chất dinh dưỡng. - GV tuyên dương cả lớp - GV nhận xét tiết học và nhắc nhở HS chuẩn bị bài tiếp theo.	- HS lắng nghe - HS lắng nghe
--	---

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

V. PHỤ LỤC

1. Phiếu học tập số 1: Ôn tập nội dung đã học về chủ đề Con người và sức khỏe

PHIẾU HỌC TẬP CÁ NHÂN
HỌ VÀ TÊN: LỚP:.....

TRẠM 1: DINH DƯỠNG Ở NGƯỜI

1. Kể tên các nhóm chất dinh dưỡng? Vai trò của các nhóm chất dinh dưỡng đó?

2. Quan sát các hình sau:










a. Thức ăn nào cung cấp nhiều năng lượng? Thức ăn đó thuộc nhóm nào?

b. Thức ăn nào cung cấp ít năng lượng? Thức ăn đó thuộc nhóm nào?

3. Quan sát các hình sau:














Từ những thực phẩm có trong hình, em hãy xây dựng một thực đơn có chế độ ăn uống cân bằng, dựa vào bảng sau:

Bữa sáng	
Bữa trưa	
Bữa phụ	
Bữa tối	

TRẠM 2: BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN DINH DƯỠNG

1. Kể tên một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng?

2. Quan sát các hình sau và trả lời câu hỏi:





a. Cho biết các bạn nhỏ trong tranh đang mắc bệnh gì? Nguyên nhân mắc các bệnh đó là gì?

b. Để phòng tránh các bệnh đó chúng ta cần làm gì?

TRẠM 3: PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC

1. Quan sát các bức tranh sau:




Hãy phân đoán tình huống có thể xảy ra trong hình

2. Nêu những việc nên làm để phòng tránh đuối nước?

3. Nêu những việc không nên làm để phòng tránh đuối nước?

4. Nguyên tắc an toàn khi bơi hoặc tập bơi?

2. Phiếu học tập số 2,3 : Kết quả vận động những người trong gia đình và mức độ thường xuyên thực hiện một số việc làm phòng tránh các bệnh

Phiếu học tập số 2

Họ và tên:.....

Nhiệm vụ: Về nhà, các em hãy vận động người thân trong gia đình mình thực hiện các việc làm phòng tránh các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và ghi lại kết quả thực hiện

Kết quả thực hiện những việc làm phòng tránh:

1. Bệnh thừa cân béo phì:

.....

2. Bệnh suy dinh dưỡng thấp còi:

.....

3. Bệnh thiếu máu thiếu sắt:

.....

Phiếu học tập số 3

Họ và tên:.....

Em hãy đánh dấu (v) hoặc (x) vào bảng sau:

Việc làm	Đánh giá		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1. Ăn nhiều			
2. Ăn phối hợp nhiều loại thức ăn			
3. Ăn thức ăn đã nấu chín			
4. Ăn các loại rau củ hằng ngày			
5. Rửa tay trước khi ăn			
6. Uống đủ nước			
7. Vận động cơ thể hằng ngày			
8. Ăn nhiều thức ăn chiên, rán			
9. Ăn thức ăn bán rong ngoài vỉa hè			
10. Ăn thức ăn có dấu hiệu bị mốc, hỏng.			

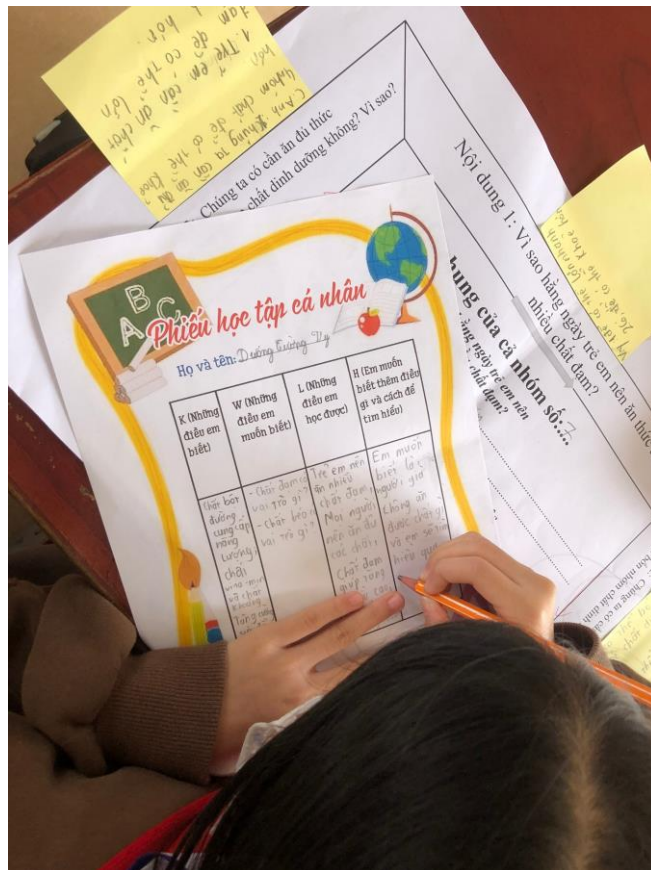
3. Sơ đồ tư duy



PHỤ LỤC 4

MỘT SỐ HÌNH ẢNH THỰC NGHIỆM

1. Bài 23: Vai trò của chất dinh dưỡng đối với cơ thể



2. Bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng

